



TÁC PHẨM CHỌN LỌC DÀNH CHO THIẾU NHI



ĐOÀN GIỎI

Đất Rừng Phương nam





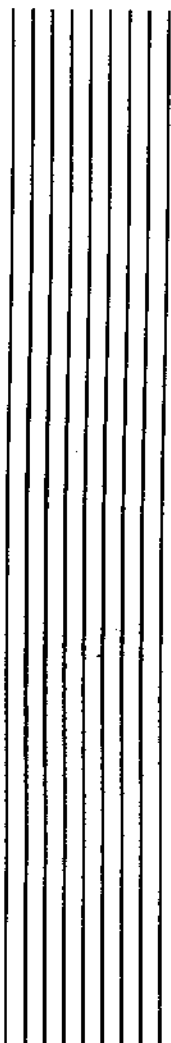
Nhà văn
Đoàn Giỏi

Mỗi lần gặp Đoàn Giỏi tôi lại bị ám ảnh bởi ý nghĩ rằng ông là con người khác thường. Nếu sinh vào thời khác, xứ khác hẳn ông là một tay anh hùng hảo hán, một chủ sơn trại, một bố già chọc trời khuấy nước... Ông đã làm một nghề tưởng như rất xa lạ với bản tính tự do, phóng khoáng của ông - nghề văn... Nhưng ngay cả trong cái nghề tẻ nhạt và khó khăn này ông đã làm được một cái gì đó độc đáo, không giống ai...

Trần Đình Nam



TÁC PHẨM CHỌN LỌC
DÀNH CHO THIẾU NHI



ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM

ĐOÀN GIỎI

(In lần thứ mười)

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Thay lời giới thiệu

THI SĨ CỦA ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM

Đầu những năm tám mươi, có lần tôi mang bản in thử cuốn Đất rừng phương Nam đến nhà Đoàn Giỏi ở số 4 phố Cổ Tân để ông xem lại, ông kéo tôi đến bên khung cửa sổ chỉ tay ra phía quảng trường Nhà hát lớn và nói:

"Mình thuộc đất Nam Bộ thì viết Đất rừng phương Nam, thực ra chuyện lạ thì phương nào chả có. Ngay dưới chân bọn mình đang đứng và xung quanh đây cũng khối chuyện. Ngày trước sông Cái ăn vào tận con phố này. Bọn ta đang đứng trên bến đò Cổ Tân xưa. Từ bến đò có thể nhìn thăm thẳm sang mạn Bồ Đề nơi Lê Lợi đặt đại bản doanh và đài quan sát thành Đông Quan năm 1427. Vì thế mới có câu ca:

*Nhong nhong ngựa ông đã về
Cắt cỏ Bồ Đề cho ngựa ông ăn*

Giữa con nước sông Hồng đỏ khé lừng lững ngang trời thấp thoáng bóng độc mộc cắt nước nổi hai bờ. Hồ báo hươu nai lững thững đi dạo quanh hồ Hoàn Kiếm đông chẳng kém chi giống người bây giờ. Cứ đào thẳng xuống dăm bảy chục thước quanh đây thế nào cũng gặp xác thuyền cổ, xác thuồng luồng, ba ba, hổ cốt - quân của hai trụ Thủy Tinh Sơn Tinh tử trận".

Nhìn ông lúc đó giống hệt như một vị thuyền trưởng đứng trên boong tàu lướt sóng. Gió sông Hồng thổi tóc ông dựng đứng cả lên, hai tà áo bay phấp phật. Giọng ông hào hứng, ngân nga như hát. Khi con người có những ý tưởng đẹp để thì thân xác cũng theo đó mà đẹp lên. Vâng, bóng dáng ông lúc đó như một bài thơ! Một bài thơ thanh thoát và nhẹ bồng, bất cứ lúc nào cũng có thể bay qua cửa sổ, qua phố Cổ Tân rồi lơ lửng trên quảng trường Nhà hát lớn như một đám mây.

Ông thấy mình đang đứng bên bến đò thời hồng hoang chứ không phải trong hành lang chật hẹp như một cái cabin, với căn phòng nhỏ đặt một cái giường duy nhất, găm giường nhét linh kinh những chai lọ, xoong nồi, rế rá, có khi cả củi nữa; căn phòng mà ngay trước cửa ra vào ván sàn đã sụp xuống, cầu thang gỗ rên xiết đến chạnh lòng dưới những bước chân. Đoàn Giỏi hàng ngày thường lên xuống cái cầu thang này mấy bận với xô nước trên tay. Ông vừa thở vừa leo từng bậc, một tay nắm chặt cái tay vịn

bằng gỗ lim đã lung lay, lúc nào cũng chỉ chực rơi xuống. Ngay trước nhà, xế bên trái, là một bãi bia vĩ đại ngày nào cũng chật cứng người nhậu nhẹt. Xa hơn ngoài quảng trường Nhà hát lớn, lổm ngổm đám xe tải xe con đang thử phanh rít lên những tiếng lộng óc. Đoàn Giới ngồi viết về những rừng đước phương Nam, về những đám cháy ngút ngàn, về những con sóng trên sông Cửu Long không giống bất kỳ một con sóng nào trên thế giới giữa đám "siêu mùi" nồng nặc từ quán bia bốc lên - một hỗn hợp mùi của ngấu pín, thịt chó, ngọc kê, mắm tôm, khói thuốc lá... cộng lại, giữa những âm thanh rần rần đánh chát chúa của tiếng cốc chén vỡ, tiếng chửi rửa tục tằn, tiếng rít chói tai của ô tô thử phanh. Ngày nào, tháng nào năm nào cũng quang cảnh ấy, âm thanh, mùi vị ấy. Vậy mà Đoàn Giới viết ra toàn những điều đẹp đẽ, lạ lùng, không vương một chút ý vị nào của cuộc sống tầm thường thì mới lạ chứ.

Tôi đùa:

- Chưa biết chừng đang viết về con heo rừng một đêm trắng sáng hưng tình nhớ bạn trai và đang khao khát tự do, bác lại bị tiếng rít phanh ô tô, tiếng thủy tinh vỡ làm cho sa sẩy ngòi bút, biến con Vá đẹp đẽ thành một ả lợn sề.

- Mình luôn cố gắng đưa những điều hay ho nhất của mình đến cho bạn đọc. Nếu có điều gì chưa hay chưa vào lòng thì mình khoanh vùng nó lại, không để nó lây lan ra trang viết.

Đoàn Giỏi đặt hai cái chén nhỏ bằng quả cau lên bàn và rót ra hai chén rượu trắng. Bóng lá bóng mây ngoài cửa sổ nhuộm rượu ra một màu xanh ong óng. Rồi ông kéo hộc bàn lôi ra một gói giấy nhỏ gói mười củ lạc, mấy quả ớt. Đoàn Giỏi nhắm rượu với ớt. Tôi nhâm nhi mấy củ lạc. Mặc dù cố nháp từng tý tôi vẫn thấy cổ họng mình bốc lửa bởi cái thứ nước ong óng xanh trông hiền lành như nước lá kia. Đoàn Giỏi kể:

- Hồi nghỉ ở Matxcơva mình gặp một đám trẻ con, chúng hỏi mình đủ thứ chuyện về cái này - ông cầm bản in thử cuốn Đất rừng phương Nam giơ lên - có đứa còn ngỏ ý xin mình một chú cá sấu con nếu lần sau mình sang - chú ta bảo sẽ nuôi trong bể cá. Buổi tối, ngồi uống rượu với mấy ông bạn Nga. Mồ tổ mấy anh mu-dích Nga, nấu rượu lồi chi mà dữ vậy, không phải rượu mà là lửa. Gọi là Xamagôn Xamagéch gì đó.

Mặt và cổ Đoàn Giỏi đỏ bầm lên. Đường mạch máu rất to nơi cổ giãn giật.

Đoàn Giỏi một thời là cán bộ ngành công an. Nhưng xem ra ông chẳng có gờ-ram nào phẩm chất của người chiến sĩ công an... Ông ngại chuyện đôi co, cãi vã tục tằn, ai lấn tới là ông lùi ngay, đầu hàng vô điều kiện. Có lần tôi nói với ông rằng Đất rừng phương Nam có những câu những từ chưa được như ý. Ông nói: "Mình tự học, viết theo bản năng. Cũng là nhà văn cả

nhưng trong cái bể ngôn từ, có người là cá ngư cá kinh, mình chỉ là chú cá con".

Ông không phải là con cá lớn, nhưng cũng không phải là con cá con, ông là con cá lạ. Chưa có nhà văn nào viết về thiên nhiên Nam Bộ được như ông. Nhân vật chính của ông là thiên nhiên và loài vật chứ không phải loài người. Cách đặt tên tác phẩm cũng nói lên điều này: Ngọn tầm vông, Cây đước Cà Mau, Hoa hướng dương, Rừng đêm xào xạc. Tiếng gọi ngàn, Bến nước mười hai, Đất rừng phương Nam, Từ đất Tiền Giang, Cá bóng mú, Chuyện lạ về cá... Toàn nói về đất đai, cây cỏ, muông thú...

Ông là người đầu tiên kể chuyện kinh dị về thiên nhiên Nam Bộ. Trước đây, cha ông ta từng kể các loại chuyện dị nhân chí quái truyền kỳ như Nam Hải dị nhân, Linh Nam chích quái, Truyền kỳ mạn lục... Nhưng ca ngợi vẻ đẹp kinh dị của thiên nhiên Nam Bộ thì ông Giỏi "thì treo giải nhất chỉ nhường cho ai". Dưới ngòi bút ông mọi chuyện đều trở nên lạ lùng. Hãy nghe ông kể:

"Bấy giờ đã về chiều, chợt nhìn thấy phía mặt trời lặn xa xa có hai cây sào dựng đứng trên ngọn cây. Hễ cây sào đó ngã về phía nào thì chim cò phía đó rộ lên, cất cánh bay tứ tán... Nghĩ là bà con đang trèo lên cây quơ sào đập chim, tôi bèn xăm xăm bước tới... Trời đất quý thần ơi. Thì ra là hai con rắn gù to lắm, mình mẩy xám mốc, vẩy nổi như trái mây, đang cất

cổ lên khỏi ngọn cây đón bắt chim về tổ... Một con chim gì to bằng con ngỗng bị nó đập được, đập cánh giãy kêu quàng quạc. Nó ngậm con chim vung qua vung lại, lông đỏ trắng xóa, còn cả cành cây ngọn cây thì chuyển động ào ào như bão giạt... Nhìn về phía xa, lại thấy năm sáu "cây sào" khác dựng đứng trên nền trời đỏ rực"...

Đây là một thứ "hiện thực huyền ảo" đầy chất thơ của thiên nhiên Nam Bộ mà chỉ có Đoàn Giỏi phát hiện ra. Truyện Ba Phi cũng rất thú vị, nhưng Ba Phi là một thứ tiểu lâm, nói dóc nói trợn, khôi hài. Hình như Đoàn Giỏi không chịu được lối kể chuyện đều đều, tẻ nhạt. Thiên nhiên dưới ngòi bút của ông thật đẹp đẽ, bí ẩn. Chỉ một rừng đước bình thường thôi, rất nhiều người đã viết về nó, Đoàn Giỏi vẫn có cách tả riêng của ông, rừng đước không chỉ là rừng đước nữa, mà chúng thật kỳ vĩ linh thiêng: "Rừng đước mệnh mông. Cây đước mọc dài tám tấc, cây nào cây nấy thẳng như cây nến khổng lồ. Rể cao từ ba bốn thước tua tua giương ra xung quanh như những cánh tay từ trong thân cây thò ra bám đất... Những buổi thủy triều lên, chúng tôi dẫm bẫy đưa đuổi nhau chui qua những cánh tay đước. Những lúc đang vui vẻ xung quanh có đông bạn bè ấy tôi có cảm giác rừng đước như đang xôn xao từ dưới biển mọc lên. Những hôm nào đi một mình, xung quanh vắng lặng, nhìn làn nước

đục ngẫu xô nhau tràn qua cội được xù xì, thì tôi lại thấy như khu rừng cứ lặng lẽ chìm dần xuống biển, và một nỗi lo sợ không đâu, bất thần ập tới, khiến tôi hét to lên".

Đoàn Giỏi sống ở Hà Nội từ ngày tiếp quản Thủ Đô 1954 đến 1984. Những ngày giặc Mỹ bắn phá ông tận mắt chứng kiến cảnh bom rơi xuống phố Nguyễn Thiệp, phố Huế, Nhật Tân, bom rơi sát đền Ngọc Sơn nhưng ông gần như không viết gì về Hà Nội ngoài bài ký Chim bay trên trời Hà Nội. Ấy là bởi ông không phải nhà văn của chốn phồn hoa đô hội, nhà văn của thành thị, như Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Hồng, Tô Hoài. Ông sở đoản trong việc mô tả tâm lý. Các nhân vật của ông là những chấm phá đơn giản. Thể loại mà ông sở trường là ký. Đất rừng phương Nam thực ra là những bài ký xâu chuỗi nhau, mà sợi dây là chú bé An. Tiếng gọi ngàn mới đúng là truyện. Có cái gì đó rất là riêng tư trong thiên truyện này. Một nỗi tiếc, xót xa cho những ước vọng không thành, cho thân phận con người. Tiếng gọi ngàn là một Nhớ rừng văn xuôi, da diết và đau đớn. Chưa thấy ai viết về con heo rừng hay như vậy. Không hiểu sao, mỗi lần gặp Đoàn Giỏi là tôi lại bị ám ảnh bởi ý nghĩ rằng ông là con người khác thường. Nếu sinh vào thời khác, xứ sở khác hẳn ông là một tay anh hùng hảo hán, một chủ sơn trại kiểu Cặp Thời Vũ Tổng Công Minh, một bố già chọc trời khuấy nước. Nhưng

rốt cuộc thì ông chẳng phải hảo hán, chẳng phải chủ sơn trại, cũng chẳng phải bố già. Ông đã làm một nghề tưởng như rất xa lạ với bản tính tự do phóng khoáng của ông - nghề văn. Xét về một mặt nào đó thì nghề văn còn tẻ nhạt hơn những nghề công chức cạo giấy, nghề kế toán, tỉ mẩn hơn nghề kim hoàn. Nhưng ngay cả trong công việc khó khăn này ông đã làm được một cái gì đó độc đáo, không giống ai. Ông có bút pháp của mình. Ông không có tên trong các cuốn sách tra cứu về văn học. Không mấy nhà phê bình ngó ngang đến ông. Nhưng tôi tin rằng ông sẽ tồn tại lâu dài trong lòng bạn đọc. Bởi ông là thi sĩ chân chính của đất rừng phương Nam.

TRẦN ĐÌNH NAM

**ĐẤT RỪNG
PHƯƠNG NAM**



Ra một bước đàng, học một sàng khôn

(Ngạn ngữ)

1

XÓM CHỢ NHỎ, MỘT VÙNG QUÊ XA LẠ

"Có lẽ từ hôm bước lên xóm chợ này, mình đã bắt đầu cuộc sống lưu lạc rồi chăng?". Những đêm giật mình thức giấc, nằm nghe tiếng gió rít thê lương từ các cánh đồng xa mông quạnh và lắng nghe tiếng nước chảy ào ào dưới chân cầu nước⁽¹⁾ bắc ra con kênh thẳng tắp chạy dài vô tận trước ngôi chợ này, tôi vẫn thường vợ vẫn nghĩ như vậy.

Tôi lạc tới xóm chợ này, tính ra đã có hơn nửa tháng. Một buổi tối, đoàn thuyền vận tải quân lương của Ủy ban kháng chiến Nam Bộ đỗ lại đây. Anh học sinh trường cô-lê⁽²⁾, người trong ban tiếp tế đã cho tôi theo thuyền từ Hậu

(1) Cầu nhỏ bắc gie ra sông, dùng để lên xuống rửa ráy, tắm giặt.

(2) Trường trung học.

Giang đến đây, bảo tôi: "Chỉ ghé lại độ nửa giờ cho các chú lên chợ mua thức ăn. Có muốn lên bờ không?". Tôi lắc đầu. Anh bèn vỗ vai tôi cười lớn: "Vậy thì tốt quá, ngồi trên mui ngó lên bờ chơi cũng được. Trông chừng đồ đạc, em nhé!". Anh lần theo đòn dãi bắc sang một chiếc thuyền khác, và lẹ làng như con sóc, co người trèo qua be mấy chiếc tam bản, mấy chiếc xuống nhỏ của những người đi chợ đậu ken dọc theo bến rồi nhảy phóc lên bờ.

- Dừng đi đâu nhé! Uống cà phê xong anh sẽ xuống cho chú mày cái bánh! - Anh xóc khẩu súng mô de đeo bên hông, vẩy vẩy tôi và rướn hai chân, cố nói thật to để cho tôi nghe thấy.

- Rồi! Nghe rồi... Anh cứ đi đi! - Tôi bắc tay lên mồm đáp lại.

Tôi ngồi đong đưa hai chân trên chiếc mui thuyền chờ gạo ngóng lên chợ. Đèn măng-sông trong các hiệu buôn, các tiệm ăn của người Hoa kiều thấp lên sáng rực. Chỗ khoảng sân rộng, những người đàn bà nông dân mặc quần áo bà ba đen, khăn rằn đen vắt chéo qua vai ngồi xếp từng dãy dài sau những chiếc cần xé⁽¹⁾ to tướng, những chiếc thúng đựng đầy áp không trông rõ và không biết đó là thức gì mà họ mang ra chợ bán. Mỗi người bán hàng đều thấp một ngọn đèn con ở chỗ mình ngồi. Và những

(1) Sọt vuông to đáy có hai quai xách; khi cần cứ tra đòn vào khên.



người đi chợ, cũng có nhiều người cầm theo trên tay một ngọn đèn.

Đèn người mua, đèn người bán cứ như sao sa.

Từ trong đám người ồn ào và những ánh lửa đèn luôn luôn di động ở tít chỗ cuối chợ, bỗng nổi lên bốn đầu ngọn đuốc cháy đỏ rực cùng với tiếng trống, tiếng thanh la khua rung dồn dập.

- Hát Sơn Đông, chúng mày ơi!

- Lại coi con bé nhào vòng lửa đi!

- Mau lên, chúng mày ơi!

Bọn con nít từ khắp các ngõ ngách, từ trong các chỗ tối, từ dưới thuyền dưới xuống trèo lên, ba chân bốn cẳng reo hò chạy về chỗ đám hát rong. Tự nhiên hai chân tôi cũng ngứa ngáy muốn tuôn theo. Đã bắt đầu nghe tiếng i ô của người Khách⁽¹⁾ mãi võ giới thiệu các môn trình diễn, và tiếng vỗ tay hoan hô của đám người xem vây quanh. Tôi kiểng chân lên coi họ làm gì đằng ấy. Xa quá, chỉ thấy đầu người lô nhô và mỗi lúc lại nghe tiếng cười khoái trá dậy lên. "Lâu nay mình xem chán rồi. Còn lạ gì cái thứ trò ấy!" Tôi tự nhủ thầm như vậy và khinh khỉnh nhìn về đám người huyền não để nén sự thôi thúc cứ dồn trống trong ngực.

- Thằng An còn ngồi đấy không? - Bác tài công già cầm xâu thịt và một mớ rau cải vừa bước lên đôn dài vừa hỏi, giọng ồm ồm.

(1) Người Trung Quốc.

- Cháu còn đây, bác ơi! - Tôi vội đáp, bụng hơi rạo rức.

- Nè, mà mày muốn coi hát Sơn Đông không? - Bác lại hỏi.

- Các anh bảo cháu ở đây coi chùng thuyền.

Bác tài công vút râu thít vào cái rổ, vắn lưng uốn xương sống nghe rắc rắc, hơi thở nặc nồng mùi rượu.

- Ê, mày đã ăn thịt nai xào cải rổ chưa? Sáng mai tao cho mày ních một trận, phải biết nhá! - Rồi bác cười lớn - Tao đi đã khắp ngọn nguồn sông lạch mà chưa thấy ai mập như con mẹ chủ quán này. Nó rót luôn cho tao năm ly rượu tằm bông mắt thỏ mà không nhều ra ngoài một giọt chứ!

- Bác có lên chợ uống cà phê không? - Tôi hỏi.

- Tao mà cà phê cà pháo gì mậy? Ờ, mà các chả⁽¹⁾ đang làm cà phê trong cái quán chỗ đám hát Sơn Đông đó! Thôi, có tao ở đây rồi. Cho mày lên chợ chơi một lát. Nhớ đường trở xuống bến không? Đừng có đi đâu xa, coi chùng lạc.

Trời ơi, một thằng bé từ lọt lòng mẹ đến giờ sống ở thành phố như tôi mà có thể lạc trong cái chợ nhỏ xứ quê này? Tôi cười thầm trong tối, từ trên mũi gieo người nhảy dộp xuống sạp thuyền.

(1) Cha ấy, bố ấy.



- Cười gì đó mậy, An? - Bác nhượng mắt hỏi tôi.

- Không. Cháu có cười gì đâu?

- Bộ mày tưởng tao say hả? Ê, tao còn thấy cái bông bần⁽¹⁾ trôi giữa kênh kia nhá!... Chà, nước giạt ròng rồi.

- Cháu lên đây, bác ạ!

Không chờ nghe bác ừ, thoáng cái, tôi đã đặt chân tới bờ. Chao ôi! Chợ gì mà lạ lùng thế này? Bộ Tây sắp đánh tới nơi, nên người ta đem vườn bách thú ra phát mãi hay sao! Một con ba ba to gần bằng cái nong, đặt lật ngửa, cứ ngo nguậy bơi bốn chân trước ông cụ già ngồi lim dim đôi mắt. Những con rùa vàng to gần bằng cái tô, đều tắm tấp, như đổ ở cùng một khuôn ra, nằm rục cổ trong mấy chiếc giỏ cần xé. Đây là một con nai người ta vừa xẻ thịt ra bán, cái thủ còn nguyên chưa lột da bày giữa đồng thịt đỏ hỏn trên một tấm lá trâm. Cua biển cũng có, ếch cũng có, nghêu sò cũng có. Còn cá tôm thì nhiều lắm, đủ các loại cá tôm, không kể xiết. Tôi bước thêm mấy bước, qua những đồng trái khóm⁽²⁾ chín vàng tỏa thơm mùi mật, thấy hai con trút⁽³⁾ nằm khoanh, vẩy xếp lại như những đồng hào lấp lánh. Có tiếng chim gì mổ nhau kêu quang quác trong chiếc lồng kẽm chỗ tôi tới: ngọn đèn vừa bị cánh chim

(1) Một loại cây mọc theo mé sông, đầm nước, còn gọi là thủy liễu.

(2) Dứa.

(3) Con tê tê.

đánh nhau quật tất, và người chủ bán chưa kịp thấp lên. Một chú khỉ con cứ nhảy qua nhảy lại lia lịa, chồn vờn trèo lên đóng bí ngô. Thấy tôi đi qua, nó nhe răng khếch khếch, ngó tôi rồi quay lại nhòm người chủ, dường như muốn bảo tôi hỏi giùm tại sao cái lão rậm râu kia không thả mỗi dây xích cổ ra để nó được tự do đi chơi như tôi... Đằng chỗ đám hát rong, một tràng pháo nổi lên vang dậy. Tôi chẳng còn tâm trí đâu mà nhìn ngó chung quanh nữa. Tôi lại ba chân bốn cẳng nhắm mắt nhắm mũi lao về phía tiếng ồn ào đang có một sức cuốn hút không cưỡng được.

"Mình chỉ coi một chút thôi!" Tôi nghĩ bụng và đưa mắt nhìn vào trong ngôi quán cà phê nhỏ núp dưới tàn cây bã đậu chôm chồm những gai. Cái lưng gù gù anh học sinh trường *cô-le* lấp ló qua vai những người dân quân tự vệ đội nón bàng rộng vành thả trễ sau gáy. Tôi muốn vào báo cho anh biết tôi đã lên đây, nhưng bụng phân vân: "Lỡ ảnh⁽¹⁾ bảo xuống thuyền thì sao?... Ừ, mà mình chỉ cần coi qua một chút thôi mà!".

- Chen đâu mà chen dữ vậy hả? - Một thằng bé lùn lùn, béo ục ịch, trợn mắt hích khuỷu tay vào hông tôi.

- Cho tao coi một chút mà!

Nghe tôi nói bằng một giọng nhường nhịn, thằng bé tức thời nép người qua để cho tôi lách

(1) Anh ấy.



vào, rồi nó nhe răng cười làm như tôi với nó đã quen từ hồi nào.

- Mày mới tới à? Hồi nãy vừa diễn trò hai con khỉ kéo xe mê lắm!

- Ủ, mình mới tới! - Tôi đáp cho có đáp, không còn chú ý nghe nó kể những gì bên tai nữa.

Người Khách mãi võ mặc quần áo chèn màu đen đã bán qua một lượt thuốc cao, bắt đầu giới thiệu tiết mục "Em bé mười tuổi nhào qua vòng lửa".

- Trò này đêm qua có diễn rồi. Không thể tả được mà! - Thành bé lùn lùn béo ục ịch lại rỉ tai tôi, giọng đầy tự hào về cái chuyện nó đã được xem trước tôi.

Một em bé vận bộ quần áo bằng xa tanh màu đỏ, tóc tết quả đào, mang đôi hài vải đen bước ra, cúi chào khán giả. Chiếc vòng sắt quần giẻ tẩm dầu lồng giữa một khung gỗ hình chữ nhật, dựng đứng cỡ ngang tầm mắt tôi, bày giữa hiện trường. Dứt loạt vỗ tay chung quanh, người Khách già cầm ngọn đuốc châm vào chiếc vòng quần giẻ. Túc thời một vầng lửa hình tròn như chiếc bánh xe lửa của Na-tra⁽¹⁾ phục cháy vù vù. Em bé lại nghiêng đầu chào mọi người rồi dún chân một cái, chạy tới ba bước gieo mình như một con thoi bay qua vòng lửa. Mắt tôi hoa lên, chỉ còn thấy cái bóng đỏ lao qua lao

(1) Một nhân vật trong truyện "Phong thần" (Trung Quốc).

lại xuyên ngang văng lửa, và hai tai tôi ù đi vì tiếng reo hò, tiếng vỗ tay vang dậy.

- Đêm qua, nó nhào sáu lần mà bữa nay nó tăng lên tới tám lần! Mà thấy ghê chưa? -
Thằng bé lùn lùn béo ục ịch lại hích tôi, vênh mặt nói.

Trong lúc người Khách cầm mấy chai rượu thuốc đi vòng quanh chào hàng thì em bé vừa đứng thỏ vừa đưa hai bàn tay nhỏ phỉ phỉ những sợi tóc cháy trước trán. Đường như đêm nay số thuốc bán được ít ỏi quá. Người Khách mặt buồn buồn, đặt mấy chai rượu thuốc lên cái rương lớn màu đen, cố làm ra vẻ tươi tỉnh:

- Ông bà cô bác xem xong trò này, rồi hẵng mua giùm sau cũng được. Hầy! Tả lô lên⁽¹⁾...

Tiếng trống, tiếng thanh la lại khua rung dồn dập. Ông ta cầm một nắm dao con sáng loáng tung lên bắt từng chiếc một, rồi lần lượt cắm tất cả mười hai con dao ấy vào những khe hở đục trong cái vòng sắt còn đang rừng rực lửa. Những mũi dao nhọn hình lá trúc đào lấp lánh ánh thép trắng xanh tua tủa chĩa ngược vào trong, càng làm thu hẹp cái khoảng tròn ban nãy vừa đủ một thân mình người chui qua. Người Khách liếc nhìn mấy người đánh trống đánh thanh la, ra hiệu ngừng tay. Ông ta nhướng mắt hét lên một tiếng, rừng mình thu người lại, và lập tức dún chân bay qua giữa

(1) Này! Giống đại thanh la lên.



những mũi dao tua tủa. Tôi nhắm mắt lại. Trời ơi! Chỉ nhích ra một phân, bất cứ ở phía nào thì những mũi dao sắc nhọn như gươm kia cũng đâm xóc lút vào da thịt. Ông ta lao đi lao lại ba lần như vậy, mà trông sắc mặt và hơi thở không chút biến đổi.

- Người lớn làm không hay. Em bé làm mới hay! - Người Khách vung tay giới thiệu.

Em bé gái bước ra, nghiêng đầu chào mọi người. Hai bàn chân đi đôi hài vải đen nhỏ xíu khỏi động giẫm lên giẫm xuống một chỗ trên mặt đất lổm chổm những hòn cuội. Tôi hồi hộp quá. Đôi môi em bé run run. Rõ ràng là nó đang cố trấn tĩnh trước phút biểu diễn cái trò vô cùng nguy hiểm này!

- Có ba ở đây, con! - Người Khách nói bằng giọng khuyến khích vui vẻ, nhưng cặp mắt ông ta trông nghiêm nghị đáng sợ.

Em bé tức thời hét lên một tiếng như bố, dún chân bay xuyên qua giữa vòng dao rục cháy. Chung quanh im phăng phắc. Mọi người không kịp vỗ tay. Có lẽ vì sự thần phục cùng với nỗi lo sợ thay cho em bé cùng một lúc ập vào làm choáng ngợp mọi trái tim người. Em bé lao qua vòng dao lần thứ nhất, rất dễ dàng. Em lại mím môi lao qua lần thứ hai. Đến lần thứ ba, thì một tiếng thét kinh hoàng của những người xem nổi lên chung quanh tai tôi. Em bé đã ngã bổ xuống bàn chân phải mắc vào một mũi dao.

Người xem chạy ủa vào. Ông Khách già ôm ngang lưng con gõ chiếc hài đen ra khỏi mũi dao. Một dòng máu đỏ từ trong vết thương bàn chân em bé tuôn ra như suối.

- Không hề gì mà! Dán một lá thuốc cao, khỏi ngay thôi! - Ông Khách vừa nói vừa rắc một ít thuốc cầm máu màu đen để hàn miệng vết thương, và trao đứa con gái cho một bà xẩm⁽¹⁾ vác đưa xuống chiếc thuyền đậu trong một con mương gần đấy.

Bọn trẻ nhỏ ùn ùn chen lấn chạy theo coi. Mặc dầu đám hát vẫn tiếp tục biểu diễn, nhưng tôi không còn lòng dạ nào xem nữa. Tôi cũng chạy theo đám trẻ, lần xuống mé nước đứng ngó vào thuyền.

Em bé ngồi tựa lưng vào mũi, đôi mắt to đen láy nhìn xuống vết thương trên mu bàn chân đã được bó một lá thuốc cao. Không thấy máu chảy nữa. Nhưng bàn chân cứ run run, lâu lâu lại giật một cái, khiến em nhắm mắt lại. Bà xẩm cầm ngọn đèn soi vào chân con, trông mắt đỏ hoe.

- Con có đau lắm không, con?

Em bé nhắm nghiền mắt, hai bàn tay bóp chặt trên ống chân, lắc lắc đầu. Một giọt nước mắt người mẹ rơi xuống bàn chân nhỏ của đứa con đau. Em bé mở choàng mắt ra, hốt hoảng

(1) Đàn bà Trung Quốc.



nhìn mẹ, như vừa bị một giọt nước sôi rơi trúng vào chân.

- Ô, không có làm sao đâu, má à? Buốt buốt một tí thôi!

Vừa nỡ, cô bé vừa quờ tay ôm ngang lưng mẹ và cố nhoẻn cười cho mẹ yên lòng. Nhưng sau đó một chốc, em lại nhắm mắt lại. Mấy giọt mồ hôi rịn rịn tươm ra trên vầng trán nhỏ. Tôi biết chắc rằng em bé đang đau lắm. Tôi không dám đứng nhìn nữa, bèn trở lên chợ.

Bấy giờ đám hát cũng vừa tan. Tôi sực nhớ ra là mình đã đi lâu quá. Tôi liền chạy vào quán cà phê. Không thấy anh học sinh *cô-le* đâu. Tôi nhằm hướng đầu ngọn cây bàng khô, chạy một mạch về. Đoàn thuyền vận tải quân lương không còn chiếc nào đậu ở đó nữa. Tôi chạy dọc theo bến chợ một quãng, hy vọng họ vừa rời đi, mình còn có thể đuổi theo kịp.

Trời tối quá. Lửa đèn trên sông dần dần thưa thớt. Chợ cũng đã tan rồi. Tôi trèo lên một đống gạch, đứng ngóng theo làn nước lấp loáng ánh sao xuôi xuôi trên dòng kênh không biết chảy về đâu. Một người đàn bà quảy đôi thùng xuống bến lấy nước, đứng lại nhìn tôi hồi lâu, rồi hỏi:

- Nhỏ! Phải mày ở trong đoàn thuyền vận tải không?

- Dạ phải! - Tôi vội đáp, bụng hơi mừng - Họ đi đâu rồi, dì?



tan. Người tản cư ở các vùng trên đổ xuống ùn ùn như nước. Mặt nước dòng kênh không mấy lúc ngọt tiếng khua động mái chèo. Cái chợ con nằm trên ngã ba kênh của xứ làng quê hẻo lánh này trở nên đông vui nhộn nhịp như một thị trấn nhỏ. Người từ Sài Gòn chạy xuống tới đây cũng có. Người vùng Tiền Giang, Hậu Giang cũng có. Nhiều con mụ đàn bà mặc áo lụa trắng bô-đê⁽¹⁾, che dù đầm, núng na núng nính rén bước đi lên chợ, mắt cứ ngó xuống chân dép xăng-đan, sợ bùn đất vấy gấu quần. Tiền bạc đựng nứt ví, nhưng mua gì cũng chê ỏng chê eo, trả giá rẻ mạt. Tôi chỉ nghe họ than phiền với nhau rằng: "Lính mình dở quá, không chặn nổi Tây", rằng "chạy vào đây không có nước đá uống, không có nước ngọt tắm". Thấy tôi lảng vảng đến gần chỗ thuyền họ, họ nhìn chòng chọc vào tôi, bộ như muốn ăn thịt: "Ê, đi đi, thằng nhỏ. Mò mẫm toan ăn cắp hả?". Tôi ức đến muốn khóc. Có ai quen, gặp tôi bây giờ cũng không nhận ra tôi nữa đâu. Ngồi bó gối trên cầu nhìn xuống nước, chính tôi cũng khó nhận ra mình trong cái hình thù quái dị này. Tóc tôi đã mọc dài gần phủ gáy, hai quầng mắt hõm sâu, cổ gầy nhom như cổ cò ma. Chiếc áo vét-tông bằng ka-ki trắng của anh học sinh *cô-le* cho tôi, giờ đây đã biến thành màu cháo lòng, vạt áo phủ xuống tận gối, cứ kêu loạt xoạt theo mỗi bước đi. Còn chiếc quần đùi bằng vải

(1) Tiếng Pháp: bô-rô-đê, nghĩa là thêu.

len của tôi thì bạc phếch ra, hai ống rách te tua như bị cá chột rĩa.

Ai nhờ việc gì, tôi cũng giúp. Mấy thím bán cá nhờ tôi khiêng thúng mùng, xách nước cho họ thay nước rộng cá.

- Em bé! Vác cho qua⁽¹⁾ bó mía đi!

- Em bé! Đội thúng tôm lên chợ giúp dì đi.

- Nhỏ! Nhỏ! Chạy xuống mé kênh cắm lại cây sào của dì sắp trôi kia!

Kể cho tôi nắm xôi, người cho tôi gói bắp. Không ai biết tôi từ đâu trôi dạt tới.

Ngày nào tôi cũng tạt qua trước ngôi quán rượu một lần. Biết đâu bác tài công già hôm nọ chẳng qua ngang mà ghé lại đây?

Những ngày đầu mùa mưa năm 1946 cứ ì ạch nặng nề lê đi từng bước khó khăn như người đàn bà sắp ở cũ cứ trở dạ mãi mà vẫn chưa đẻ được. Ở cái vùng nước mặn miền tây Nam Bộ này, người ta mong mưa như bọn trẻ con chúng tôi mong mẹ về chợ. Mưa có nước ngọt uống, có nước cày bừa, nhưng điều quan trọng nhất trước mắt, là mưa có thể làm chậm bước của địch trong các cuộc tiến công, gây trở ngại cho chúng trên các nẻo đường hành quân vì trơn trượt, sinh lây.

Trời càng sắp mưa thì càng oi bức khó chịu. Ban ngày, mặt trời đổ nắng chang chang, nóng như giọt lửa. Chỉ khi đêm đến mới có đôi chút

(1) Tiếng xưng "tôi" thân mật của người cao tuổi.



gió lao xao từ hướng vịnh Thái Lan thổi tới. Thường thường, đêm nào người trong chợ cũng xách chiếu ra ngồi dọc bờ kênh hóng mát, coi thuyền tản cư và thuyền chở Cộng hòa vệ binh⁽¹⁾ từ mạn trên chảy xuống. Quán rượu dì Tư Béo là nơi tụ họp của những người thức khuya nhất, có khi đến một hai giờ sáng hầy còn đỏ đèn và ran tiếng nói cười.

2

TRONG TỬU QUÁN

Tôi thường lân la đến quán dì Tư Béo, bởi lý do mong gặp người quen. Nhưng còn một lẽ khác nữa, là ở đó, tôi có thể nghe đủ mọi thứ chuyện trên đời. Việc gì vừa xảy ra ở bất cứ xó hẻm nào quanh chợ, lập tức trong quán dì Tư Béo mọi người đã biết ngay. Từ những tin tức nóng hổi ở mặt trận Vàm Xáng như: "... một chiến sĩ ta bị thương, khúc ruột lòi ra, anh lấy tay nhét vào, không rên một tiếng", cho đến chuyện "ông Tổ sư Bồ đề truyền dạy phép màu

(1) Tổ chức quân đội chính quy sau ngày cướp chính quyền của Nam Bộ, một trong bốn sư đoàn dân quân cách mạng vũ trang Nam Bộ.

cho Tề Thiên Đại Thánh như thế nào..." tôi đều có thể nghe được ở đây.

Đó là một ngôi quán nhỏ xệch xạc, trống trước trống sau, cất dựa bên bờ kênh dưới bóng một cây gạo cổ thụ. Mái lá rách thủng lỗ chỗ, ban ngày nắng soi xuống mặt chiếc bàn dài, thả những bóng trứng vịt xuống bên mâm người ngồi nhậu, và ban đêm, người ta có thể uống cả một vì sao xanh rơi trong lòng cốc.

Quán rượu dì Tư Béo nổi tiếng về thứ rượu tăm ngọt giọng, phảng phất mùi cháy khê nổi mà không nhà nào cất được, về tài xào nấu các món thịt rừng mà các lão già tính hay bông phèng đã nức nở khen rằng "nhắm xong một miếng, thấy người phấn hưng, trẻ tráng ra ngay". Nhiều người tin như vậy. Chứ như tôi, tôi nghĩ rằng những người lui tới nơi đây là bởi tự thói quen cố hữu của họ. Mà bà chủ quán vốn là một người đái bôi xởi lởi, không bao giờ để phật lòng bất cứ một ông khách nào dù khó tính đến đâu. Duy chỉ có một điều mà ai cũng biết nhưng cũng chẳng ai nói ra, là trong sự dễ dãi hào phóng của bà ta, dù thế nào thì thế, một đồng xu cũng không lọt được qua cánh tay nhòn nhẩy bóng mỡ của bà, vì bà không để mình chịu thiệt với ai bao giờ. Chẳng vậy mà một hôm, bà ta đã bảo tôi: "Tao thấy mày sống hóm rày ở chợ này như con chó hoang. Tội quá! Về đây mà ở, tiếp giúp tao việc vặt trong quán. Mày sẽ tha hồ ăn, tha hồ uống. Còn như công



xá..." Bà ta im lặng một lúc, sụt sịt mũi: "Nói chuyện công xá, hóa ra cháu ở độ cho dì sao? Dì có một thân một mình. Dì coi cháu như con thôi. Mẹ con mà tính chuyện tiền bạc thì còn ra cái nghĩa gì!".

Tôi đứng lặng đi một lúc lâu, bàng hoàng không biết đáp ra sao. Trước mắt tôi, dòng kênh xanh ngắt lặng lẽ chạy hút vào chân trời. Một cánh buồm nhỏ xíu bồng bênh trên khối nước, ở một nơi nào xa lắm, đôi khi không trông rõ, dường nửa thực nửa hư. Quay nhìn về hướng quê nhà, chỉ thấy mây trời đùn cao như núi. Ngày mai tôi sẽ đi về đâu, sống ra sao, tôi chưa biết. Tôi chẳng ở đây thì còn ở đâu nữa? Tôi gật đầu, chẳng nghĩ ngợi gì.

- Vâng. Cháu sẽ ở đây với dì!

Tôi trở thành thằng nhỏ hầu rượu trong quán dì Tư Béo bắt đầu từ hôm đó.

- Cầm hào bạc đây, ra chợ mà cắt tóc ngay đi! - Bà ta vừa truyền lệnh cho tôi, vừa tháo mấy cây kim băng cài miệng túi áo chích⁽¹⁾ đưa lên ngậm ngang mồm, và móc từ trong miệng túi thâm đen vì bẩn mỡ ra một nắm giấy bạc, nhặt một tờ hào dúm vào tay tôi.

Khi tôi cắt tóc xong, trở về quán thì thấy bà ta lúi húi ngồi khâu bên rổ may.

- Lại ướm thử cái quần đùi coi nào. Dì khâu cho mày đấy.

(1) Áo ngắn tay, tựa như áo lót.

Bà ta đứng dậy, cầm mảnh lụa đen vừa cắt ra từ ống quần dài cũ của bà, chỉ cần khâu một đường lưng và một đường khoét đáy là thành một chiếc quần đùi. Tôi mặc thử, thấy hãy còn quá rộng.

- Cầm bánh xà phòng thơm của dì, xuống bến tắm đi. Rồi lên mà mặc quần mới, con! - Bà ta ngọt ngào bảo tôi.

Bà ta nói với tôi rất ít, lời lẽ dịu dàng, nhưng mỗi câu là một mệnh lệnh. Sau khi tắm rửa xong, tôi vội mặc chiếc quần lụa đen ngắn vào. Bà ta ngồi nheo mắt, cười làm rung rung hai tầng mỡ của đôi gò má bóng nhẫy, ngắm tôi hồi lâu.

- Tươi đa! Sạch sẽ thơm tho như vậy mới có thể hầu khách được. Chứ đừng gần người ta mà hôi như cú thì họ gõ chai lên đầu biết không? Mà trông mày mặt mũi cũng sáng láng đấy. Có chữ nghĩa gì bỏ túi không?

- Dạ, cháu đã đỗ xép-phi-ca⁽¹⁾ tháng sáu năm ngoái.

- Thiệt chứ ? Trời, thằng này giỏi đa! Mới mười bốn mười lăm tuổi mà đỗ phi-ca thì giỏi lắm. Ồ, hồi tao còn con gái, có một ông giáo phi-ca chú ý đến tao, nhưng duyên trời không định. Chà, ngày xưa đỗ phi-ca là đã nên ông nọ ông kia rồi. Khổ cho mày, gặp thời buổi loạn ly!... Thế ba má cháu đâu?

- Dạ, ở xa lắm! - Tôi đáp một cách miễn cưỡng.

(1) Tốt nghiệp tiểu học (bậc tiểu học tương đương với cấp I bây giờ).



Thấy tôi không muốn nói, bà ta cũng thôi không hỏi. Bà ta vốn là người khôn ngoan, lịch thiệp và từng trải, luôn luôn đoán trước ý mọi người, biết lúc nào nên nói, lúc nào nên không và nên chấm dứt câu chuyện ở chỗ nào. Điều này, tôi nhận ra trong những đặc tính của bà ta chỉ qua vài ngày sau thôi.

Kể ra thì khách rượu của quán dì Tư Béo không thiếu hạng nào. Những tay vô công rồi nghề, la cà ngồi tán dóc suốt ngày cũng có. Những người tản cư, cấm thuyền tạt lên uống chén rượu rồi quày quả đi ngay cũng có. Bọn con buôn vào ngồi chỉ cốt lấy chỗ gặp gỡ, trao đổi luồng hàng đương khan hiếm, và để kiếm món xào nướng khoái khẩu hơn là vì cần rượu. Đôi khi, một vài người lính Cộng hòa vệ binh có tuổi lớn rồi chỗ trú quân vào làm một cốc rượu khan, trước khi ra khỏi quán cứ đưa ống tay áo chùi rìa mép và dặn đi dặn lại tôi: "Này, chú em, hễ có ban chỉ huy đến hỏi thì nói không có ai tới uống rượu đây cả nhé! Nhớ nhé!".

Chỉ trong vài hôm, tôi đã quen mặt hầu hết những đệ tử Lưu Linh⁽¹⁾ của xóm chợ này. Nhưng trong đám người thường lui tới đây, tôi chỉ đặc biệt chú ý có hai người.

Một là lão Ba Ngừ. Đường như lúc nào cũng có lão túc trực trong quán. Nói cho đúng thì lão ta cũng không phải là tay mạnh rượu. Nhưng

(1) Người đời Tấn (Trung Quốc), có tài uống rượu, tính phóng khoáng.

lão có thể lai rai uống được suốt ngày. Những chuyện tiểu lâm, những chuyện giang hồ mã thượng lão kể đi kể lại với mọi người, tôi nghe đến thuộc lòng nhưng vẫn thích nghe. Bởi mỗi lần kể, lão thường hay thêm thắt vào những chi tiết bất ngờ khiến tôi phải cười bò ra; hoặc cũng có một đôi chỗ mà lần trước kể dài dòng, lão đã biết khéo léo tước bỏ đi cho câu chuyện thêm tròn trĩnh, dễ nghe hơn. Những lúc đông khách, lão đứng dậy nhường chỗ cho người mới tới. Đôi khi lão còn bưng hộ bát đĩa giúp bà chủ quán. Dì Tư Béo mến lão vì cái tài đưa chuyện và giữ khách không công của lão, nên thỉnh thoảng bà ta cũng đãi lão chút rượu kèm theo một con khô cá lạt nướng⁽¹⁾. Ai mời rượu lão đều uống, không từ chối. Nhưng chỉ uống một chén cho vui bụng người ta thôi. Không bao giờ lão uống đến chén thứ hai. "Mình là người biết tự trọng. Mình có phải là thằng già nát rượu đâu!" Lão thường lè nhè nói một mình như vậy. Cứ mỗi người một chén rượu mời, mỗi ngày đêm lão Ba Ngụ có thể uống tính ra đến một, hai lít! Lão luôn luôn cởi trần, áo chỉ để vắt hồ bên vai, bảo: "Để vậy cho nó mát". Lão chỉ mặc độc chiếc quần đùi: da mặt, da lưng đỏ như cua luộc. Đường như bấm vào bất cứ chỗ nào trong thân hình lão cũng có thể chảy rượu ra ngay được... Đó là người thứ nhất.

(1) Loại cá khô ngon nhất, nướng để uống rượu.



Người thứ hai là Tư Mắm. Không biết y ở đâu, tên thật là gì. Chỉ biết rằng y thường chở mắm lóc, mắm trê, đôi khi chở cả dừa khô và bí rợ trong chiếc ghe lườn⁽¹⁾ bán dọc theo các xóm bờ kênh, nên đồng bào gọi y là Tư Mắm. Còn người đàn bà trạc ba mươi tuổi mà Tư Mắm bảo là vợ y thì không mấy khi thấy bước lên bờ. Có lần, tôi nghe thấy lão Ba Ngù che tay lên miệng bảo với dì Tư Béo: "Chà, bộ thằng Tư Mắm có ngải hay sao mà nó chài được con nôm đẹp quá. Không phải vợ hấn đâu. Dứt khoát là không phải bà chị ạ!" Tư Mắm người dong dong cao nước da xanh mét, tóc cắt bom-bê, mái tóc trước trán rủ xuống tận gò má bên phải. Đôi mắt y rất bé và sắc lạ lùng, trông mắt đảo đi đảo lại rất nhanh và không hề nhìn thẳng vào ai bao giờ.

Một buổi sáng, lúc tôi đang bung rở tôm càng xanh từ chợ về đường thì nghe tiếng tàu bay về về từ hướng Sóc Trăng lượn đến. Người trong chợ xô nhau chạy tán loạn. Chiếc tàu bay đảo hai vòng trên xóm Ngã Ba Kênh, bay rất chậm nhưng thật cao, nghiêng qua nghiêng lại quan sát rồi thả xuống một đồng truyền đơn. Những tờ truyền đơn tua ra, bị gió cuốn bay đi về mạn rừng tràm cách chợ có đến vài ngàn thước. Không biết bọn giặc nói gì trong ấy. Nhưng khi tôi về đến quán thì gặp ngay lão Ba Ngù đứng chửi oang oang:

(1) Thuyền độc mộc.

- Tổ cha thằng Tây. Mày bánh thì xuống đây! Chứ bay trên trời thả giấy xuống thì cũng chưa gọi là bánh...

Lão nín rở tôm của tôi lại, hỏi:

- Mày có nhặt được tờ báo nào đứt trong này không?

- Không.- Tôi đáp.

- Truyền đơn nó kêu gọi Việt Minh đầu hàng đấy!

- Sao bác biết? Bác nhặt được à?

- Nhặt đâu mà nhặt. Thằng Tư Mắm nó vừa bảo thế đấy. Cái thằng coi vậy mà nhát. Nó mới nghe hơi tàu bay một chút đã xuống ghe chèo đi tuốt rồi!

Từ đó đến chiều, gặp ai lão Ba Ngù cũng nói đi nói lại có bao nhiêu chuyện đó. Và chuyện giữa người trong quán cứ xoay quanh vấn đề: "Tây sắp tiến công vào đây! Liệu chúng ta có chặn nổi không?".

Vào lúc chạng vạng, trời bỗng nổi gió to. Tiếng sấm nổ chát chúa trên những vầng mây đen sì mỗi lúc như muốn sà thấp xuống ngọn cây. Mưa bắt đầu rơi lộp độp những hạt to và nặng trên mái lá. Nhưng chỉ ào qua một loạt rồi tạnh ngay. Lão Ba Ngù đứng trước quán, nhìn theo những làn chớp kêu:

- Mưa đi ông! Muốn mưa thì cứ mưa đi. Sao cứ làm khó khăn cho người ta vậy?



- Nếu mưa to thì Tây còn chưa dám vào đâu, phải không anh Ba?

Dì Tư Béo lạch bà lạch bạch như con vịt mái xiêm, ra đứng bên cạnh lão, vừa thở dài vừa hỏi phụ họa.

- Dứt khoát là mưa thì nó không dám tiến công. Nó toàn đi giày, gặp đất trơn trượt ngã bỏ mẹ đi. Hồi *đăng cừu*⁽¹⁾ các ống rải quả mù trên lộ, Tây đi ngã lạch bạch. Thế là dao, mác, mã tấu mình cứ xông ra chém nó như chém chuối!

Tôi dọn rửa bát đĩa xong, không còn việc gì làm cũng ra đứng hóng chuyện bên lão. Bỗng nghe dưới kênh có người hỏi:

- Quán dì Tư có gì nhậu không?

- À, thằng Sáu tuyên truyền! - Lão Ba Ngủ kêu khế.

Dì Tư Béo tức thời quát tôi:

- Vào nhóm bếp lên. Con nít mà biết cái gì, lúc nào cũng chực nghe. - Và bà ta đáp vọng ra kênh. - Vô khối! Còn vô khối!

Tôi ngồi trong bếp vừa nhóm lửa, vừa đưa mắt nhìn ra. Nghe tiếng xuống cấp bên, khua lộp cộp. Dì Tư Béo chạy vào cầm cây phất trần bằng cuống quai⁽²⁾ dũa nước quét lạch xạch trên bàn rượu. "Chắc là có khách sộp đây!" - Tôi nghĩ thầm như vậy, vì nghe lão Ba Ngủ dạ dạ hai ba tiếng, bộ kính cẩn lắm. Rồi thấy anh

(1) Một thời Cần vương, văn thân khởi nghĩa.

(2) Buồng.

Sáu tuyên truyền mồ hôi mồ kê nhễ nhại, tay xách một bao cà roòng công văn giấy tờ, khom người bước qua mái giột, vào đặt phịch cái bao lên bàn. Lão Ba Ngù khệ nệ ôm một chiếc ba-lô to tướng ràng rịt những dây da, lăm lem bùn đất, thận trọng đi từng bước vào và sẽ sàng đặt lên chiếc chõng tre, cạnh cửa ra vào bếp.

Một người đàn ông trạc hăm sáu hăm bảy tuổi, cao lêu nghêu, mặc bộ quân phục ka-ki màu rêu, thắt lưng da rộng bản, khẩu súng pọc-học đeo trễ bên hông, tay xách đôi giày vải, tay cầm chiếc mũ vải kiểu hướng đạo bước vào đưa mắt ngắm nghía một vòng trong quán rồi thông thả kéo ghế ngồi xuống.

Anh Sáu tuyên truyền giới thiệu với dì Tư Béo:

- Đây là ông Huỳnh Tấn, đặc phái viên của Tổng hành dinh Ủy ban kháng chiến Nam Bộ, ở miền Đông mới tới!

Dì Tư Béo chấp hai tay trước bụng cúi đầu chào, nói gì lí nhí trong mồm không nghe rõ, chỉ thấy đôi môi run run một cách cảm động. Ông khách đứng dậy, toét miệng cười, khề nghiêng đầu chào đáp lễ rồi nói một cách thân mật tự nhiên:

- Kiến cán bụng dữ rồi đấy! Dì có gì cho chúng tôi làm ba hột cho đỡ đói cái đã...

Lão Ba Ngù buột miệng đáp ngay:



- Còn nửa rá bún tươi. Có thể ăn với thịt bò xào lá cách⁽¹⁾. Còn nhậu thì... đâu như nhà còn mấy con tôm càng nướng, phải không bà chị? Mà rượu hôm nay không đậm ngon!

Dì Tư Béo gật đầu lia lịa:

- Muốn ăn cơm cũng được. Tôi chịu khó nấu. Chẳng mấy thuở mà! Bắt gà làm xé phay ăn thôi.

Anh Sáu tuyên truyền vừa lau mồ hôi vừa nuốt nước bọt, giọng sốt ruột:

- Dì muốn cho ăn thức gì cũng được. Có bao nhiêu cứ dọn hết ra đây. Nhưng phải gấp lên!

Lão Ba Ngù lẳng xẳng giúp bà chủ quán pha ấm trà, đặt lên bàn mời khách. Anh Sáu tuyên truyền bảo tôi đem cho anh một ít bún tươi, rồi anh rút trong bao cà-ròng ra một cuộn giấy nhật lấy hai tờ rộng khổ nhất úp lên bàn, bảo tôi xếp bún vào.

- Chà, có khẩu hiệu gì mới hả chú Sáu? - Lão Ba Ngù tò mò hỏi.

- Phải! Vừa lĩnh trên quận về đây. Bác kê giúp cái ghế cho tôi dán lên vách đi.

Anh Sáu tuyên truyền đứng lên ghế, cầm tờ khẩu hiệu ngắm nghía cho cân bằng hai đầu rồi từ từ áp vào vách lá. Dán xong một tờ, anh thông thả dán nốt tờ thứ hai. Tôi cầm đèn soi lên, nhìn trân trân vào những dòng chữ khắc gỗ in mộc bản mà tôi đã đọc nhiều lần trên các tờ khẩu hiệu dán đầy ở những nẻo đường tôi đã vượt qua.

(1) Một loại lá gia vị có mùi thơm, dùng để xào hoặc gói thịt nướng.

Độc lập hay là chết!

Nước Việt Nam của người Việt Nam!

Anh Sáu tuyên truyền lại lôi ra một tờ giấy khổ nhỏ in chữ chì còn thơm phức mùi mực đỏ ty-pô, dán vào vách ngang tầm mắt người ngồi ở bàn. Lão Ba Ngù cứ lăm nhăm đánh vần:

- Khờ... ông... không, chờ... i đi.... Không đi lính chờ... o cho... Không đi lính cho giặc!

Đôi mắt tròn ra, nét mặt trang nghiêm, lão Ba Ngù lần lượt vừa đánh vần vừa đọc hết những khẩu hiệu như những lời thề viết lên bằng máu:

Không đi lính cho giặc!

Không bán lương thực cho giặc!

Không đưa đường chỉ lối cho giặc!

Ai có dao dùng dao, có mác dùng mác, mỗi người dân là một người lính, mỗi thước đất là một chiến hào, sẵn sàng hy sinh bảo vệ nền độc lập cho Tổ quốc!

Đọc xong rồi, lão Ba Ngù lảng lảng bước đến chỗ móc áo, lấy cái áo bà ba đen của lão giữ giữ mấy cái. Đoạn lão mặc vào, cài cả cúc cổ cẩn thận. Lão cứ đứng nhìn lên những dòng chữ đỏ chói như máu kia, hai bàn tay vuốt đi vuốt lại những nếp áo nhăn nheo đã lâu không mặc tới. Không biết có phải vì cơn gió to lúc nãy khiến lão bị lạnh, hay bởi lẽ nào khác tôi không được rõ. Chứ trông nét mặt lo lắng và cử chỉ trang nghiêm của lão thì tôi thấy giống như lão đang

đứng bên giường một người bệnh thập tử nhất sinh. Kinh nghiệm ở những nơi khác thì với tình hình này, chắc chắn là chỉ trong vòng một tuần lễ nữa thôi, giặc Pháp sẽ tiến đến đây...

- Trời ơi, mày có bụng đĩa thịt bò ra giùm tao một chút không? Làm gì mà đứng chết dí ngoài đó vậy? - Dì Tư Béo trong bếp eo éo gọi vọng ra.

Tôi giật mình chạy vào, suýt nữa ngã bổ xuống ngạch cửa. Lão Ba Ngụ không vào giúp tôi một tay như mọi khi, lão lặng lẽ ra đứng trước bển hút thuốc lá một lúc rồi bỏ đi đâu mất. Ông Huỳnh Tấn và anh Sáu tuyên truyền đói dữ. Chẳng mấy chốc mà hai người đã làm sạch rá bún và hai đĩa thịt bò xào to tướng. Ông Huỳnh Tấn vươn vai đứng dậy, co duỗi chân tay, cười hì hì:

- Từ sáng đến giờ, hai anh em thay nhau chèo một mạch, chẳng có hột cơm bỏ bụng. Ăn bữa bún ngon quá. Ước chừng còn một rá nữa, chúng tôi cũng ních hết!

Anh Sáu tuyên truyền quay sang hỏi dì Tư Béo đang chấp hai tay trước bụng, đứng bên góc bàn hầu khách:

- Độ mấy giờ thì liên lạc ở Thới Bình lên tới?

- Sớm thì cũng chín mười giờ. Trời đất này, ngược nước ngược gió, họ có thể lên khuya hơn... Các ông cứ ở lại nghỉ cho đỡ mệt. - Dì Tư Béo đáp thông thả, có ý muốn cầm khách.

- Có gì nhậu, dì mang ra vớt đó cho chúng tôi! - Ông Huỳnh Tấn nói một cách vui vẻ. -

Dần bụng rồi, bây giờ có thể lai rai được chứ hả, đồng chí Sáu?

Tôi quạt than hơ lại mấy con tôm càng nướng sẵn, to cỡ cổ tay người lớn mà dì Tư Béo còn cất trong chạn. Trong khi đó, anh Sáu tuyên truyền cầm đèn ra sau quán ngắt mấy ngọn rau răm, còn ông Huỳnh Tấn thì giành với dì Tư để tự tay ông ta giã bát muối ớt cho vui.

- Bác Ba Ngù đi đâu rồi hả dì Tư? - Anh Sáu tuyên truyền chột hỏi.

- Ồi, có trời biết ông đi đâu! Muốn đến thì đến, muốn đi thì đi.

- Nhậu mà thiếu bác ấy thì không vui!

- Có tôi đây, chú Sáu ạ! - Lão Ba Ngù từ ngoài nói vọng vào. - May quá, chỉ lo về không kịp!

Lão Ba Ngù bước vào, đặt một lít rượu trong như mắt mèo lên bàn, xoa xoa hai bàn tay rồi đan mười ngón tay vào nhau, nghiêng đầu ngấm chai rượu:

- Tôi chạy vào tận xóm Tràm, nài lại của họ đây. Không mấy thuở... Để khách xa uống rượu không đắng ngon sẽ mang tiếng đất Rạch Giá, Bạc Liêu mình!

Khi ba người đã ngồi vào bàn, sắp sửa rót rượu thì có một bóng người mặc quân phục màu đen, khoác ca-pốt, lom khom bước theo ánh sáng đèn, đi vào quán. Tôi nhận ra ngay đó là anh phân đội trưởng Cộng hòa vệ binh vừa



về đóng quân ở xóm trên đã mấy hôm nay. Ông Huỳnh Tấn bỗng xô ghế đứng dậy, đôi mắt tròn thao láo nhìn anh phân đội trưởng, còn anh phân đội trưởng thì đứng sững lại ở chỗ ngạch cửa, mồm há hốc ra. Hai người im lặng nhìn nhau, rồi cả hai cùng lao tới ôm lấy nhau, tay đấm đấm vào lưng nhau thùm thụp:

- Trời ơi, tao tưởng mày chết rồi!
- Tao cũng tưởng mày chết rồi!
- Vậy ra không thằng nào chết cả...

Hai người cùng tranh nhau nói. Không còn nghe câu nào là của người nào. Những tiếng nói bằng giọng cường tráng sôi nổi vỗ vập tuôn ra cùng với những tiếng cười vui vẻ, mừng rỡ của đôi bạn tình cò gặp lại, cứ xoắn lấy nhau.

- Sao nghe mày chết ở mặt trận Gò Công rồi? Ngồi xuống đây! - Ông Huỳnh Tấn kéo ghế mời anh phân đội trưởng.

- Chết thế nào được? Ồ, mình có bị thương ở Vàm Láng, Gò Công, - anh phân đội trưởng lột áo ca-pốt ném lên chõng, mở cúc áo trở vào vết sẹo trên ngực. - Xuyên từ trước trở ra sau lưng, thủng một lỗ phổi, cầm chiếc đũa thọc qua được. Bọt cứ tuôn ra phì phì. Cả máu cả bọt. Vậy mà chỉ hơn tháng sau mình đã dậy, ra chỉ huy chiến đấu!

- Sức mày thì ca-nông bắn cũng không chết! - Ông Huỳnh Tấn cười hì hì....

Anh phân đội trưởng bấy giờ mới ngấm nhìn ông Huỳnh Tấn từ đầu đến chân:

- Mày vừa tới đây à? Bây giờ chắc làm to lắm hả? Nhưng chưa quân sự lắm! Hãy còn cái mã của anh sinh viên...

Anh phân đội trưởng bỗng nhếch mép cười, không nhìn vào ông Huỳnh Tấn nữa mà chỉ ngó ra ngoài trời tối đen một lúc rồi từ từ quay lại, giọng trầm hẳn xuống, hơi buồn, pha đượm ít nhiều chua chát:

- Nghe anh em bảo là cậu có theo phái đoàn anh Giàu đi hội kiến với Gờ-ra-xây! Thằng Gờ-ra-xây bắt cậu bỏ vào bao bố nhận xuống cống Sài Gòn - Chợ Lớn, chết rã thây từ cuối tháng mười năm ngoái mà!

- Ối! Anh em ghét mình, họ bịa ra họ nói vậy, chứ mình có đi hội kiến hội môi bao giờ! Mà họ ghét cũng phải thôi! - Ông Huỳnh Tấn nói chậm rãi. - Chuyện còn dài, hăng uống một cốc rượu mừng cái đã.

Lão Ba Ngụ đứng dậy, tay phải ngửa ra, tay trái cầm chai rượu mở nút lá chuối cắn vào mồm, đặt chai rượu nằm xuôi trên lòng bàn tay phải, từ từ xoay bàn tay úp xuống rót rượu ra cốc; khi cốc vừa đầy, lão nhẹ nhàng uốn ngửa bàn tay đưa cổ chai rượu xốc nghiêng lên. Dòng rượu nhỏ và thanh như bị sợi chỉ cắt đứt khỏi miệng chai, tụt xuống mặt cốc đầy, làm sủi bong bóng mấy cái tăm nhỏ chạy vòng quanh.

Lão rót luôn bốn cốc, đều tăm tắp như vậy, không hề nhều ra bàn một giọt rượu nào.



- Trời ơi! Ông già rót rượu đẹp quá! Như nghệ sĩ biểu diễn ấy! - Ông Huỳnh Tấn kêu lên.

Lão Ba Ngù vuốt ria mép, đặt chai rượu xuống bàn:

- Nói các đồng chí tha lỗi, chứ tôi khổ sở và hết nghiệp vì rượu mới chỉ học được cái trò này. Đã uống rượu thì phải biết rót rượu, sao cho đừng có giọt phí giọt phạm nào rơi vãi xuống bàn. Cũng như người lính cầm súng, phải bắn bách phát bách trúng, bắn sao cho đừng trật một viên. Chớ để một thằng Tây nào chạy thoát!

Anh Sáu tuyên truyền cười ha hả:

- Bác Ba bữa nay xuất khẩu thành văn. Vô ban tuyên truyền công tác với tôi đi, cha nội!... Các đồng chí thấy chưa, ngán dân đất Chác Bạng này chưa? Rượu chưa vào mà lời châu ngọc đã tuôn ra rồi!

Dì Tư Béó vừa cười múm mím vừa cắt chanh ra vắt rưới lên mấy con tôm càng nướng bóc vỏ.

- Bà chủ uống với chúng tôi một ly cho vui, - ông Huỳnh Tấn hai tay bưng cốc rượu lên đưa sang mời dì Tư Béó.

Dì Tư Béó lắc đầu quầy quậy:

- Tôi xin vô phép các ông. Tôi không uống được mà! Để tôi đi lo cho các ông nồi cháo gà dần bưng⁽¹⁾ để buổi khuya đi đường.

(1) Ăn lót dạ.

Bốn người chạm cốc, uống cạn. Họ hút thuốc lá và thổi khói ra um nhà. Rượu được vài tuần, ông Huỳnh Tấn bắt đầu dặng hắng nói:

- Đây toàn đồng chí, anh em cả thôi. Chẳng ai xa lạ gì mà phải giấu. Anh em họ không rõ, họ ghét mình là chuyện tất nhiên thôi. Mình chẳng có đi hội kiến với thằng Gờ-ra-xây đâu. Mình là cái thá gì! Vả lại, nói cho cùng, nếu cần bảo vệ các "anh lớn" thì dẫu vào hang cọp, mình cũng chẳng từ nan... Mình có đi làm cận vệ, người cận vệ độc nhất, đưa anh Giàu đi gặp thằng đại tá Nhật ở đình An Lạc để bàn về các thể thức chuẩn bị gặp thằng Gờ-ra-xây. Thằng giặc già này nó lập kế hoãn binh để chờ tiếp viện, trong khi các sư đoàn dân quân cách mạng của ta vẫn còn vây đặc chung quanh Sài Gòn - Chợ Lớn. Tất nhiên là sau đó, cuộc hội đàm ở khu nhà Hui-bon-hoa trong Chợ Lớn chẳng đem lại kết quả nào. Có thể nói là anh em còn thật thà, chứ không phải ngán gì nó đâu!

Anh phân đội trưởng chành môi ra, không biết anh cười hay không cười, chỉ thấy đôi cầu vai rung rung:

- Không ngán mà lại toan đình chiến với chúng nó?

- Anh em nhiều người đã nói và nghĩ như cậu. - Ông Huỳnh Tấn nói chậm rãi, giọng ôn tồn. - Trong lúc toàn thể dân chúng quyết xông ra bóp chết quân giặc xâm lược mà nói đình



chiến thì ai mà không ước? Có thể nói các tướng lãnh của mặt trận Sài Gòn - Chợ Lớn không ai chủ trương vậy đâu!

- Không chủ trương, không tán thành mà có cuộc hội kiến ấy? - Anh phân đội trưởng nhóm đây, nói cắt ngang...

Ông Huỳnh Tấn lặng thinh, tự rót rượu cho mình, cầm cốc lên uống từng ngụm nhỏ. Nét mặt ông trở nên đăm chiêu, răn rỏi lạ. Dường như ông không phải con người liến thoắng vui tính như khi mới bước vào quán lúc chập tối. Ông nói:

- Nóng làm gì? Thong thả mình kể cho cậu nghe. Một lần nữa, mình khẳng định là không ai chủ trương đình chiến. Bằng cứ là trong hội nghị các tướng lãnh của mặt trận Sài Gòn - Chợ Lớn tại Tổng hành dinh của Ủy ban kháng chiến Nam Bộ tại chợ Đệm...

- Có những ai nào? - Anh phân đội trưởng bấy giờ mới ngồi xuống ghế, chăm chú nghe.

- Đông lắm! Mình không nhớ hết... Tất nhiên là có anh Trần Văn Giàu, anh Huỳnh Văn Tiểng, anh Từ Văn Ri, anh Hai Râu, anh Nguyễn Lưu, anh Mười Trí, anh Tư Ty và... anh Ba Dương. Cậu nhớ Tư Ty không? Trời ơi, có thể nói cha ấy là một ác-xơ-nan⁽¹⁾, khắp người đeo đầy vũ khí. Nào dao găm, súng lục, nào gươm Nhật... lại đeo ống nhôm, đội nón⁽²⁾

(1) Kho binh khí.

(2) Mũ (Tiếng miền Nam).

sắt, mang ghệt, đi giày đinh. Tư Ty giữ mặt trận Bàn Cờ, Chợ Đũi ấy mà!

- Nhớ rồi! Khi mình rút xuống Mỹ Tho, còn nghe nói anh Nguyễn Lưu lãnh đạo công đoàn nội thành Sài Gòn - Chợ Lớn đánh nhiều trận sướng lắm, phải không?

- Ừ, Nguyễn Lưu thì còn nói gì nữa! Dân Côn Đảo về mà!

- Nói ngay chỗ cuộc hội nghị ấy nghe nào!

- Lúc đang họp thì anh Ba Dương đáp một chiếc tàu sắt từ Bình Xuyên đi tới. Cậu biết anh Ba Dương chứ? Xưa nay vẫn vậy. Thủ lĩnh Bình Xuyên, dân anh chị mà lúc nào cũng khiêm tốn, ôn hòa, ít nói... Trong cuộc họp, Ba Dương chỉ lặng lẽ ngồi nghe, hai tay tì vào thành chiếc bàn tròn vòng gỗ, mặt cẩm thạch, thứ mặt bàn lúc nào cũng lạnh như nước đá ấy. Mọi người bàn cãi lung tung việc nên ngưng bắn hay không ngưng bắn. Đợi cho mọi người ngớt tiếng, bấy giờ anh Ba Dương mới đứng dậy, thông thả rút trong túi áo bành-tô ra một cái chai, đặt cộp xuống giữa mặt bàn. Biết gì không? Trời ơi, trong chai toàn là những ngón tay người ngâm rượu. Anh nói: "Đây là ý kiến của anh em Bình Xuyên phát biểu với hội nghị, khi nghe nói có lệnh đình chiến". Rồi anh nghiêm giọng, tiếp: "Họ chặt ngón tay thề trước bàn thờ Tổ quốc, trước ảnh Cụ Hồ là nhất định đánh đến cùng... Các anh ra ngoài kia mà coi



chiếc tàu của tôi. Tụi Tây ở Rạch Kiến nó bắn tôi như vậy đó!".

- Thế thì còn đi hội nghị với Gờ-ra-xây làm chó gì nữa? - Anh phân đội trưởng vung tay, nói như quát.

- Đi là đi, còn đánh là đánh! Hai vấn đề khác nhau. Vấn đề chủ yếu là đánh. Mình kể cho cậu nghe vừa rồi đó. Anh em có ai rút lui đâu!

Ông Huỳnh Tấn còn toan nói điều gì nữa đó, chừng như sắp nói một câu quyết liệt lắm thì phải, nhưng ông lại thôi, mặt lấm lấm, móc thuốc lá ra đốt hút một cách bực dọc. Anh phân đội trưởng chấm đầu ngón tay trở vào rượu vẽ vẽ lên mặt bàn. Còn anh Sáu tuyên truyền và lão Ba Ngụ thì ngồi đưa mắt nhìn nhau. Tôi thấy mọi người im lặng, tự nhiên mình cũng đứng ngây ra, không dám động cựa. Trong quán chỉ còn nghe tiếng củi nổ lép bép và tiếng nước sôi reo đều đều sau bếp. Lâu lâu, trời lại chớp lên một cái. Mặt nước dòng kênh sáng rực trong ánh chớp. Những đầu ngọn cây tràm và chiếc xuống không đang buộc bên kia bờ hiện lên xanh biếc, dường như trời đất cỏ cây và những gợn sóng lăn tăn không ngớt vỗ nhẹ đôi bờ kia thấy đều rung rung trong sắc xanh kỳ ảo, mắt người chưa kịp trông rõ đã biến mất vào bóng tối.

Một giọng hát buồn của anh thanh niên nào đó, đang thả thuyền trôi theo dòng kênh, nghe mỗi lúc một gần.

"... Ngoài hiên giọt mưa thu... thánh thót rơi... Phòng vắng...".

Lão Ba Ngụ tức thời đứng dậy, bước thình thịch ra ngoài.

- Ê, ghe ai chèo lạc xạc đó? - Lão hỏi.

Dưới thuyền có tiếng đáp:

- Đi chỗ củi về đây, ông nội. Xét giấy hả?

- Dưới ghe có ai bệnh sắp chết phải không? -

Lão Ba Ngụ lại hỏi, giọng cay độc.

- Có ai bệnh gì đâu! Đừng có trù mật!

- Hừ, vậy mà tưởng thằng nào đang mắc dịch mắc gió gì dưới ghe đó chứ. Bộ sắp chết sao mà rên khừ khừ vậy? Ê, bây giờ không phải là lúc hát cái giọng mèo ưót đó nữa, nghe chưa?

Không có tiếng trả lời. Tiếng chèo khua mỗi lúc một xa. Lão Ba Ngụ thở phì phì, bước vào quán cởi áo ra ném bên chõng cái xoạch. Anh Sáu tuyên truyền liếc sang ông Huỳnh Tấn và anh phân đội trưởng, cố nín cười. Khi thấy hai người này cũng đang nhin cười như mình, anh Sáu tuyên truyền không nín nổi nữa, bèn phì một tiếng và một tràng cười ha hả vụt nổ ra.

- Chú Sáu, chú cười tôi cái gì? - Lão Ba Ngụ toan ngồi xuống ghế lại thôi, mắt lão dán vào đôi môi đang cười rung rung trong ánh đèn đỏ khé của anh Sáu.

- Ha! ha! ha!... Ai cười gì bác đâu!



- Bộ lão già này nói bậy à? Hừ, chú làm tuyên truyền chú há chẳng biết "Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách", sao? Nước nhà còn mất, đến một thằng mẹ ruột⁽¹⁾ như lão đây cũng còn có trách nhiệm mà!

Bây giờ thì ông Huỳnh Tấn, anh phân đội trưởng và cả dì Tư Béo vừa ở bếp quệt mồ hôi trán bước ra cũng đều cười lên thành tiếng. Khi lão Ba Ngù hiểu ra rằng đó là những tràng cười tán thưởng, lão bèn vuốt ria quay mặt vào trong tối lảm nhảm một mình:

- Có hơi lố bịch một chút! Nhưng tôi già rồi, thấy đâu thì nói đó vậy thôi. Nào, bà chị đã cắt tiết gà chưa? Tôi giúp một tay.

- Thôi, cảm ơn. Cháo sắp dọn ra được rồi đấy!

Dì Tư Béo nói bằng giọng thanh thanh kéo dài làm duyên kiểu như còn trẻ. Bà ta sẽ sàng xắn tay áo lên, bàn tay béo núc cầm chai rượu rót liên tiếp ra bốn chiếc cốc. Bốn cốc rượu rót bằng mắt thờ đều tằm tắp, xếp một hàng ngay ngắn dưới ánh đèn lung linh, tưởng như rượu sắp tràn cả ra ngoài nhưng tuyệt nhiên không hề thấy có một giọt ớt nào rơi xuống mặt bàn...

Đêm hôm đó, mãi đến mười hai giờ khuya vẫn không thấy xuống liên lạc dưới Thới Bình lên. Ông Huỳnh Tấn sốt ruột không chờ được nữa, bèn cậy anh Sáu tuyên truyền tìm người

(1) Đồ bỏ đi.

đưa ông đi. Lão Ba Ngù xưng phong nhận lãnh chiếc tam bản của anh Sáu tuyên truyền chào đưa ông Huỳnh Tấn. Anh phân đội trưởng lâu ngày gặp bạn cũ, vẫn còn nấn ná ở lại hàn huyên mãi cho đến lúc chia tay. Còn dì Tư Béo thì chẳng những dứt khoát không nhận món tiền bữa rượu, lại còn biếu ông Huỳnh Tấn và lão Ba Ngù mỗi người một đòn bánh tét nhân tôm thịt mang theo lót dạ dọc đường.

Tôi thu dọn bát đĩa xong, vừa hạ cánh liếp xuống thì nghe tiếng Tư Mắm hỏi vọng từ dưới bến:

- Quán còn thức hả, dì Tư?

- Còn thức. Nhưng mà chẳng có gì ăn đâu... - Dì Tư Béo đáp một cách miễn cưỡng.

- Không sao! Không sao! Rồi khác có thôi mà!

Tư Mắm đã lên bờ, tự tay chống cánh liếp cửa, vào quán cầm đèn ra soi xuống bến cho mục vợ hần bước lên.

- Chào dì Tư! Khuya rồi mà chúng tôi còn làm phiền dì quá. - Vợ Tư Mắm chúm chím cười, nói một câu lấy lòng bà chủ quán, đoạn từ tốn nhắc ghế ra, rón rén ngồi xuống.

Đúng như lão Ba Ngù nói, cứ trông hai người này, khó ai tin rằng họ là một cặp vợ chồng. Tư Mắm thì vừa hôi vừa bẩn, vừa hà tiện lại vừa vũ phu. Còn mục vợ hần, tuy ăn vận mộc mạc ra vẻ một người lam lũ, nhưng từ cách nói năng cho đến dáng đi, cách đứng thì rõ ra



à người hạng phong lưu đài các. Thấy tôi che tay lên miệng ngáp, mặt ta vỗ vỗ nhẹ vào lưng tôi:

- Chịu khó thức một chút. Rồi qua cho tiền sáng mai ăn bánh.

Tư Mắm xuống thuyền xách lên một chai "cột nhà vuông"⁽¹⁾ và một xâu cua biển. Hắn đi thẳng vào nhà bếp, vắt xâu cua xuống cạnh lò, mất đảo một vòng ra tận sân sau. Tôi đi sau lưng hắn, thấy vậy bèn hỏi:

- Chú kiểm rỏ hay cái gì, bảo tôi lấy cho.

- A! Không, - Tư Mắm giật mình quay lại. - Qua coi nhà còn gì nhậu được nữa không thôi mà. - Rồi hắn cầm chai rượu ra, rử rử nói với dì Tư Béo đang loay hoay cầm khăn lau cốc bên bàn - Nấu nồi cháo cua ăn chơi đi, dì Tư!

- Cháo cua làm gì! Nhà vừa nấu nồi cháo gà cho mấy ông khách. Họ chỉ húp mấy người vài muỗng, vì trước đó đã ních hết rá bún rồi, còn ăn uống gì nữa. Trời, nồi cháo gà nấu đậu xanh, ngọt lắm. Để hâm nóng lại thôi!

Dì Tư Béo miệng nói, tay khoát ra hiệu bảo tôi vào nhóm bếp lò.

- Vậy thì nướng vài con cua nhá chơi! Còn bao nhiêu biếu dì! - Tư Mắm đảo mắt nói. Rồi hắn hỏi trống không - Chà, khẩu hiệu ai mới dán đây nhỉ?

(1) Tiếng lóng chỉ một thứ rượu mạnh của Pháp.

Dì Tư Béo không đáp. Tính bà ta vốn như vậy, ai hỏi riêng bà thì bà nói, không thì thôi. Mụ vợ tên lái buôn cau mắt lườm hấn một cái, từ trong hai con ngươi phát ra những tia sáng quắc, nhọn như những mũi kim. Nếu tôi không chú ý mụ từ trước, thì không thể nào bắt gặp cái lườm dữ dội trong thoáng chớp ấy. Tư Mắm tức thời cười hể hể, nói lảng:

- Chèo rã cả tay mà bữa nay chẳng bán được mấy. Chỉ toàn bán chịu cho vài người mới quen.

Mụ vợ hấn hỏi xin quả chanh và một thìa đường trắng, rồi tự tay rót thứ rượu tây của mụ ra cốc, cho đường vào, hâm nóng cốc rượu trong bát nước sôi sau khi đã thả vào cốc một lát chanh rồi cầm cái đĩa đẩy lên.

- Cháu không biết uống rượu đâu! - Mụ cười chúm chím ngó dì Tư - Thuốc giải cảm đấy. Đi nhiều, mệt, uống một cốc này nó ra mồ hôi, khoẻ người lại ngay!

Tư Mắm ngồi hút thuốc phì phèo. Hấn lại hỏi dì Tư:

- Ồ, lúc nãy thấy bác Ba Ngù chèo tam bản đưa ông nào đi đâu vậy, hử dì?

Dì Tư Béo nhướn lông mày, làm mặt quan trọng. Bà ta không nhìn Tư Mắm, nghiêng người xuống gần bên con mụ vợ hấn, ngón tay trở đặt ngang mồm:

- Đừng có lộ bí mật nhá. Ông ấy lớn lắm đấy. Cấp Nam Bộ mà! Chà, ông khỉ gi, quên rồi.



Đoạn bà ta quay vào cửa bếp hỏi tôi: "Ông hồi nãy làm chúc gì, mày nhớ không?". Tôi không muốn trả lời, nhưng buộc lòng phải đáp cho có đáp: "Cháu không nghe nói!".

- Ồi! Nó con nít, biết cái gì mà dì hỏi nó! - Tư Mắm cười hể hể, nhịp chân rung đùi.

Mụ vợ Tư Mắm ngó ra bên, liếc hẩn một cái, thông thả đưa bàn tay ngón búp măng vén mớ tóc mai:

- Bán mấy chỗ mà không ghi chép gì cả. Mai mốt đây quên đi, làm sao đòi được. Khó quá!

Mụ móc trong túi ra quyển sổ con và cây bút máy, đặt lên bàn. Tư Mắm rời ghế đứng dậy, bước ra ngoài tối. Nghe hẩn nói vọng vào: "Khuya rồi mà không mưa được oi bức quá. Đứng đây một chốc cho mát. Dì Tư, hể được cháo thì dì nhắc ra, nướng luôn vài con cua, nghe dì!".

Thấy tôi lại ngáp, dì Tư Béo bèn bảo tôi xuống chiếc thuyền mui ống của dì vẫn đậu trong mương, đi ngủ trước đi. Mụ vợ Tư Mắm vẫy tôi đến, giúi vào tay tôi tờ giấy bạc năm hào. Tôi không lấy, đặt trả lên bàn...

- Cầm đi mà! - Con mụ cười cười, nhìn tôi có hơi ngạc nhiên.

- Ồi! Nó không lấy thì thôi, kệ nó! Thằng này có phải như người ta đâu! - Dì Tư Béo có ý bực tức vì tiếc hộ cho tôi.

Tôi bước ra ngoài, không nghe bà ta nói gì về mình nữa, bèn đi thẳng ra mương chui xuống

thuyền, rúc vào nóp⁽¹⁾. Muối vo ve kêu dậy trong những lùm cỏ rữ ngọn xuống hai bờ nương. Tôi tưởng nằm xuống là đánh một giấc thẳng cẳng, hóa ra lại không ngủ được.

Không hiểu sao cái lờm của mẹ vợ Tư Mắm cứ như xoáy vào óc tôi, khiến tôi sờ sợ. Chưa bao giờ tôi thấy một người đàn bà nói năng mềm mỏng, nhỏ nhẹ mà lại có đôi mắt lạ lùng, vừa đẹp, vừa đáng sợ như vậy. Các bà bán cá trong chợ cãi nhau những lúc giận dữ, mắt long lên sòng sọc vẫn không có nét gì đáng sợ như mắt con mẹ này.

Độc lập hay là chết!

Nước Việt Nam của người Việt Nam!

Những dòng chữ rần rỏi khắc gỗ in mộc bản trên các tờ khẩu hiệu mà anh Sáu tuyên truyền vừa dán vào vách từ chập tối bỗng lại hiện ra, nháy múa trước mắt tôi. Trong tai tôi, nghe mơ hồ nhạc điệu buồn buồn của tiếng gió phẩy động ngọn dừa nơi một làng quê xa nào đó ở trạm Tiền Giang mà tôi không còn nhớ rõ... Tôi lại thấy ông Huỳnh Tấn toét miệng ra cười. Gương mặt ông đang cười bỗng tối sầm lại. "Anh em có ai rút lui đâu!" Tiếng muối vo ve mỗi lúc một xa dần. Tôi thiếp đi lúc nào cũng không hay biết nữa.

(1) Một thứ bao của nông dân để ngủ, có thể chui cả người vào. Bao đan bằng cọng bàng, một loại cỏ cao mọc nhiều nhất ở Đồng Tháp Mười.



3

ÔNG LÃO BÁN RẰN

Hai đêm sau đó, trời mưa liên tiếp. Phần vì trời mưa, không mấy người đi chợ, phần vì có lệnh của thôn bộ Việt Minh cấm họp chợ đêm, để phòng bọn Việt gian trà trộn và xã không kiểm tra được, nên xóm chợ Ngã Ba Kênh vào lúc quá đỗi đèn đã trở nên buồn thiu buồn thiu. Chỉ còn quán cà phê dưới tán cây bã đậu, mấy tiệm hủ tiếu của người Hoa kiều ở chỗ dãy phố ngói nằm bên trong chợ ngó ra kênh và quán dì Tư Béo là có ánh đèn, lác đác bóng người lui tới.

Chợ chỉ đông ban ngày, nhưng người cũng chỉ nhóm họp lựa thưa. Nhiều gia đình đã rục rịch tản cư xuống Thới Bình. Mấy hôm trước, những lúc trời im gió, đứng ở bờ kênh có thể nghe tiếng trầm trầm của súng đại bác bắn từ xa. Sáng nay, nhiều người còn nghe cả tiếng súng đại liên của tàu giặc ở hướng Ngã Năm. Dì Tư Béo đóng cửa quán, nghỉ một ngày để thu vén công nợ, đi đòi các món tiền rượu chịu của người quanh xóm.

Buổi trưa rảnh rỗi, tôi cũng mò vào chợ chơi, nghe ngóng tình hình. Phòng thông tin trước kia là nơi tụ họp đông người nhất. Vậy mà hôm nay cũng chẳng có mấy người vào xem tin tức, bởi chỉ toàn những tin tức cũ. Một đôi dòng tin mới, viết tay dán vội lên đó thì cũng chẳng hơn gì sự hiểu biết của mọi người, chẳng đáng chú ý và hấp dẫn bằng những tin đồn nhảm vô căn cứ, thậm chí nhiều khi còn vô lý nữa kia. Lực lượng phòng thủ của ta thế nào? Ngày mai rồi sẽ ra sao? Phần đông người ta đến đó để tự đặt ra những câu hỏi và tự nghĩ ra những câu trả lời. Bọn con gái bưng cả những rổ quả măng cầu xiêm, vác cả những bó mía vào dựng trong phòng thông tin để ngồi bán. Chúng nó chơi đánh chuyền chuyền hoặc róc mía xả bừa bãi, la hét, cãi nhau ỏm tỏi mà cũng chẳng ai rầy la gì. Tôi ngán ngẩm quá, bỏ phòng thông tin, lững thững đi dọc ra bờ kênh. Chợt thấy lão Ba Ngù đứng dưới gốc cây bả đậu to nhất ở gần mé nước, tôi bèn men đến.

- Bác về bao giờ đó? - Tôi hỏi cho có hỏi, chứ đã nghe dì Tư Bé nói đêm qua với con mụ vợ Tư Mắm rằng lão về từ chiều.

- Về từ lúc về ấy! - Lão cười khà khà, đáp giọng đã có chén. - Còn mày, bà chủ của mày bữa nay đi đâu mà mày sút xiềng⁽¹⁾ dạo chơi đó?

(1) Sống, thoát khỏi xích.



- Bà đi đòi nợ. Đâu như tôi mới về...

- Vô nhà lão đi ăn thịt rắn một bữa chơi đi!

- Rắn đâu mà ăn? Bác bắt được rắn à? - Tôi hỏi vậy, chứ nghe nói thịt rắn là tôi đã lạnh xương sống rồi.

- Rắn kia chứ đâu, mậy! - Lão vỗ một cái vào lưng tôi, trở ra kênh - Ghe chở rắn dưới U Minh vừa lên đây!

Tôi trông theo ngón tay lão chỉ. Một chiếc thuyền nhỏ, mũi lá, đang dề sóng rẽ vào bờ. Trước mũi thuyền, một thằng bé trạc mười bốn mười lăm tuổi, mặc quần đùi, cởi trần đứng dún hai chân, hai tay cầm cây sào dài chống xuống nước. Bên chân thằng bé có con chó săn, sắc lông màu tro, đang chồm lên chồm xuống, đuôi ngoắt qua ngoắt lại, hóng mồm lên bờ. Đằng sau lái, một ông cụ già cao to, vạm vỡ, chít khăn đầu riu màu đỏ, áo bà ba đen thả cúc, vạt áo bay phấp phật, đang nghiêng người quạt mái chèo đưa thuyền cập bến.

- Rắn ăn được sao bác? - Tôi hỏi lão Ba Ngù.

- Trời ơi, thằng này ná⁽¹⁾ quá! Chưa ăn bao giờ à? Thịt rắn ngon và bổ số một đấy. Con nít ở đây đều nếm mùi thịt rắn từ hồi còn trong bụng mẹ.

- Cháu chưa ăn lần nào!

- Ngon tuyệt! Ngon tuyệt! Rắn hổ đất nấu cháo đậu xanh nước cốt dừa thì phải biết nhá!

(1) Ngốc nghếch, khờ khạo.

Già bảy mươi tuổi ăn món ấy thấy trẻ trắng ra như con trai mười bảy. Sơ sài thì rắc nước, rắc bông súng ướp xì dầu, cặp gấp nguyên cả con mà nướng, bẻ từng khúc cầm tay xé ra chấm muối ớt nhạt. Thịt ngọt không gì bằng. Cầu kỳ thì rắc hồ đất, mè mun chung thuốc bắc, gọi là "long hổ hội". Thường thường thì hoặc băm xào xả ớt, hoặc nấu ca-ri nước dừa... Khối cách ăn. Nhưng gì thì gì, cũng không bằng nấu cháo. Món phổ thông nhất mà! Vừa bổ lại vừa mát!

- Nướng thì còn thơm, chứ nấu cháo không tanh sao, bác?

- Ăn rồi mới biết, thịt rắc thơm như thịt gà, lại giòn dai, không bở như thịt gà. Có phải nấu sưng đầu mà tanh! Đây nhé, làm lông⁽¹⁾ xong, chặt khúc thả vào nồi cháo luộc lấy nước ngọt. Rồi mình gắp ra chứ. Mình xé thịt ra, băm nhỏ ướp hành tỏi, hạt tiêu, nước mắm. Rồi mình bắc chảo mỡ cho sôi lên, thả tỏi vào. Ấy, bây giờ mình mới xào hấn ta! Xong, mình mới múc cháo ra bát, rồi mình xúc hấn ta, mình cho vào cháo khoảng khoảng mấy cái... Rồi mình rắc lên một ít hạt tiêu... E hèm! E hèm!... Thôi, mày sẽ khắc biết thôi. Ghe đã cặp bờ rồi kia!

- Ra xem rắc, chúng mày ơi! - Một giọng trẻ con bỗng hô hoán lên.

Tôi nghe tiếng quen quen, quay lại đã thấy thằng bé lùn lùn béo ục ịch đang dắt một đám trẻ con chạy băng qua sân chợ, lao xuống bến.

(1) Nhúng nước sôi, cặp lớp da mỏng bên ngoài.



- Chào ông bạn già! Có con rắn hổ nào không? - Lão Ba Ngù vẫy tay hỏi.

Ông cụ già chít khăn đầu riu màu đỏ đã ra đứng trước mũi thuyền. Nghe hỏi, ông liền đáp, giọng sang sảng:

- Kỳ này không có. Toàn rắn rằn ri cóc, rằn ri cá không thôi. Nhưng được cái rắn béo lắm! - Đáp xong, ông bảo thằng bé cầm sào ban nãy - Cò ơi! Lấy cái giỏ bự ra cho tía⁽¹⁾ đi, con.

Thằng bé chui vô mũi, đẩy hai cái giỏ tre ra khoang trước. Ông già dặng háng một tiếng, xắn tay áo, hé sạp thuyền thò tay trần vào khoang. Bọn trẻ nhỏ tức thời kêu lên: "Eo ôi!" và xô nhau lùi lại, vừa lùi vừa tranh nhau ngong cổ nhòm tới.

Ông cụ già thông thả lôi từ trong khoang ra từng con rắn một, bỏ vào giỏ. Con nào con nấy to cỡ bắp tay ông. Có một con rắn gì to như bắp chân người lớn nó cứ rúc vào khoang, khiến ông phải khom lưng thò tay vào, nắm cổ nó trì một lúc mới kéo ra được.

- Ông già có bùa, tụi bay ơi!

- Ó... ớ... con rắn quắn cánh tay ông kia kìa!

- Khéo nó cắn, ông ơi!

- Rắn người ta khâu miệng cả rồi. Cắn quái gì!

Bọn trẻ nhỏ chồm lên chồm xuống theo từng động tác cánh tay lôi của ông cụ già. Có đứa bì

(1) Bố.

bơm lội xuống nước ngập ngang đầu gối, đứng ngó vào trong. Có đứa mặt tái xanh tái xám vì sợ, nhưng vẫn thích xem, cứ nhấp nha nhấp nhồm giẫm bùn sùng sục ở chỗ mé nước.

Khi ông già bậm môi nâng cái giỏ nặng trĩu vác lên vai thì con chó săn lập tức phóng một cái, nhảy lên bờ. Bọn trẻ con chạy dạt ra hai bên, làm nước bắn tung tóe. Ông già lần lượt vác cả hai cái giỏ to tướng lên bên, đặt xuống gốc một cây bā đậu.

Những người mua đã chực sẵn chung quanh. Ai trở con rấn nào, ông già thò tay vào giỏ bắt ra con rấn ấy. Nói bao nhiêu tiền, họ trả bấy nhiêu, không kỳ kèo ngã giá như kiểu người ở các chợ tỉnh. Mỗi con rấn bán xong được siết chặt cổ bằng một sợi lạt và trao cho người mua xách đi.

Lão Ba Ngụ chọn mãi mới mua được một con ưng ý. Chao ôi, nom con rấn mà kinh! Bụng dẹt to cỡ bắp vế, không dài lắm, non mét rươi thôi, mà cái đầu thì bé như một quả bàng khô. Lão hất con rấn nằm vắt ra sau gáy, một tay bóp ngang cổ, một tay nắm gần chót đuôi, đưa tới trước. Con rấn gồng mình nổi vảy lên chom chồm như gai mít, sống lưng uốn qua uốn lại trên vai lão Ba Ngụ, khiến tôi phát khiếp...

- Đi! Theo lão về nhà làm bữa cháo cho biết! - Lão nhường mắt bảo tôi.

- Để lúc khác, bác ạ! Bữa nay cháu bận trông quán cho dì Tư... - Tôi kiếm cớ thoái thác.



- Hê hê! Mày trông cái chợ thì có, chứ trông gì quán! Thôi, không thích ăn thì thôi. Không ai ép mày! - Lão bước đi mấy bước còn quay lại nhìn tôi, cười khà khà - Chỉ lo chừng mày quen mùi rồi, không đợi mời, mày cũng xách bát xách đĩa chạy tới thôi!

Tôi trở về quán nuốt vội ba hột cơm nguội, xem chai, cốc, bát đĩa có suy suyển món nào không, rồi quơ cái áo vét-tông khoác vào người, đóng cửa quay ra chợ.

Trời đã xế. Mặt trời đã xuống ngang ngọn cây tràm bên kia bờ kênh. Ông cụ già bán rần vẫn còn ngồi dưới gốc cây bả đậu, tàn lá xanh um ngả dài bóng đen trên mặt đất. Bọn con nít ban sáng bây giờ cũng không thiếu mặt đứa nào, đâu như còn có thêm mấy thằng mới tới. Chúng chen nhau ngồi trước hai giỏ rần, mặt mày nhem nhuốc, đỏ lơ đỏ lửng vì bêu nắng, vì mồ hôi và bụi bặm. Đứa thì khoanh tay lên gối, dán mắt vào những con vật bò sát kinh tởm đang ló đầu ra mắt giỏ; đứa thì cãi nhau, tiếng nói tiếng cười chí chóa.

Ông cụ già vẫn ngồi đó, tay chậm rãi nhồi thuốc lá vào nõ tẩu: cán tẩu vừa dài vừa quăn queo trông rất lạ. Gương mặt ông khoáng đạt, rất dễ mến. Làn da rám nắng hun hun màu đất thó vẫn còn căng ra như da mặt người trẻ, chỉ ở đôi khoe mắt và trên vầng trán cao là có xếp mấy đường nhăn. Râu ông không dày lắm, nhưng chắc như rễ tre và đen nhánh. Đôi mắt

to, sáng quắc, núp dưới cặp chân mày rậm đen. Khi ông cắn tẩu thuốc vào mồm, môi dưới hơi trễ ra, méo xệch một bên vì khối nặng của cái tẩu hình thù kỳ dị và hơi to quá cỡ, thì trông ông như có vẻ dữ tợn.

Tôi ngồi sát vào gốc cây, bên ông cụ già lực lưỡng ấy. Bộ quần áo bà ba đen đã bạc théch vì dãi dầu nắng mưa sương gió của ông còn mang nguyên mùi hăng hăng của lá cỏ cây rừng tận những vùng đất hoang sơ, và mùi khói nồng lửa bếp trong chiếc thuyền con lưu động.

Thấy tôi mới tới, thằng bé lùn lùn béo ục ịch hất hàm nháy tôi, rồi ngó vào giỏ rấn:

- Sợ không?

Tôi cười, không đáp. Nói sợ thì nó chê mình nhát, mà nói không thì không đúng.

- Ê, nó sợ rồi tụi bay ơi! - Một đứa lập tức kêu lên.

Hình như ông cụ già không biết có đám trẻ nhỏ ngồi chung quanh. Đôi mắt to, đen nhánh đăm đăm nhìn vào khoảng không trước mặt. Không biết ông đang nghĩ gì. Bọn trẻ nhỏ thấy ông dễ dãi, không rầy la gì, và nhân có tôi mới tới, chúng muốn tỏ ra bạo dạn hơn nên càng nghịch tợn. Chúng nheo mắt, thè lưỡi, có đứa còn giả vờ toan thò tay vào giỏ lỏi rấn ra để ném vào tôi. Mỗi lần có đứa trẻ nào nhích lại gần giỏ rấn thì con chó săn nằm bên chân chủ lại nhồm dậy, vươn cổ ra nhe răng gừ... gừ... mấy tiếng. Rấn quần nhau trong giỏ nằm im



như ngủ. Nghe tiếng chó gừ, những con rắn đang ló đầu ra mắt giở vội giật mình rụt vào, uốn éo cựa quậy làm cho rắn lớn, rắn bé trong giỏ chuyển lung tung. Mấy đứa lì lợm nhất, cỏi trần truồng ngồi chầu hẫu bên giỏ rắn, liền co chân bật ngựa ra sau. Chúng nó cười hí hí một cách khoái trá. Nhưng cũng có đứa ngồi ở xa hơn lại mếu máo muốn khóc. Thằng bé lùn lùn béo ục ịch cầm cái que nhồm tới nhồm lui, quơ quơ ra bộ sắp chọc vào giỏ. Con chó sấn lại vươn cổ ra gừ... gừ... mấy tiếng.

Lác đác có vài chiếc xuống cập bến, họp buổi chợ chiều. Năm ba người đàn ông cỏi trần, áo vắt vai từ trong dãy tiệm đi men ra, đứng lại dưới bóng cây hóng mát. Trời oi quá! Chiều rồi mà nắng vẫn chói chang. Không một làn gió động. Những chiếc lá bã đậu như dán chặt lên nền trời, tôi ngựa cổ nhìn lên đến mỏi mắt vẫn không tìm ra một chót lá nào nhúc nhích.

- Tàu bay bà con ơi! - Một người đàn ông bỗng hốt hoảng kêu lên, nhón nhác ngóng chung quanh.

- Im! Để nghe coi nào! Im nghe chứ!

Mọi người nín lặng. Ông cụ già bán rắn nhắc cái tẩu thuốc ra khỏi miệng, ngó xuống chân, cười mუმ mუმ. Tiếng vu vu của một con ong bầu đít vàng bay trong vòm nhánh lá rậm rịt, nghe hết tiếng máy bay.

- Mồ tổ con ong. Làm người ta giật mình! - Người đàn ông kêu lên ban nãy nhẩn nhó nói một câu chưa thẹn.

Từ hướng biển Đông dậy lên những tiếng âm âm... nối nhau, nghe rung rinh cả chân trời.

- Chắc là tàu giặc, bà con ơi!

- In như máy bay ném bom chứ!

- Mình nghe giống tiếng sấm...

- Để nghe mà... Làm gì mà ó lên như giặc tới vậy?

Mấy người đàn ông cãi nhau một chốc rồi kẻ ngồi xuống gốc cây cầm áo quạt phe phẩy, người đi tới đi lui trong bóng râm hừng hực hơi nóng từ mặt đất xông lên, lặng lẽ không nói gì nữa. Thằng bé lùn béo ục ịch bỗng nhồm dậy.

- Tàu giặc, các chú ơi! Nghe ì... ì... đấy!

- Thằng con nít, đừng có nói bậy! Bộ mày ở ngoài⁽¹⁾ vô sao mà dám nói đó là tàu? - Người đàn ông tóc chớm chớm như gai trũng mắt quát.

Rầ... ầ âm! Rầm...! Rầm... Rầm... ầ... âm! Bốn tiếng nổ bất thần nghe điếc tai. Những tiếng nổ chát óc, rền rền như tiếng súng đại bác, gần lắm. Đám con nít thét lên, cầm cổ chạy tủa đi. Mấy người đàn ông kia, có người cũng quỳnh quáng toan chạy, nhưng cũng có người vẫn đứng yên nghe ngóng. Tôi quen

(1) Ngoài ấy.



tiếng súng tiếng bom từ mấy tháng nay, nên chỉ co người thụp xuống; khi dứt tiếng nổ, tôi liền đứng lên quan sát chung quanh. Nếu đó là súng giặc bắn thì cũng phải trầm tĩnh xem chúng tới từ hướng nào rồi hăng chạy tránh chứ!

Dưới kên, thuyền xuống tranh nhau tách bến, giãm chèo va khua lộp cộp. Một vài chiếc tam bản nhẹ hai chèo đã rời đi xa lắc.

Ông cụ già bán rấn vẫn ngồi đó, phì phèo tẩu thuốc lá, mặt bình thản như không. Ông đưa mắt nhìn lên nền trời rồi hỏi tôi:

- Cháu không về nhà à?

- Cháu ở gần đây thôi. Đấy, chỗ cái quán đấy!

Tôi đáp, giọng vui vui, bụng có hơi rạo rục một chút vì thấy ông già chú ý tới mình.

Ông cụ già thông thả đứng dậy, búng tay boóc... boóc... mấy cái. Con chó săn ve vẩy đuôi, chồm hai chân trước lên sủa oang oang, vụt lao đi như một mũi tên. Một lúc sau, con chó quay về dắt theo thằng bé cầm sào chống trước mũi thuyền ban sáng.

- Tìm được chú Võ Tòng không? - Ông già hỏi.

- Người ta bảo chú đi rồi. Đêm qua trời mưa, có con beo vào bắt gà dưới xóm Sậy, chú Võ Tòng rình bắn được. Đâu như chú chở con beo ra bán ngoài Ngã Bảy...

Tôi đã toan về, nhưng nghe thằng bé nói vậy bèn đứng nán lại, nghe hai cha con trò chuyện.

- Cò à, khiêng giỏ xuống ghe đi, con!

- Không bán nữa sao, tía?

- Thôi! Khiêng đi...

- Tây tới gần rồi sao, tía?

- Tây đâu mà Tây. Đông sắp tới rồi. Đông lớn lắm đấy con!

- Lúc này có mấy tiếng sét nổ trên không, kinh quá hở tía?

- Ừ, thôi nhanh nhanh lên, con.

Lúc bấy giờ, gió bắt đầu thổi rạo rạo nghe mát mát. Con chó săn đã phóng xuống thuyền, đứng sau lái ngóc mõm lên nhìn trời. Cha con ông cụ già bán rần vừa kịp khiêng hai chiếc giỏ xuống thuyền thì cơn giông ùn ùn thốc tới. Mây ở đâu từ dưới rừng xa, lúc này còn không trông thấy, giờ đã đùn lên đen sì như núi, bao trùm gần kín khắp bầu trời. Từng tảng mây khói đen là là hạ thấp xuống mặt kênh làm tối sầm những ngọn sóng đang bắt đầu gào thét, chồm chồm tung bọt trắng xóa. Từng đàn cò bay vùn vụt theo mây, ngửa mặt trông theo gần như không trông kịp. Xóm chợ Ngã Ba Kênh dường như bé lại, thu mình cúi rạp xuống mặt đất. Mấy chiếc xuồng ba lá, mấy chiếc tam bản của người trên phố buộc dưới chân cầu nước trôi lên hụp xuống theo lượn sóng nhào, dựng mũi ngóc lên như ngựa muốn bứt dây cương.



Chiếc thuyền chở rần của cha con ông già đã chèo giạt sang bên kia bờ, xuôi xuống một quãng xa, lắc lư chui vào một con kênh nhỏ, hai bên bờ mọc chen chúc những cây tràm vỏ trắng, cành lá rậm rạp.

Tôi toan chạy đi thì chợt thấy dưới gốc cây bả đậu có một chiếc túi da beo. Thôi, đúng là của ông già bỏ quên đây rồi. Tôi chộp lấy, cắm cổ phóng theo bờ kênh, vừa hú vừa ngoắt sang bờ kia. Không ai nghe tiếng tôi hú gọi cả. Gió thổi âm âm ù ù như có hàng nghìn chiếc cối xay lúa khổng lồ đang quay thẳng cánh trên trời. Bờ kênh chỗ tôi đứng trống huếch trống hoác không một lùm cây bụi cỏ. Nhiều lúc, tôi có cảm giác như gió sắp nhấc bổng tôi lên, thổi tung đi. Dây phổ ngó ra mặt kênh chuyển mình nghe rảng rặc, cột gỗ hàng hiên lay lay như đưa theo một chiếc võng vô hình. Ngói bị cuốn tung lên, bay khua lảng cảng trên nóc nhà nghe đến phát sợ. Không về đến quán kịp nữa rồi. Tôi vừa thở vừa khom người chạy vào cái miếu cô hồn nằm xê xế phía dưới chợ, chỗ cây đa cổ thụ cành lá rậm xùm xòa đang quần lên vạt xuống như sóng. Trời đất mỗi lúc một tối sầm lại. Vũ trụ quay cuồng trong cơn gió mãnh liệt. Những tia chớp xé rạch bầu trời đen kịt phát ra những tiếng nổ kinh thiên động địa chung quanh ngôi miếu. Tôi thu người lại như một con trút, ngồi sát vào chân bệ thờ. Tường miếu xây bằng đá tổ ong, mái lợp ngói trát vữa

rất chắc nhưng tôi bắt đầu cảm thấy không an toàn chút nào. Chà, giữa lúc trời sét mà lại đại đột tìm chỗ trú ẩn ngay dưới một gốc cây to... Tôi vốn ghét những chuyện hoang đường quái đản, không bao giờ tin rằng có ma quỷ, nhưng không hiểu sao trong giờ phút này bỗng thấy trong người rờn rợn. Pho tượng "Ông Tiêu"⁽¹⁾ mặt vẫn vẹn, đầu mọc ba cái sừng, chiếc lưỡi thè dài quá rốn, đứng ngay trên đầu tôi. Mỗi lần trời chớp, tôi đều ngửa mặt nhìn lên pho tượng với một nỗi lo sợ và tò mò không cưỡng được.

Tôi dặng háng một tiếng rõ to, phui dít đứng dậy bước ra ngồi ngay ở cửa miếu. Một vài hạt mưa bay chéo hắt vào mặt tôi lạnh buốt như nước đá. Bầy kiến dật bò ra bò vào cạnh chân tôi, chúng quơ râu trò chuyện gì với nhau một cách bình thản, lại còn rử nhau lữ lượt bò ra ngoài thêm miếu nữa chứ không cuống cuống chạy rúc vào tổ như những khi trời sắp mưa to.

Cái túi da beo đựng vật gì hơi nặng thì phải. Hình như một con dao, bởi cái sừng ló ra ngoài cồm cồm thúc vào hông tôi. "Thủ mở ra coi cái gì trong này?". Tôi vừa nghĩ thế, bỗng nghe từ trong lòng mình văng vẳng có tiếng bảo: "Đừng động chạm đến của cải của người ta. Tò mò vậy, không tốt đâu!". Tôi ngồi im một lúc, bàn tay ngửa ngáy không chịu yên lại nấn nấn cái túi.

(1) Thần cai quản các loài ma quỷ.



Bây giờ tôi lại nghe cái tiếng văng vẳng ban nãy cùng phụ họa theo ý nghĩ của tôi: "Xem chút thôi mà! Vả chẳng, mình có định lấy gì trong cái túi này đâu!". Thế là cái túi da beo mà tôi đã nhét nửa trong nửa ngoài vào túi áo vét-tông, tự nãy giờ còn nằm yên đã bị bàn tay tôi lôi phăng ra tức khắc.

- A! Cái dao găm!

Tôi chợt kêu khe khẽ và từ từ rút lưỡi dao ra khỏi chiếc da bao láng bóng vì ẩm mồ hôi người lâu năm. Ánh thép xanh xanh của lưỡi dao sắc như nước lóa lên mỗi lần trời chớp. Cán dao bằng sừng, nam khâu đồng đỏ có chạm hoa văn rất đẹp. Cán bằng sừng gì như sừng nai. Còn những gì khác nữa trong cái túi bí ẩn này? "Bề nào mình cũng đã mở ra rồi. Xem một chút thì có làm sao!" Sự tò mò nào nức càng thôi thúc tôi hăm hở lật ra. Đây là một gói lưỡi câu đủ cỡ; mười hai chiếc cả thảy, gói trong một mảnh giấy dầu cỡ bàn tay. Một cục đá và một miếng thép dẹt dẹt to và dài, hơn mặt bao diêm. Đây nữa là một gói thuốc. Thuốc gì mà dẻo quánh, xin xin vàng, mùi hăng hắc, đưa lên mũi ngửi thấy buồn nôn. Tôi bỏ lại vào túi da beo tất cả các thứ linh tinh ấy, chỉ trừ cái dao găm, rồi thắt miệng túi thật chặt bằng sợi dây gân khô quắt và trơn tuột.

Cầm chặt cán dao trong tay, tôi bỗng thấy người mình như cao lớn hẳn lên, dường như sức khỏe tăng lên vạn bội, tôi nghe mạch máu chạy

râm ran trong những đầu ngón tay. Trời chớp nhoáng nhoáng. Tôi thông thả đứng dậy rồi bất thần quay phắt lại, trừng trừng nhìn vào ngôi miếu. Pho tượng kinh khủng vẫn lặng lẽ đứng trên bệ thờ, lè chiếc lưỡi dài màu máu xuống rốn, bốn chiếc răng nanh trắng lòe nhe ra như cười.

Một lúc sau, gió dịu dần, rồi tắt hẳn. Trên ngọn đa tối sẫm mà cơn gió cuồng vừa gào rú ghê người ban nãy, mấy con chim chào mào xôn xao chuyển cánh nháy nhót, hót líu lo. Nắng vàng màu da chanh phủ lên cây cỏ một thứ ánh sáng dịu mắt, trong suốt và lung linh dường như có thể sờ được.

Tôi trở ra bờ kênh, đi dọc dài theo bến một lúc, hy vọng sẽ gặp lại chiếc thuyền con của ông cụ già bán rần. Nhưng ngóng hoài mà vẫn không thấy tăm dạng chiếc thuyền và cha con ông già đâu cả. Nhìn về nơi tít tắp, chỉ thấy ánh phản quang của ráng chiều sắp tắt từ mặt nước dòng kênh hắt lên những lùm bụi ven bờ. Sực nhớ ra rằng dì Tư Béo sắp về, tôi bèn gấp bước trở lại quán để lo bữa cơm chiều.



4

ĐÊM KINH KHỦNG

Từ ngoài góc sân sau, tôi đã thấy trong hơi khói bếp bay tỏa ra xa mùi cháy của cá kho khô ướp nước màu dứa⁽¹⁾, rưới mỡ béo ngậy và có rắc hạt tiêu thơm phức.

- Ông con ơi! Cơm đã dọn sẵn rồi đây! - Di Tư Béo mát mẻ nói vọng ra.

Đáng lẽ phải đi nhanh vào và sẵn sàng chịu đựng những câu quát mắng của bà chủ đôi khi cũng bất thần nổi nóng với mình, thì tôi lại bước từng bước một hết sức chậm chạp.

Mùi cá kho khô thơm lòng mà ban nãy vừa nghe thấy đã thêm rõ rãi khiến tôi cảm thấy bụng đói cồn cào, bây giờ bỗng bay đầu mất. Tôi không sợ những lời quát mắng. Thậm chí những câu chửi rửa tặc tằn cũng không làm tôi bực tức hay run sợ nữa. Bởi vì, đối với một thằng bé lưu lạc một thân một mình như tôi, thì bất cứ người nào cũng có thể hoạnh hợ, bắt nạt, trút giận dữ lên đầu tôi một cách hết sức

(1) Nước hàng làm bằng nước dứa cô đặc.

vô lý được. Điều đó, tôi chẳng coi ra mùi gì. Thực tình thì ban đầu tôi cũng khổ sở đau đớn vì phải hứng chịu những câu mắng mỏ thô lỗ cục cằn kiểu bọn đầu đường xó chợ mà từ tấm bé, vốn sống được nuông chiều trong một gia đình nền nếp, tai tôi chưa hề quen nghe. Tôi đã nghĩ rằng ngày nào cũng ngứa tai ra mà hứng lấy những lời xấu xa như vậy, thì mình đến vỡ óc ra mà chết thôi. Tôi tự nhủ: "Đại gì mình làm tờ giấy thấm để có giọt mực nào rơi xuống cũng hút lấy? Hãy ném trả lại cho họ". Thế là tôi đã nhanh chóng tìm ra phương pháp chống trả tiêu cực một cách có hiệu quả. Một là tôi cứ lờ đi, sự phản ứng ngấm ngấm bên trong đã tạo thành một thứ vỏ thép mà những lời cay độc đến mấy bắn vào cũng sẽ lập tức bị bật ra quay về trúng lại họ. Chẳng vậy mà những người đã há vành cung miệng, dùng lưỡi bắn tôi đã lỏng lẻo lên trước thái độ thản nhiên như không của tôi đó sao? Nhưng trái lại, tôi rất sợ - vừa sợ vừa căm ghét - những câu mát mẻ, nói bóng nói gió xa xôi. Thái độ ấy thường gây cho tôi nhiều đau đớn, và những vết thương trong tâm hồn thơ bé của tôi cứ tấy lên mỗi lúc nhớ đến giọng nói mát mẻ, ngọt như mía lùi nhưng lại có xát ốt mà một người lớn đã ném cho một đứa trẻ con...

Thấy tôi lặng lẽ bước vào, dì Tư Béo càng bực tức:



- Bữa nay mày cầm rồi à? Thụt lưỡi rồi hay sao?

Tôi chẳng nói chẳng rằng, cứ lẳng lặng đi lau đĩa lau bát, dọn mâm ra bàn. Bà ta nhắc nồi cơm, múc cá kho, xới cơm ra bát xong đầu đầy, bèn hứ một tiếng:

- Không ngồi vào mà ăn, còn đợi mời đợi thỉnh nữa sao?

Chưa có lệnh bà chủ, lẽ nào tôi dám tùy tiện, ngồi vào mâm trước? Mà đợi bà phải bảo thì tôi lại mắc vào cái tội chờ mời chờ thỉnh! Đằng nào, tôi cũng có lỗi cả! Mà nào tôi có tội gì cho cam! Bà ta bảo tôi rằng bà ta đi đòi nợ đến quá đở đèn mới về. Quái quỷ gì đã bắt bà về sớm từ chiều, tôi làm sao rõ được?

Bà ngó nghiêng vào mặt tôi, có lẽ dò xem thái độ hơn là chờ câu trả lời.

- Cháu không đói! - Tôi đáp bằng cái giọng không phải của chính mình.

- Mặc mày thôi. Cơm nhà tao cũng chẳng thừa!

Bà ta nói lúng túng, giọng khê đặc như nén lại giữa cổ, bàn tay run run vờ cầm đôi đũa, đôi mắt trừng trừng nhìn tôi. Từ bộ mặt giận dữ, chiếc cằm nọng mỡ lúc nào cũng ướt đầm mồ hôi của bà ta, đến mọi vật quen thuộc trong quán, tất cả cứ mờ dần trước mắt tôi... Tít đằng xa kia, dưới gốc cây bả đậu ở chỗ ông cụ già bán rần đã rời đi, một vệt ánh sáng nhờ nhờ phủ dài trên mặt đất bắt đầu sẫm lại. Vẳng trong

tai tôi, giọng nói ầm áp đầy trù mên của ông cụ già xa lạ: "Cháu không về nhà à?". Từ trong ngực tôi như có một cục gì cứ dâng lên, tôi cố nuốt xuống mà nó vẫn trào lên nghẹn ngang giữa cổ. Tôi không nén xuống được nữa, đành để cho nó thoát bật ra thành tiếng nấc và tôi đã khóc.

Hình như dì Tư Béo chỉ chờ đợi có bao nhiêu đó. Nụ cười hả hê, chiến thắng của bà ta lập tức nở ra như miếng bánh phồng tôm thả vào chảo mỡ đang sôi reo. Có lẽ bà ta tưởng rằng thái độ lạnh nhạt và những lời mát mẻ của bà ta đã có hiệu quả trông thấy. Mà như thế là đủ rồi. Thường thường, những người lớn sau khi thấy mình chiến thắng được một đứa trẻ con, hành hạ cho nó khổ sở đến điều, lại hay muốn tỏ ra rộng lượng, nhân hậu một cách hết sức buồn cười.

- Chà, hôm nay dì... như con mụ điên ấy! Đừng có chấp nê tao làm gì! Mày mà oán dì thì mày phải tội đó. Chẳng qua là dì giận các lão già, rượu chịu thì cứ uống phứa đi như nước, mà tiền thì một đồng cũng không chịu nhả ra! - Bà chủ quán vừa nhăn nhó làm lạnh vừa gật gà gật gù thú nhận như vậy.

Bà ta lảng xảng đi thấp đèn, cười nói bả lả, làm như không có chuyện gì vừa xảy ra, một hai bảo tôi ăn cơm đi kéo nguội.

Tất nhiên là tôi phải ngồi vào bàn cùng ăn với bà ta thôi. Suốt bữa cơm, dì Tư Béo không



ngót phàn nàn cho số phận hẩm hiu của mình. Rằng bọn đàn ông vô sỉ, thấy bà ta một thân một mình thì giở trò lừa đảo, có đứa còn lợi dụng tình thế gay go giặc sắp đánh vào đến nơi, cứ ỳ ra không trả nợ, thậm chí còn toan bắt nạt bà... Cơn giận làm bà ta phát nộ, hay vì mãi nói quên ăn không biết, bà ta cứ luôn gấp cá bỏ vào bát tôi, cho đến khi tôi ăn xong rồi mà bát cơm trước mắt bà ta chưa vơi được quá nửa.

- Chúng nó đừng hòng bắt nạt bà! - Di Tư Béo kết thúc tràng kể lể của mình bằng câu quyết liệt ấy, trước khi cầm bát đưa lên miệng để và nốt lưng cơm còn lại.

- Đúng như vậy thôi! - Tôi buột miệng nói.

- Mà mày thấy có phải không? Đừng có đứa nào hòng...

- Dạ. Người oai tín như dì thì chẳng ai dám động tới chéo áo chứ trông gì bắt nạt!

Bà ta dặng háng một tiếng, bộ mặt nom rất hả hê. Bây giờ tôi mới nghiệm ra rằng chẳng riêng gì bọn lau nhau chúng tôi, mà người lớn, người càng già lại càng rất thích được khen. Cho dù đó là lời khen xỏ của một đứa trẻ con! Của đáng tội, rộng ra thì chưa biết thế nào, chứ trong cái xóm chợ này, những tay sùng sỏ nhất cũng chẳng dám động đến cái móng chân bà chủ quán rượu cô độc lắm phù lắm phép này. Không có mấy người là không nợ tiền bà. Cứ một đồng thì một ngày năm xu lãi. Cần lúc nào, hồi lúc nào cũng có. Ai gặp bà ta ngoài đường

cũng chào. Bà ta lại là người chất lót, tiện tặn, không đánh bài bạc gì, nên hai cái túi bóng mỡ cài nút kim băng cứ căng phồng lên, no tròn theo thân hình béo ních của chủ nó. Cuộc đời và uy tín của bà ta, nói tóm lại đều tập trung ở hai cái túi nặng trĩu giấy bạc này.

- Lão Ba Ngù ngày hôm nay có tới đây không? - Dì Tư Béo chợt hỏi tôi.

- Không thấy đến. Việc gì thế, dì?

- Không. Cũng chẳng có việc gì. Hỏi thế thôi!

- Lúc sáng, cháu có gặp bác ấy ở chợ. Bác ấy mua con rắn to lắm. Bác ấy rủ cháu về theo bác ăn cháo rắn chơi. Nhưng cháu không đi.

- Thảo nào! Chắc là nướng trợn mấy đồng bạc của người ta nhờ lão đưa trả cho tao rồi. Hứ hứ!

Tôi cất dọn mâm bát xong, không biết làm gì, nhận thấy bếp còn hồng bèn đi lấy ấm nước đặt lên. Dì Tư Béo thì ngồi nhai trầu tóp tép ngoài chiếc chõng tre, tay không ngớt phảy quạt xanh xạch.

Đêm oi quá. Không có lấy một chút gió nhẹ cho đỡ bức. Dường như cơn dông ban chiều đã phung phí quá trớn, giờ đây, đêm đến, hết sạch gió rồi, đành hỏn hển nén sự bức bối vào trong bóng đen dày đặc mỗi lúc một thêm nặng nề trùm xuống mặt đất mênh mang.

- Chào dì Tư! Gớm, mắc cơn dông hồi chiều, chèo suýt chết! Mệt rã người. Về tới quán dì, thấy khỏe ra ngay.



Tiếng cười lạnh lạnh của mẹ vợ Tư Mắm cùng với chiếc áo bà ba lụa màu xanh nước biển của y xuất hiện trong quán như xua tan bầu không khí ngột ngạt từ nãy giờ...

- Đã cơm nước gì chưa? - Dì Tư Béo bước xuống chõng, vịn to ngọn đèn, hỏi một cách vồn vã.

Mẹ đàn bà uốn lưng như một con mèo cái, đưa mắt nhìn vào tận bếp rồi xòe đôi bàn tay trắng muốt đê lên mặt bàn. Mẹ thong thả đặt đít xuống ghế, thở phào ra:

- Chừng này chưa có gì bỏ bụng thì có mà chết! Ăn cơm rồi, dì ạ. Nhưng nếu nhà còn thứ gì mặn mặn thì dì bắc hộ nồi cháo hoa, chốc nữa húp vài bát cho nó tỉnh người.

- Bữa nay tôi đóng cửa cả ngày, có bán chác gì đâu. Nhà còn một ít cá kho tiêu thôi. Tôi thềm, kho ăn chơi một bữa, hãy còn nửa nồi đây! - Dì Tư Béo đáp.

Tư Mắm khom người bước vào quán, nách cắp chai rượu tây, tay con cá mực khô.

- Nướng giùm qua chút, chú em! - Hấn nói vọng vào bếp, mắt nhận ra ngay tôi đang đứng trong bóng tối.

Không chờ tôi bước ra, Tư Mắm đi luôn vào bếp giúi cá mực khô vào tay tôi. Rồi hấn móc thuốc lá ra, nách vẫn cắp chai rượu, bật lửa lên đốt điếu thuốc hút tại chỗ. Đôi trông mắt bé tí hí như mắt rắn đảo quanh một vòng rất nhanh, khiến tôi phải sợ sợ, không dám nhìn hấn.

Tôi quạt than đỏ lên, nướng mấy con mực xong, đặt vào đĩa kèm theo quả chanh và một ít hạt tiêu giã nhỏ, bưng ra bàn.

Tư Mắm gọi một xị⁽¹⁾ rượu đế, ngồi ngay ở đầu chiếc bàn dài chỗ cửa ra vào, rót rượu ra cốc và lạng lẽ xé mực bỏ vào miệng nhai nhồm nhoàm. Mụ vợ hần thì ngồi chỗ góc bàn nhỏ bên trong, kê sát vách. Thấy mụ mở nút một chai "cột nhà vuông" rót thứ rượu thơm thơm vào chiếc cốc nhỏ, cho thìa đường vào, tôi vội vàng lấy ngay ra bát nước sôi đặt lên bàn, trước mặt mụ ta.

- Thằng bé này ngoan quá! Em phải là đứa làm bồi các nhà hàng lớn ngoài tỉnh, chứ không phải là chú nhỏ hầu rượu chỗ này đâu!

Mụ cười cười khen tôi như vậy và chậm rãi thả cốc rượu ngâm vào bát nước sôi. Hai bàn tay ngón búp măng thoăn thoắt mở con dao xếp kiểu sáu lưỡi ra, cắt gọn nhẹ một lát chanh rồi cho vào cốc, úp đĩa lên đây lại. Giống hệt như cái lần mụ đã "chế biến món thuốc giải cảm" bạn trước.

- Hai ông bà ngồi chơi, nghỉ một chốc đi! Tôi đi tắm một cái cho mát đã, - dì Tư Béo vừa nói vừa bước vào buồng lấy quần áo, và khi trở ra, không quên bảo tôi: - Vo nắm gạo bắc lên bếp nấu nồi cháo đi, con. Nhớ nấu loãng nhé!

(1) Chai đựng một phần tư lít.

Trong một thoáng, tôi đã làm xong việc bà chủ bảo, rồi đến lạng lẽ ngồi bên bếp lửa, chỗ nghỉ ngơi và là nơi trú ẩn tốt nhất của tôi mỗi khi tôi muốn quan sát một người khách rượu nào đó ở bên ngoài.

Từ trong bếp lửa nhìn ra, không có một cử chỉ nào của Tư Mắm lọt khỏi mắt tôi. Hắn uống hai cốc rượu liền, uống vội vàng, xong lại xé mực nhai nhóc nhách, mắt luôn luôn ngó ra cửa... Hành tung của đôi vợ chồng này có nhiều khác lạ, càng khiến tôi chú ý theo dõi. Những lần trước, quán đông khách, Tư Mắm vẫn đến uống rượu. Mắt hắn luôn luôn nhìn vào cốc rượu, dường như người đắm chiêu nghĩ ngợi, hoặc có một tâm sự đau buồn gì. Hắn không mấy khi bắt chuyện với ai và không nhìn ai. Chỉ khi nào hắn đưa cốc lên uống, đôi mắt ti hí mới liếc ngang, nhanh như tia chớp, ném cái nhìn trộm ra chung quanh. Đêm nay hắn không nhìn vào cốc rượu, mà chỉ ngó ra cửa.

Không biết con mụ vợ nó làm gì ngoài góc bàn. Chỗ tôi ngồi, khuất tấm vách ngang không trông ra được. "Chà, con quỷ cái này là một tay rượu không vừa đâu!" Tôi nghĩ thầm như vậy. Mới cách đây có hai hôm mà nó đã mở thêm một chai "cột nhà vuông" nữa rồi. Dứt khoát không phải là thuốc giải cảm như mụ ta nói. Thuốc thì người ta nhắm mắt, nhắm mũi uống một hơi chứ đâu có ngồi nhắm nháp từng ngụm, thưởng thức một cách khoái trá như

những tay bọm rượu sành sỏi? Và bàn tay nó cầm thìa khuấy cốc, ngón út cong lên đầy kiểu cách, có phải là bàn tay của người lam lũ đâu. Giá như đó là những con mụ che dù dầm từ ngoài tỉnh chạy vào, luôn mồm kêu là không có nước ngọt tắm, không có nước đá uống thì là chuyện dĩ nhiên, không nói làm gì. Vợ một tên lái mướm tềng xí⁽¹⁾ mà cũng học đòi làm sang thế kia ư? Không! Dứt khoát là không phải. Bộ quần áo bà ba tầm thường của mụ chỉ là cái lót bên ngoài, không che giấu nổi cốt cách mụ ta.

"Con mụ quái quỷ này đang làm gì ngoài đó?". Câu hỏi ấy cứ lớn vồn qua hình bóng những lưỡi lửa nhảy múa trước mắt tôi. Tôi không thể chịu được nữa, bèn đứng dậy rón rén bước ra.

Mụ ta đang cầm cúi viết trên một mảnh giấy nhỏ xé ra từ quyển sổ ghi chép các món tiền thu nhập hàng ngày. Cốc rượu vẫn nguyên chưa đụng tới. Làm sao xem được mụ ta viết cái gì đây? Tôi lia mắt sang thấy bát nước hâm rượu không còn bốc hơi nữa, bèn nảy ra ý nghĩ sẽ vờ cầm ấm nước sôi đến rót thay vào bát nước nguội để có thể tới bên bàn mụ ta ngồi. Tôi nén thở, bước rón rén bằng những đầu ngón chân và đứng sát bên lưng mụ, nhìn qua vai mụ. Trên mảnh giấy, những dòng chữ Pháp viết tháu vội vàng, nhưng vẫn đẹp như cắt,

(1) Đồ bỏ, của vứt đi.



nghĩa như sau: "CB - 15 - 5 - 1946. - Hai trung đội chính quy trang bị đầy đủ. Một súng máy Bơ-ren. Cảnh đền: Một đại đội dân quân vũ khí thô sơ. Đập Đá: Một trung đội hỗn hợp, mười cây súng trường, vài chục lựu đạn tự làm lấy. 13.5: Một cán bộ quân sự cao cấp đã qua đây. Đoàn thuyền vận tải quân lương đi về hướng Thới Bình...". Những dòng chữ phía đuôi bị khuất qua mớ tóc xõa bên vai mẹ ta, không đọc được. Tôi nén thở, rướn người lên, tìm đập thành thích trong ngực. Đột nhiên, mẹ ta quay phắt lại, khiến tôi giật mình suýt buông rơi cái ấm xuống đất. Nét hốt hoảng vừa thoáng hiện trong đôi mắt to đen lay láy của con mẹ đàn bà nham hiểm khi vừa nhìn đến tôi lập tức biến ngay, và nhường chỗ cho những tia nhọn hoắt như những mũi kim phóng vào mặt tôi.

- Xem trộm cái gì? - Mẹ ta nén giọng hỏi khế, cặp môi mỏng dính run run đầy phần nộ.

Tư Mắm lập tức xô ghế đứng dậy. Tôi tưởng hấn sẽ nhảy xổ vào bóp họng tôi ngay. Nhưng hấn vẫn đứng nguyên đấy và đưa mắt nhìn mẹ vợ, rõ ràng là hấn đang chờ mệnh lệnh mẹ ta giống như một con chó săn chờ lệnh chủ.

Trong lúc ấy, tôi đã kịp đủ thì giờ trấn tĩnh. Lúc bấy giờ tôi cũng không hiểu tại sao mình lại tỉnh táo được như vậy... Tôi gãi tai, cười và nói một cách hồn nhiên:

- Thím viết đẹp quá! Chữ đẹp như cắt ấy, mà lại không kẻ dòng... Đẹp hơn cả chữ anh Sáu tuyên truyền nữa!

- Mà đọc rồi à? - Mụ ta trố mắt hỏi, cố nén giận dữ.

- Đọc từ nãy giờ... mà thím viết thứ chữ Tây chữ u gì, cháu không hiểu được. Cháu chỉ đánh vần quốc ngữ bập bẹ và đọc được con số từ một đến một trăm thôi! Nhưng phải đánh vần lâu lắm kia!

Con mụ thở phào một hơi nhẹ nhõm:

- Con nít đừng có nhìn lén, đừng xem trộm khi người lớn đang viết, nhớ không. Vậy là kém lịch sự và vô phép lắm đó!

Tôi cười hì hì ra vẻ nhận lỗi:

- Cháu đến thay bát nước sôi cho thím chứ! Tại chữ thím viết đẹp quá, cháu cứ mãi xem... Cháu đâu có dè thím rầy! Mọi khi, anh Sáu tuyên truyền viết, cháu đứng sau lưng coi mà ảnh chẳng rầy la gì...

- Ủ, thôi. Thay bát nước khác đi! - Mụ ta chớp chớp mi mắt, cười với tôi... - Qua ghi các món tiền người ta mua chịu mà. Viết bằng chữ quốc ngữ mới, em không đọc được đó thôi. Đây này - mụ ta vừa nói vừa chìa mảnh giấy đến bên ngọn đèn - con số 15 này là người ta thiếu qua mười lăm đồng... Con số 5 này là năm ngày nữa họ sẽ trả. Biết chưa?

- Dạ, cháu biết! - Tôi tươi cười.



Con mụ càng cố ý đánh lừa tôi bằng vẻ thành thực thì tôi cũng mượn màu thành thực để lừa lại nó. Trong khi ừ ào với mụ ta, tôi đã đọc nốt những dòng chữ cuối: *"Tấn công tốt nhất vào khoảng bốn giờ sáng. Trạm canh gác chỉ có bốn đứa: hai súng ca-líp 12. Bất sống. Trời mưa to, có thể núp trong mưa, tắt đường ruộng bất thần đánh vào ban ngày"*.

Thay bát nước xong - không hiểu sao bây giờ tay có hơi run - tôi cố trấn tĩnh bằng cách đứng lại nói với mụ ta một câu trước khi quay vào bếp.

- Thím đừng mách dì Tư, dì Tư mắng cháu tội nghiệp!

- Ừ, không mách đâu! Vào xem nồi cháo được chưa...

Tôi không nhìn Tư Mắm nhưng tôi biết Tư Mắm đang cười. Tôi vào đến cửa bếp, còn nghe hai tiếng thở phào ra cùng một lúc của đôi gián điệp vườn⁽¹⁾ này, và tôi biết chắc chắn rằng chúng đang nhìn theo tôi không phải bằng những cặp mắt đầy hoảng hốt và dữ dội như ban nãy.

Dì Tư Béo đã tắm xong, vào ngồi bên chõng rũ tóc ra cầm quạt quạt cho khô tóc.

- Trời ơi quá! Tắm rồi mà mồ hôi cứ vã ra như chưa tắm!

Thấy con mụ vẫn cầm cúi viết, dì Tư Béo hỏi:

(1) Gián điệp có trình độ hoạt động ở phạm vi thôn xã.

- Bữa nay người ta mua chịu nhiều lắm sao? Ghi gì mà hết tờ nọ tới tờ kia vậy?

- Cũng chút đỉnh thôi... Biên các số tiền chi tiêu lật vật ấy mà! Mà cũng xong rồi đấy. Thôi, dọn cháo ra ăn chơi đi, dì Tư!

- An ơi, lau mâm bát đi, con! - Dì Tư Béo gọi vọng vào bếp, bảo tôi.

Tôi vừa toan nhắc nồi cháo xuống, bỗng nghe dì nói tiếp:

- Ngày nào cũng biên chép nhiều như vậy, bảo thằng bé nhà tôi nó viết hộ cho. Nó tốt chữ lắm đấy!

Không biết quỷ ma nào giật lưỡi bà ta, mà bà ngứa mồm ngứa miệng nói ra làm gì điều đó. Tôi nghe con mụ vợ Tư Mắm "à" lên một tiếng, và mụ ta bưng cốc rượu uống ừng ực một hơi. Hình như mụ ta đang xoay xoay cái cốc trong tay, nghĩ ngợi gì lung lắm, vì sau một hồi lâu, tôi mới nghe tiếng cốc dần hơi mạnh xuống bàn...

- Thằng bé mới mười bốn mười lăm tuổi gì đó mà đã đồ "phi-ca" rồi đấy! *Biết đâu chùa rách Phật vàng... Ai hay trong quán ẩn tàng kinh luân.*⁽¹⁾ Coi nó lèng quèng vậy, mà chữ Tây đọc giòn như bắp rang đó. Hôm nọ nó cầm tờ báo Tây đọc vanh vách, còn cắt nghĩa cho thằng Sáu tuyên truyền nghe nữa chứ!

(1) Trong truyện thơ "Lục Vân Tiên" của Nguyễn Đình Chiểu.



Tôi nghe bà chủ quán nói một hơi như vậy, tức muốn điên lên. Trời ơi! Tôi có đọc báo Tây và dịch nghĩa dịch ý gì cho anh Sáu tuyên truyền hồi nào đâu mà bà ta bỗng dưng hứng khẩu khoe tướng lên như vậy? Mà bà ta đã quá quyết như vậy rồi thì tôi còn hòng chối cãi làm sao? Tôi làm sao thoát khỏi tay bọn chúng mà chạy đến báo cho anh Sáu tuyên truyền hay được? Tôi đứng im, để hết tai ra nghe ngóng, nhưng mạch máu cứ đập trong tai làm tôi không còn nghe gì rõ.

Không thấy vợ chồng Tư Mắm nói gì, bà ta trối giọng:

- Bé thế mà đồ "phi-ca" thì giỏi lắm!... Ngày xưa có một ông giáo "phi-ca" mê tôi lắm, nhưng duyên trời không định...

Từ quán đến chợ thì xa. Ngược lên, đến xóm Tràm nơi trung đội Cộng hòa vệ binh đóng lại càng xa hơn nữa! Tôi mà chạy đi, nhất định Tư Mắm sẽ giết tôi ngay giữa đường. Không làm cách nào bịt mồm bà chủ được, tôi đành liều thôi. Hai tay run lập cập, tôi lẩn trong bóng tối, tháo miệng túi da beo ra cho dễ rút con dao găm, rồi cứ để nguyên cả bao da nhét vào bên trong thắt lưng, phủ vạt áo vét-tông ra ngoài cho khuất cán. Tôi không thể chuẩn bị trước những câu trả lời với bọn chúng. Biết thế nào được mà chuẩn bị? Tới đâu sẽ ứng phó tới đấy! Nếu chúng giở trò hành hung thì tôi sẽ sử dụng tới con dao.

Ngoài kênh đã không nghe một tiếng chèo. Cũng không một ông khách rượu nào tới quán. Sao mọi đêm, bọn họ kéo tới một lúc năm bảy người, tấp nập hết tốp này đến tốp khác, làm tôi chạy chân không bén đất mà hầu, nhưng cũng chẳng kịp - tại sao đêm nay không thấy ma nào mò tới?

- Bưng cháo ra đây, chú em! - Tiếng con gián điệp gọi lên lanh lảnh, khiến tôi nổi gai ốc khắp người.

"Sao mày hèn thế!" Tôi tự hỏi mình như vậy. Và đột nhiên tôi bỗng nhớ tới gương mặt bầu bĩnh của em bé gái có hai bím tóc tết trái đào... Cô bé mặc bộ quần áo xa tanh màu đỏ bắt đầu khởi động, đôi hài đen nhỏ xịu giẫm xuống, mắt nhìn thẳng vào vòng lửa cháy vù và tua tua những lưỡi dao nhọn hoắt... Cô bé hét lên một tiếng, nhưng không bay qua vòng lửa mà quay lại nhìn thẳng vào mặt tôi, cười mủm mím. Mặt tôi nóng ran lên. Tôi dặng háng một tiếng, bưng mâm bát bước ra.

Tư Mắm không nhìn tôi. Hấn vẫn ngồi xé mực nhai nhóc nhách, mắt ngó ra ngoài tối đen. Con gián điệp cũng không nhìn tôi. Nó vờ như đang chăm chú đọc những khẩu hiệu của anh Sáu tuyên truyền đã dán lên vách hôm nọ, chứ thực ra quả là nó đang rình theo tôi từng cử động. Tôi trở vào bưng ra nồi cháo đặt bên chõng.



- Thôi, để đấy cho dì. Mày xuống thuyền ngủ trước đi con! - Dì Tư Béo truyền lệnh cho tôi.

Tôi không đi ngay. Tôi còn tròng trĩnh đứng lại múc cháo ra bát, xem thái độ chúng như thế nào, nhưng chẳng thấy chúng tỏ ra lưu ý gì đến tôi. Tôi bèn lặng lẽ bước ra, đi lần xuống chỗ chiếc thuyền mũi ống đậu trong mương. Thế nào Tư Mắm cũng đi theo tôi. Tôi nghĩ như vậy và làm bộ vấp chân, kêu "ái ôi" một tiếng. Tôi xuýt xoa ngồi xuống, nắn nắn bàn chân nhìn ngang và quả thấy Tư Mắm đã bước ra đứng ở chỗ cửa. Linh tính báo cho tôi biết sẽ có điều nguy biến xảy ra cho tôi trong đêm nay. Tôi chạy cũng không thoát kịp nữa rồi. Hình như trong giờ phút mấp mé đứng trước cái chết hoặc trước một nguy hiểm tột độ nào đó, con người trở nên bình tĩnh hơn bao giờ hết. Tôi co chân nhảy độp xuống thuyền, lôi chiếc nóp ra giữ phành phạch, vờ sửa soạn chui vào nóp. Nhưng tôi không chui vào, tôi lấy chiếc gối chống dựng một đầu nóp lên và kéo cho đầu nóp lộ ra ngoài mũi thuyền để người đứng trên bờ có thể nhìn thấy được. Xong đâu đấy, tôi trườn nhẹ ra sau lái, nhẹ nhàng bước trên những chùm rễ gáo và bò theo mé mương. Lên được bờ rồi thì bấy giờ trăng cũng vừa mọc. Chung quanh ngôi quán, mặt đất sáng như ban ngày. Bóng tối chỉ còn lại một vùng đen sẫm dưới gốc cây gáo cổ thụ. Tôi núp theo bóng cây, chui vào một cái hốc có chùm lá ráng

phủ bên ngoài mà một hôm tình cờ tôi đã phát hiện ra.

Tôi không biết mình ngồi thu mình trong hốc cây, nén thở như vậy đã bao lâu. Mồ hôi ướt đầm đìa sau lưng áo. Bàn chân tôi chạm vào mình con vật gì mềm nhũn như con rắn. Tôi hốt hoảng rút chân lại. Con vật bò rột roạt theo hốc cây, kêu "tắc kè... tắc kè... tắc kè..." ngay trên đỉnh đầu tôi.

Trong quán đã nghe tiếng thu dọn bát đĩa. Con mụ gián điệp chào dì Tư Béo, không biết nó nói gì mà bà chủ quán của tôi cười lên khác khác... Lát lâu sau, nghe nó rửa chân lạch xạch ngoài cầu nước, rồi tiếng chân nó giẫm lên sập thuyền. Rõ ràng là chỉ có mỗi mình con mụ xuống thuyền.

Mỗi một tiếng động, một âm thanh nào đó từ bên ngoài vẳng vào gốc cây ẩm mục, tối om và hơi hám ngọt ngạt đến tức thở này, đối với tôi đều có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Nó mở ra cho tôi một tia hy vọng, hoặc đẩy tôi mỗi lúc một chuỗi sâu xuống bãi lầy đen kịt mà tôi không phương vùng vẫy.

Cánh liếp trên quán đã sập xuống. Nghe then cửa gài đánh "cách" một tiếng. Luồng sáng đỏ của ngọn đèn từ trong quán chiếu xuyên qua hàng rào mắt cáo, soi ra tận luồng cỏ bắc bên kia mép mương, chớp chớp mấy cái trước khi tắt phụt.



Tư Mắm đi dò từng bước ra mương. Hắn bước rất khẽ, dường như chân không chạm vào đất vậy. Hắn ngo trở vào quán rồi quay lại vươn cái cổ dài nhìn xuống chỗ đầu nóp tôi đã kéo ló ra mũi thuyền. Hắn đứng im như vậy có đến chừng hai phút. Trong quán, dì Tư Béo đã bắt đầu "khò... khò... khò... khừ", ngáy như kéo cưa.

Tư Mắm đưa tay lên vén tóc, ngó vào gốc cây rồi thong thả bước đến ngồi thụp xuống quay lưng vào mặt tôi cách chừng một thước. Tôi nén thở, nhắm mắt lại cho thần kinh đỡ căng thẳng. Hồi lâu, bỗng nghe tiếng người dặng hắng đầu ở phía sau quán. Tôi mở mắt ra trông ngực đập rộn lên. Cứu tinh đã đến với mình đây rồi! Trời ơi giá mà anh Sáu tuyên truyền đến với tôi trong lúc này..., không phải anh thì lão Ba Ngù, hay không phải lão Ba Ngù thì một người đàn ông nào đó cũng được...

Có tiếng chân giẫm thỉnh thoảng vòng sau quán men ra gốc cây. Tư Mắm nhẹ nhàng đứng dậy, đưa ngón tay lên mồm suýt một tiếng. Thôi, thế là hết! Tia hy vọng cuối cùng và mong manh nhất chợt đến với tôi cũng tắt ngấm từ phút này đây.

- Lộ rồi! - Tư Mắm thều thào nói với bóng đen, và hát hàm về phía đầu nóp ló ra mũi. Hắn còn thì thào mấy câu gì nữa, nhưng tôi không nghe được.

Tôi không thể nào nhận ra bóng đen đó là ai. Trong tất cả những người đàn ông lui tới quán rượu này, không có hắn. Đôi vai rộng bè khom khom chồm tới trước như một con giả nhon; khi hắn ngược lên, tôi vừa kịp trông thấy một nửa bên quai hàm bạch ra, trán rất thấp, vòm mắt nhô cao, lông mày rậm rịt. Hắn cởi trần, bắp thịt nổi cuộn cuộn lấp loáng dưới ánh trắng. Tôi rùng mình. Bàn tay tôi cấu thủ vào sườn mấy cái, thấy đau điếng... Không! Không phải tôi chiêm bao mà!

Bóng đen khủng khiếp ấy rút con dao rừng dài non năm tấc giắt bên hông ra, cầm lăm lăm trong tay. Trong hốc cây, bàn tay bé nhỏ của tôi cũng lần lần rút con dao găm ra khỏi vỏ.

Tư Mắm cầm khẩu súng lục - không biết hắn lấy ở đâu ra từ lúc nào - kẹp khẩu súng vào đùi, tay kéo qui-lát "rắc" một tiếng khô gọn, trong khi bóng đen khủng khiếp kia lom khom bò xuống mũi thuyền mà hắn tin chắc rằng tôi đang nằm ngủ dưới đó.

Bỗng nghe con gián điệp ho một tiếng ngoài cầu nước. Tư Mắm quay đầu về phía có tiếng ho. Đêm vắng lặng đến nỗi con mụ nói rất khế nhưng tôi vẫn nghe rõ mồn một: "Đừng! Đừng! Xuống lấy cái bao tải. Nhét giẻ vào mồm thôi..." Tư Mắm vừa đi thì tôi cũng vừa lách mình ra khỏi hốc cây. Khi tôi thấy hắn dò dẫm rén chân bước xuống chiếc cầu nước đầm bùn trơn như



mỡ thì nhanh như cắt tôi lập tức phóng ra khỏi gốc cây lao đi như một mũi tên.

Tôi không biết mình chạy đi đâu. Bên tai tôi, gió rít vù vù, lùm cây bụi cỏ rừng rừng xô nhau chạy ngược về phía sau lưng tôi. Dây phổ ngói và những tàn cây bã đậu thấp thoáng trong làn sương đất; một ngọn đèn le lói từ ngôi nhà ai còn thức, chiếu nhấp nháy, dường như nhảy lên nhảy xuống đàng xóm chợ im lìm kia. Bản năng không tự giác đã điều khiển đôi chân tôi chạy tìm về chỗ có người khi lâm hoạn nạn. Tôi toan kêu lên, nhưng không còn đủ sức kêu nữa. Tôi lại tiếp tục chạy. Bỗng nhiên tôi cảm thấy ruột gan phèo phổi mình thót lên, đầu chúi tới trước. Một làn sương mù dày đặc từ từ bao trùm khắp người tôi, tôi chỉ còn đủ cảm giác thấy tay chân mình tan ra như nước hòa lẫn vào trong lớp sương mù quái dị đó, rồi tôi không còn biết gì nữa...

Khi tôi tỉnh dậy, tay hãy còn nắm chặt cán dao găm. Lưỡi dao cắm ngập vào mặt đất sét ẩm, khiến tôi phải ngồi lên mới rút ra được. Tôi đút con dao vào vỏ, nhét trong thắt lưng, định thần một lúc mới nhận ra rằng trong lúc mình chạy, mình đã ngã chúi xuống một đường hào chiến đấu mà các anh thanh niên trong chợ vừa đào mấy hôm nay. Tôi lần nhớ lại các việc đã xảy ra... Quái, tiếng trống tiếng mõ ở đâu mà khua động inh tai thế này? Tôi toan nhảy phóc lên bờ hào, nhưng chưa kịp với vào thành đất

đã rơi xuống ngay. Khắp người ê ẩm, chân tay đau buốt, tôi cố sức cào đất trườn lên. Khi tôi bò ra khỏi hào thì thấy một vầng lửa đỏ rực đang bao trùm lên ngôi tửu quán. Những luồng lửa khổng lồ le lên liếm trụi các cành khô trên ngọn gáo cổ thụ. Tre nứa nổ lộp độp. Khói cuộn cuộn bốc lên, đưa tàn lửa bay chấp chới như một bầy ong đỏ từ trong đám cháy bị mùi rượu sục nồng xua lên, bay tán mát ra xa.

Tôi lại cố sức chạy trở về ngôi quán thân thuộc đang làm môi cho thần lửa. Trong ánh lửa đỏ rực chiếu sáng khắp chung quanh, ở một góc sân sau, hai người đàn ông đang nắm chặt hai cánh tay dì Tư Béo lôi ra. Bà ta giãy giụa, gào thét, hết ngã xuống lại chồm lên. Cả khối thịt của cái thân hình to lớn ấy run lẩy bẩy trông rất dễ sợ.

Tôi lách đám đông chạy sả vào. Người đầu tiên tôi nắm lấy cánh tay kêu lên là anh Sáu tuyên truyền:

- Bắt lấy vợ chồng Tư Mắm! Chúng nó là gián điệp...

Trong những người đứng chung quanh đang bó tay tuyệt vọng, buồn rầu nhìn ngọn lửa hoành hành, tự do thiêu hủy ngôi quán, vừa nghe tôi thét lên như thế, có người tức khắc nhảy chồm lên: "Làm sao mày biết, hử thằng bé kia?". Có người hỏi dồn tôi: "Nhưng chúng nó đâu rồi?".



Tôi kể không ra đầu cua tai nheo gì cả, tiếng được tiếng mất. Nhưng tôi chắc chắn rằng tôi không bỏ sót một chi tiết quan trọng nào. Người ta nhón nháo đi gọi các anh Cộng hòa vệ binh. Ông trưởng công an xã ở títt xóm dưới bây giờ mới vác khẩu súng bắn chim hai nòng lích kích chạy tới:

- Chúng nó chưa đi xa đâu!

- Chia người ra ba cánh, đuổi theo các ngã ba kênh!

- Đuổi cái con khỉ! Không biết chừng nó đã tới Ngã Bảy rồi!

- Này, anh em! Không được giết chết... Bắt sống chúng nó mang về đây, chặt đầu cho đồng bào xem!

Không biết một người nào đó đứng trong đám đông ồn ào đã truyền lệnh ra như vậy. Và ai nấy đều rầm rập tuân theo.

Tôi không theo toán người đi đuổi bắt vợ chồng Tư Mắm. Tôi đến bên dì Tư Bé, cầm lấy bàn tay lạnh ngắt của bà ta, không biết nên nói gì đây. Một câu an ủi trong lúc này, có nghĩa lý gì! Bà chủ khốn khổ của tôi đang ngồi tựa lưng vào một vò rượu - không biết tay nào chạy hộ ra đây hay tự bà ta khênh ra kịp thì chẳng rõ - vừa thấy tôi đến, đã quay mặt đi.

- Dì Tư! Dì Tư! - Tôi lo lắng và buồn rầu gọi nho nhỏ.

- Thằng nhỏ nó về rồi đây này! - Một người đàn bà nào đó ngồi cạnh bà ta kêu lên.

Dì Tư Béo vẫn quay mặt vào bóng tối. Bỗng nhiên bà ta khóc òa lên: "Con ơi! Con đi đâu mà bỏ dì một thân một mình...". Tôi đứng dậy cầm chiếc khăn rằn phủi bụi đất bám đầy trên vai bà ta. Trước mắt tôi, bà ta chỉ là một con người đáng thương và gần gũi nhất. Tự nhiên, không hiểu sao tôi cũng quay mặt vào bóng tối. Phải rồi, một thiếu niên dù bất cứ ở hoàn cảnh nào cũng không được tỏ ra mềm yếu trước mọi người...

Mãi đến chiều hôm sau, vẫn không tìm ra tung tích vợ chồng Tư Mắm. Ai gặp tôi cũng hỏi, cũng bắt tôi phải kể đi kể lại có hàng trăm bận. Cả chợ nhao lên. Người ta nhìn nhau, ai cũng có vẻ đáng nghi ngờ. Lão Ba Ngù đứng giữa đám đông, vỗ trán kêu lên:

- Tôi biết cái thằng có đôi vai rộng bè, lưng khom khom như con giả nhơn ấy rồi!

- Lại bịa nữa! Biết thì nói, không thì thôi. Chẳng ai ép đâu nhá! - Một ông bạn rượu của lão Ba Ngù khịt mũi nói như vậy.

- Sao lại không? Nó là thằng cùi⁽¹⁾. Mấy hôm nọ, tôi thấy nó nằm dưới xóm Đập Đá. Đúng là nó! - Lão Ba Ngù khẳng định như vậy, và chờ cho mọi người đưa mắt ngơ ngác đợi lão nói tiếp, lão mới e hèm mấy cái, tặc lưỡi: - Chà, nó không phải cùi đâu! Nó lấy thịt thối buộc giẻ rách bó vào chân, ruồi nhặng đến bu vo ve, ai

(1) Hủi.

thấy cũng tỏm, chẳng ai muốn đến gần. Hóa ra có hồi nó ngồi ngay trước mặt mình mà mình tránh đi, để lúc nó chuồn rồi mới ba chân bốn cẳng chạy đi lùnh!

Không biết lão Ba Ngù nói vậy có đúng không, nhưng chẳng thấy ai bác bẻ lại lão. Có điều mọi người trong chợ đều nhất trí nhận định là: "Đích thị vợ chồng Tư Mắm đã đốt quán trước khi rút lui. Có thể chúng đặt trước một mối lửa, khi đi xa rồi, quán mới bốc cháy. Dân trong chợ mắc lo chữa cháy dù có biết cũng muộn rồi, không đuổi theo kịp chúng nó nữa".

Quán rượu dì Tư Béo cháy sạch trong đêm đó. Nhưng còn được chiếc thuyền mũi ống, nhờ có người đẩy ra kịp mương nên chỉ mới cháy sém một bên mũi. Dầu sao thì hai chiếc túi bóng mỡ cài kim băng của bà chủ quán rượu cô độc cũng chưa hề hấn gì. Bà ta quyết định không cất lại quán trên mảnh đất xúi quẩy này nữa. *"Phước bất trùng lai, họa vô đơn chí"*(1) mà!

Phải mau mau rời bỏ chỗ này thôi. Dì Tư Béo không ngót than vãn như vậy, và sau cùng quả quyết bảo tôi:

- Con ơi! Đi với dì xuống Thới Bình đi!
- Cháu ở lại đây thôi. Cháu còn chờ một người quen...

(1) Điều may không cùng tới hai lần, điều rủi không phải một lần là hết.

Tôi đáp với bà ta như vậy, chứ thật ra tôi có chờ ai đâu. May ra trong số người qua lại xóm chợ này, tôi có thể tìm gặp một người quen nào chẳng? Ba má tôi thì chắc chắn là còn ở tận bên kia sông Hậu Giang, chẳng bao giờ xuống tới chốn này.

- Số trời bắt tao phải sống một thân một mình. Thôi thì cũng đành! Nếu mai kia một nọ... con có dịp về gần Thới Bình, cứ hỏi thăm tên dì, ắt dì cháu ta còn có cơ hội gặp nhau...

Bà ta sụt sịt, giúi vào tay tôi một đòn bánh tét, nặng nề bước xuống chiếc thuyền vừa thoát trận hỏa tai, rồi nhỏ sào tách bến.

Trời sâm sẫm tối. Tôi đứng dưới gốc cây gạo cổ thụ lổm ngổm những mảnh lu mảnh vại vỡ, bên đám tro tàn còn phảng phất mùi rượu cháy chưa tan. Tôi đứng im lặng một mình như vậy, nhìn theo vạt áo trắng của dì Tư đang chèo khuất dần trong bóng tối của mặt nước dòng kênh. Lát lâu sau, tôi bỗng cảm thấy lòng rưng rưng một nỗi buồn lạ lùng không sao xua đi được, một thứ trống rỗng ủa vào tâm hồn, khiến tôi gần như sợ hãi. Tôi chạy theo gọi: "Dì Tư ơi! Dì Tư! Chờ cháu với...".

Tôi vấp mấy cái trong bóng tối, suýt ngã xuống nước. Màn đêm lạnh lẽo buông trùm xuống những ngọn sóng xô xao trên mặt nước cuộn cuộn, không biết chảy về đâu.



5

ÔN LẠI NGÀY CŨ

Tư Béo đã đi rồi. Cả bác tài công già trong đoàn thuyền vận tải quân lương và anh học sinh *cô-le* đã cho tôi chiếc áo vét-tông, hiện giờ cũng không biết ở đâu. Phải chăng những người mà số mệnh đã run rủi cho tôi gặp họ trên đường giạt trôi vì khói lửa đều vội vàng tất bật buông rơi tôi lại, bỏ tôi lơ trôi giữa đường? Mà tôi chỉ là thằng bé từ lúc còn lẫm chẫm biết đi cho đến mấy tháng trước đây chưa hề rời khỏi thành phố mình sinh trưởng. Hay đó là thử thách của cuộc đời đối với tôi chăng?

Anh Sáu tuyên truyền bảo tôi về ở với anh. Ban ngày tôi theo anh ra quét dọn phòng thông tin, tôi lại những khẩu hiệu cũ. Ban đêm thì tôi bạ đâu ngủ đấy. Có khi tôi ăn và ngủ ở nhà anh, nhưng cũng nhiều bữa tôi ăn cơm nơi nhà người khác, phần đông là các anh thanh niên trong chợ. Bởi họ thấy tôi dễ bảo, có chút ít chữ nghĩa, lúc nào cũng sẵn sàng giúp họ viết những khẩu hiệu xanh đỏ lòe loẹt bằng các thứ

kiểu chữ *gô-tích*, *ba-tông đờ-roa*... Đôi khi tôi còn chịu khó ngồi nắn nót vẽ những chữ hoa trên góc các vuông khăn vải phin trắng còn thơm mùi hồ mà các chị phụ nữ Tiên phong đã cạy tôi vẽ để họ thuê... Tôi làm các công việc vặt này một cách say sưa, bởi đó là thích thú của tôi, đồng thời cũng muốn phô khoe chút tài khéo léo của mình. Anh Sáu tuyên truyền chẳng đã nhiều lần khen tôi là một thằng bé có "hoa tay" đấy ư ?

Dẫu sao thì tôi cũng vẫn buồn. Cái hy vọng gặp lại ba má tôi và ngày mình có thể trở về thành phố quê hương cứ khuấy động trong tôi một nỗi buồn nhớ không nguôi. Nhưng tôi tuyệt nhiên không hề hé môi thốt ra một lời than vãn. Thảng hoặc có một vài người nào đó lưu tâm hỏi hoàn cảnh gia đình cha mẹ tôi ở đâu... thì tôi đều kiếm cớ nói tránh đi, hoặc lái câu chuyện về một hướng khác. Tôi không muốn thấy ai tỏ lòng thương hại đối với mình. Bởi vì, nói cho cùng chẳng đem lại một kết quả gì mà chỉ gây thêm tủi cực, xót xa hơn cho mình sau đó. Tôi sống lần hồi ở xóm chợ này được đâu hơn một tháng.

Ban ngày, tôi có thể tạm quên nỗi buồn nhớ ba má tôi bằng cách đi chơi đây đó, vui đùa với bọn nhỏ và các anh thanh niên. Nhưng ban đêm, tôi thường giật mình thức giấc, thấy mình nghiêng mặt trên cánh tay gối đầu ướt đầm nước mắt...



Những con đường hàng me mượt mà lớp áo xanh non sau những trận mưa đầu mùa, suốt ngày vì vu tiếng kêu của những bầy ong không ngớt bay lượn trên những chùm hoa, làm rơi lả tả những cánh hoa trắng bé tí xiu trên đầu bọn học trò nhỏ chúng tôi... Những con đường hàng xoài, mùa quả năm nào cũng có những chú pô-lít⁽¹⁾ áo vàng cứ trứa lại núp trong các ngõ hẻm rình chop lấy chiếc giàn thun⁽²⁾ của mấy đứa trẻ trốn bố mẹ, vồ đi học sớm để ra đó bán quả xanh... Những đêm thứ bảy, ba tôi thường dắt tôi ra cầu tàu lục tỉnh ngồi xem ông thả mồi, buông một sợi câu rất dài, câu cá bông lau. Thành phố yên tĩnh dưới trăng khuya. Tiếng gió rì rào trên những ngọn dương trồng dọc con đường đá đỏ chạy cặp theo bờ sông Tiền Giang, lác đác một vài người đi dạo đêm đứng dưới cột cây, hoặc ngồi trên bậc cầu đá nhìn ra dòng nước menh mang nhấp nhánh ánh lửa thuyền câu... Tôi đã lớn lên trong cái thành phố vừa đông vui trù mật vừa yên tĩnh dịu dàng, tràn ngập một thứ gió sông nhiễm đầy mùi phù sa và nắng ấm đó cho đến ngày "đằng mình" cướp chính quyền.

Lần đầu tiên, tôi nghe ba tôi nói hai tiếng "độc lập" với một vẻ mặt đầy xúc động:

- Bà nó ơi, độc lập rồi! Thành An, mày có biết không, Tổ quốc ta từ nay... độc lập rồi!

(1) Cảnh sát thời Pháp thuộc.

(2) Súng cao su.

Ông lấp bắp nói như vậy, mặt mũi tay chân đỏ bừng như con gà trống. Và bằng một dáng điệu rất tự hào, ba tôi đứng nghiêng đầu nhìn lá cờ đỏ sao vàng treo trên bức ảnh Hồ Chí Minh mà các anh thanh niên Tiên phong vừa dựng ở chỗ ngã ba đường, ngay trước cửa nhà tôi.

Trường học của chúng tôi đóng cổng mấy hôm cho học sinh nghỉ ngơi, đi biểu tình mừng ngày độc lập. Thành phố nhuộm màu đỏ rực của băng, cờ, khẩu hiệu; ngày đêm rầm rập bước chân của thanh niên, phụ nữ Tiên phong, của Cộng hòa vệ binh, của các đội dân quân cách mạng vũ trang, của dân chúng từ các làng quận xa xôi kéo về tỉnh mừng ngày hội lớn có một không hai đó. Thực ra thì bấy giờ tôi cũng không hiểu hết ý nghĩa của danh từ "độc lập" là ra sao cả. Chỉ biết rằng thằng cò Tây, bọn lính Tây trong thành *san-đá* trước đây hay đuổi học sinh chúng tôi và thường bắt bớ đánh đập dân chúng, đã bị mình bắt bỏ vào khám sau một hồi chúng nó nổ súng lết đệt chống cự lại ta, và bọn binh lính Nhật đóng trong thành phố lúc trước, giờ đây ra đường cúi mặt xuống, lê chiếc gươm dài như lê một khúc củi mục mà đi thất thủ. Và tất cả các công sở, nhà máy trước kia do bọn chủ Pháp, chủ Nhật cai quản, nay đều thuộc về mình... Chưa được hai mươi hôm, bỗng xôn xao nghe tin giặc Pháp lại nổ súng đánh ta ở Sài Gòn. Thành phố tôi còn đang vui tở mở như bọn



trẻ chúng tôi thì chỉ qua một đêm nghe biến cố, đã trở nên nghiêm nghị như một cụ già. Ông già Tám đánh xe ngựa ở sát cạnh nhà tôi lúc nào cũng sẵn sàng một ngọn tầm vông, chỉ chờ dịp xông ra đâm chết lũ giặc. Người ta rèn vũ khí, người ta chuẩn bị lương khô, *"ai có dao dùng dao, có mác dùng mác"* - đúng như lời trong bản hiệu triệu của hai ông Hoàng Quốc Việt và Cao Hồng Lãnh thay mặt Tổng bộ Việt Minh kêu gọi dân chúng xông ra *"bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc mới phôi thai"*.

"Này thanh niên ơi, đứng lên đáp lời sông núi..."

Trong đêm dài mù mịt tầm tã giọt mưa rơi, hay giữa ngày nắng chói chang dưới ánh mặt trời nóng như thiêu như đốt, ở khắp góc phố, bờ sông, ngõ hẻm, bãi chợ, đầu cầu, trong những khu vườn ngoại ô lan dài đến tận ruộng đồng và các xóm làng xa, tiếng hát cứ vờn lên như sóng, âm vang chưa dứt đầu này đã nghe nổi lên dồn dập ở chỗ cuối kia. Hình như không phải là người ta đang hát, mà họ gào lên với tất cả tâm hồn khát khao yêu nước, yêu độc lập thì đúng hơn... Ủy ban nhân dân Nam Bộ từ Sài Gòn chuyển về đóng ở thành phố tôi, binh sĩ bị thương ở các mặt trận chung quanh Sài Gòn - Chợ Lớn chở về nằm chật các giường bệnh của y viện tỉnh. Ngày nào cũng có đoàn xe ô tô chở thanh niên Tiền phong, thanh niên Cứu quốc, cảm tử quân từ trong thành phố chạy ra hướng

Đoàn Giới

Trung Lương đi về các vùng Phú Lâm, chợ Đệm, nơi đang diễn ra các trận đánh ác liệt giữa các sư đoàn dân quân cách mạng với bọn giặc Pháp núp sau lưng bọn lính Ăng-lê, lính Ấn Độ mang danh nghĩa Đồng Minh vào tước khí giới Nhật và lén lút từ trong thành phố đánh ra.

Đêm, tôi thường rất ít ngủ. Giấc ngủ cứ chập chờn trong tiếng bánh ô tô chuyển rung đường phố chở thanh niên ra mặt trận, trong những lời hát sôi nổi bằng giọng trầm hùng của những anh sinh viên, học sinh cỡ lớn: *"Xếp bút nghiên lên đường tranh đấu, xếp bút nghiên coi thường công danh..."*. Có khi tôi chiêm bao thấy mình đã lớn, mặc áo sơ mi trắng lồng vào quần soóc đen, đầu đội nón bàng rộng vành, bên lưng đeo dao găm, tay cầm tầm vông đứng gác trước trụ sở Ủy ban nhân dân như một anh thanh niên Tiên phong thực thụ. "Đánh giặc cũng vui chứ!" Tôi thường nghĩ như vậy và háo hức tiếc mình vì còn bé quá, không được theo các anh ra mặt trận.

Giặc đã tiến xuống đến gần Tân An. Ta vẫn còn án ngữ ở hai đầu cầu quan trọng trên hai con sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây, thì chưa dễ gì chúng có thể tới tỉnh Định Tường này được...

Một đêm, tôi đang ngủ bỗng giật mình choàng dậy. Tiếng gì y như tiếng súng giặc tấn công... Đùng... oàng... àng... àng... Hai chân tôi



đập lung tung mà cũng không rút ra được khỏi chần. Trong nhà tối đen. Một tiếng nổ, hai tiếng nổ, ba tiếng nổ. Rồi một tràng dài tiếng nổ liên theo, không đếm xuể nữa.

- Ông ơi! Tây tới rồi, ông ơ... ơ... ơi! - Má tôi hét thất thanh. Tiếng chân má tôi quờ quạng dò tìm đôi guốc.

Ba tôi đập mạnh tay xuống bàn:

- Im! Để nghe coi phải không đã! Làm gì mà cuống lên... như giặc tới vậy?

Má tôi lại hét:

- Tây tới bên vách rồi, ông còn đứng đấy chờ nghe! An ơi, dậy mau! Tây tới rồi, con ơi!

Tôi nhảy phóc xuống giường, dụi mắt lia lịa. Tôi chạy va đầu vào một cái ghế. Cả người, cả ghế ngã đổ lổng chổng. Tay tôi sờ soạng mãi vẫn không tìm được lối ra khỏi buồng.

Tiếng guốc chạy lộp cộp ra phòng ngoài. Nghe hơi thở hỗn hển vụt qua trước mặt, tôi lao tới ôm chầm lấy má tôi.

Súng đại liên nổ pập... pập... một tràng dài. Tiếng ào ào khủng khiếp chạy trên trời như một cái chổi khổng lồ bằng sắt quét không khí, cuốn theo những luồng gió hút ghê rợn. Trẻ em các nhà hàng xóm khóc vang dậy. Bỗng nghe cánh cửa chớp bật "kẹt" một tiếng. Ánh điện đường ulla vào nhà sáng rực. Ba tôi đã đứng đấy, hai tay vịn vào thành cửa sổ, chồm người ra ngoài quan sát. Má tôi vẫn ngồi trên nền gạch, đầu tóc xỏa tung phủ xuống mặt tôi. Đôi mắt

má tôi mở thao láo vì sợ hãi, hai bàn tay bà run run ôm chặt lấy tôi. Tôi toan gỡ tay má tôi để chạy ra ngoài xem thế nào, thì ánh điện ngoài đường vụt tắt. Tiếng guộc khua lộp cộp bên các nhà hàng xóm, tiếng trẻ con khóc cũng đồng thời im bặt. Một sự im lặng mênh mông ập xuống nặng nề ghê rợn. Đột nhiên tiếng súng lại ùng ùng... oàng... oàng nổi lên. Bây giờ, tối phiên có nhiều bà vừa gọi nhau vừa khóc. Trẻ con thì không phải nói. Chúng nó đã khóc thét lên khi tiếng đại bác bắt đầu nổ đợt thứ hai.

Má tôi móc được bao diêm trong túi ra, quỳnh quáng đánh lên. Que diêm cứ trượt xoèn xoẹt ngoài vỏ bao. Tôi nhớ đến cái công tắc, bèn chạy đến chỗ bật đèn. Tôi cứ vịn lắc các mái mà trong nhà vẫn tối đen. Thôi, ngoài nhà máy đèn người ta đã cắt điện rồi! Xoẹt... xoẹt!... Lửa bỗng lóe lên. Má tôi cứ cầm cái đèn trứng vịt chạy ra chạy vào.

Ngoài đường, tiếng người kêu thét, tiếng chân chạy hỗn loạn. Xe thô mộc chọc cán roi vào cãm xe⁽¹⁾ khua lách cách. Ngựa nhảy dựng, hí ran, gõ móng cồm cộp xuống mặt đường, tung vó phi nước đại. Ô tô rú ga hù hụ, rít phanh ken két, vừa hãm tốc độ máy xong lại hù hụ mở máy rú lên lại. Chuông xe đạp leng keng... leng keng... không dứt. Người lạc gọi nhau. Trẻ con kêu khóc... Tất cả cuốn đi, xa dần. Rồi lại từ từ

(1) Nan hoa gỗ.



kéo đến một tốp người khác, đông hơn, dài hơn. Tốp này đến tốp kia, liên tiếp vượt qua trước nhà tôi, chạy ra khỏi thành phố như một cuộc đuổi bắt khổng lồ.

Trong ánh đèn dầu hỏa đỏ lù mù, giữa đông bàn ghế hỗn độn, đồ đạc tháo tung bừa bãi, má tôi cuống lên, loay hoay mãi vẫn không nhét được cái gì vào va-li. Cái gì má tôi cũng muốn mang theo, vừa bỏ ra lại nhặt vào, lại bỏ ra. Ba tôi thì tỏ ra trầm tĩnh hơn. Những thứ nào không cần thiết, ông vất ra ngay. Má tôi vừa giục, vừa cầu nhàu, vừa khóc. Ba tôi không muốn cãi nhau với má tôi trong lúc này, cứ thản nhiên thu xếp đồ đạc vào hai chiếc va-li.

Tôi đã lóc cóc chạy ra khỏi nhà, đứng nhìn đoàn người tản cư diễu qua như nước chảy. Hồi lâu, ba tôi dắt xe đạp ra nhập vào toán người thưa thớt vừa hốt hải chạy tới. Hai chiếc va-li to tướng, ba tôi đã đặt xuôi một chiếc lên ghi đông, một chiếc buộc sau *booc-ba-ga*. Má tôi khóa cửa xong, tay cầm nón không kịp đội, tay xách chiếc làn mây nhét linh tinh từ chai nước mắm đến cái bàn chải đánh răng, hối hả chạy theo ra đường.

Trời chưa rạng, nhưng một thứ ánh sáng tái tái đã vươn nhẹ trên những đầu cây mận còn im lìm ngái ngủ trước sân những ngôi nhà nhỏ, cửa đóng chặt, chắc là chủ nhà cũng vừa rời đi trước chúng tôi không lâu. Trong các xóm vườn trồng cây ăn quả, có bóng những người đàn ông

cởi trần hiện lồ mề trong sương, đang chạy đuổi bắt heo, bắt gà vịt. "*Thực hiện triệt để vườn không nhà trống khi giặc đến*", tôi nhớ tôi khẩu hiệu dán chỗ ngã ba nhà tôi mấy hôm trước, và lia cặp mắt thán phục nhìn theo bóng những người đàn ông cởi trần chạy thấp thoáng trong các vườn cây. Đi một quãng, tôi gặp bọn thằng Phi, thằng Tính mặc quần soóc tuyết-xo, áo sơ-mi thả cúc, đứng giữa đường, cạnh chiếc ô tô mũi hòm sơn đen chết máy đỗ bên lề. Hai anh em nó thấy gia đình tôi lịch kích đẩy chiếc xe đạp thổ va-li công kênh ngang qua, chúng nó thọc tay vào túi quần, nhe răng cười. Đường như chúng nó cười chào... mà thực ra không phải cười chào. Coi bộ chúng nó không có vẻ gì lo lắng cả. Ba nó uốn cái bụng to ra, đứng bên gốc cây, vẫn phì phèo hút thuốc lá thơm, xem người tài xế loay hoay chui dưới gầm xe chữa máy. Má nó thì ngồi nhai trầu trong xe bên cạnh có người vú em đang búng búng vào những sợi dây đàn để dỗ em nín khóc. Cho tới cả cây đàn măng-đô-lin, chúng nó cũng mang theo chơi trong lúc chạy giặc!

Tôi bỗng chợt nhớ mình còn quên một món ở nhà, toan quay trở lại. Nhưng ba tôi lừ mắt nhìn tôi, và ông cứ cắm cúi đẩy chiếc xe đạp công kênh vượt sang ngã ba Đạo Ngạn. Chúng tôi đã ra khỏi thành phố rồi. Có quay lại cũng không kịp. Huống chi cửa nhà tôi đã khóa chặt, mà má tôi thì nhất định không trao chìa khóa



cho tôi. Ôi, cái đĩa bàn bé bằng quả trứng có cây kim đồng quay quay chỉ về hướng bắc của anh Ba thủy thủ cho tôi năm ngoái, nó còn nằm trong ngăn kéo bàn học, bên cạnh hộp thuốc màu Lơ-phơ-răng và xấp *các-pốt-tan*⁽¹⁾ in đủ hình phong cảnh năm châu bốn biển... Tại sao tôi lại có thể quên cái "tài sản" quý báu ấy của mình được? Tôi đâm ra giận má tôi. Đến chai nước mắm bà vẫn còn nhớ mang theo, thế mà những thứ ấy má tôi lại không nhớ giùm tôi.

Không biết hiện giờ anh Ba thủy thủ thân mến của tôi ở đâu? Anh có nhập vào Cộng hòa vệ binh chặn đánh giặc Pháp ở nơi nào đó không? Hay anh đang lên đèn trên một con tàu giữa biển khơi mà không biết rằng giờ đây, giặc Pháp đang đuổi tôi chạy học tốc thế này? Chân bước đi mà mặt tôi cứ ngoảnh lại nhìn về thành phố. Máy đưa bạn nhỏ của tôi ở bên kia đầu cầu quay, vùng chợ cũ, xóm Đình, xóm Cả, chắc đã chạy về hướng chùa Vĩnh Tràng đổ về Gò Cát, Bến Tranh rồi... Chà, mai mốt đây cánh thanh niên đuổi giặc ra khỏi thành phố, chúng tôi lại quay về gặp nhau, tha hồ mà kể đủ thứ chuyện nhé!

Tôi vừa có phần lo, lại vừa có phần vui. Có gì đâu mà má tôi lại mặt xanh mày xám thế kia? Lâu lâu, tản cư một lần thế này cũng vui như cái bạn quân Đồng Minh ném bom bọn Nhật, đi ít hôm rồi lại về. Lúc về, trong các buổi đến

(1) Bưu ảnh.

trường gặp nhau chúng tôi càng thêm nhiều chuyện vui hơn trước.

- Chạy nhanh lên bà con ơi!

Tiếng kêu của một người nào đó khiến chúng tôi giật mình quay lại. Cây đang bị chặt ngã, đổ rầm rầm phía sau. Thanh niên bắt đầu đón cây chặt đường, ngựa giặc tiến về hướng này. Người ta kháo nhau: "Thằng Tây khôn lắm! Nó chẳng dại gì từ Tân An đánh xuống. Nó vòng ra biển rồi bất ngờ từ cửa Gò Công thọc lên. Minh không đề phòng mặt đó thì đến trời cũng chẳng kịp trở tay". Một tiếng nổ vọng rền từ trung tâm thành phố. Cột khói đen sì cuộn cuộn bốc lên. Một chỗ, hai chỗ, ba chỗ..., lửa đã cháy khắp nơi trong thành phố, từ trên bệ một ngọn dừa cao chót vót, một cụ già đứng che tay lên mắt, nhìn theo các cột khói.

- Tây chiếm Mỹ Tho rồi, bà con ơi! - Tiếng kêu thất thanh của ông lão tắt giữa những tràng tiếng súng liên thanh nặng nổ pập... pập và tiếng đạn bay vuu vuu trên trời.

Hai hôm sau, chúng tôi chạy tới Cai Lậy, cách thành phố tỉnh lỵ chừng ba tầm súng đại bác. Thị trấn vẫn đông vui, chợ nhóm tấp nập như thường nhưng không khí chuẩn bị chiến đấu có phần sôi nổi và căng hơn ở tỉnh. Ba má tôi vào ở nhờ nhà một người bà con. Không hiểu sao tôi cũng bắt chước bộ điệu quái quỷ của anh em thằng Phi, thằng Tính, thọc hai tay vào túi quần soóc, nhẩn nha đi dạo phố.



Tôi đứng xem các anh thanh niên nông dân mặc quần áo nhuộm màu phèn, tóc tai bù xù, từ các thôn ấp xa xôi vác tấm vông nối nhau kéo vào thị trấn. Trông cũng khí thế lắm. Họ ít nói, ít cười, mặt lầm lẫm. Chắc là đánh giặc khá lắm. Nhưng họ xếp hàng từng tiểu đội đi *la mác*, chân tay còn chệch choạc, không được đều bước và oai như các anh thanh niên ở tỉnh. Tôi chỉ phục nhất có cậu Lê Văn Tám ở Sài Gòn. Ngày nào tôi cũng vào phòng thông tin xem tranh, đọc báo "*Kèn gọi lính*" để về kể lại cho má tôi nghe. Cậu này cũng cỡ tuổi tôi thôi, có khi còn bé hơn, thế mà dám tẩm dầu vào người đốt kho xăng địch thì bảnh thật! Người họa sĩ nào vẽ bức tranh "*Em bé tẩm dầu*" đã tô nhiều ngọn lửa quá, khiến tôi chỉ thấy có đôi mắt sáng ngời của cậu bé, còn cả người cậu ta thì đỏ rực như một cây đuốc ấy! Giá tôi có mang hộp thuốc màu theo thì tôi cũng bắt chước vẽ một bức như thế này để khi nào trở về đưa ra treo ở lớp học. Thường trong lớp, tôi là đứa học trò vẽ giỏi nhất. Thấy giáo đã nhiều lần khen, bảo tôi vẽ những hình con bọ dừa, con bướm phóng đại to như cái quạt treo lên tường làm bài học cho cả lớp kia mà!

Tôi chẳng đủ thì giờ nghĩ lan man những chuyện đầu đầu nữa. Tôi ở Cai Lậy độ tuần lễ thì giặc Pháp mò lên. Gia đình tôi lại chạy về hướng Cái Bè. Chúng tôi cứ chạy trước tấm đại bác của giặc. Rồi Cái Bè cũng mất. Gia đình tôi

chạy vào đồng ruộng. Chiếc xe đạp vướng lằm, ba tôi đem biếu nó cho các anh tự vệ dùng để chạy liên lạc trên đường quốc lộ.

Bây giờ thì tiếng súng nổ rền bốn phía chung quanh, không còn biết đâu là đâu nữa. Chúng tôi quá giang theo xuồng của đồng bào đi vào chợ Thiên Hộ.⁽¹⁾

Những người nông dân sẵn sàng giúp đỡ ba má tôi đủ mọi thứ. Họ cho gạo thổi cơm, cho mượn xuồng đi chợ... Những thằng bé con còn dạy tôi cách cầm chĩa ba mũi phóng cá rô dưới kênh... Ở đây cũng thú, chỉ phải cái muỗi và đĩa thì quá lằm! Nhiều đến phát khiếp! Đứng ở sân chợ nhìn về hướng đông, chỉ thấy đồng cỏ mịt mùng, lau sậy nối liền với chân trời. Hóa ra Đồng Tháp Mười là chốn này đây. Tưởng ở yên, nhưng chưa được mấy hôm, tàu bay giặc đã âm ầm ù ù bay lượn dọc theo các xóm bờ kênh bắn xuống như trấu vãi. Thế là chúng tôi lại đi. Qua Mỹ An, qua Cái Bè, chúng tôi lại đổ ra hướng bờ sông Tiền Giang.

Những làng mạc êm đềm, bóng dừa bóng chuối che rợp các khu vườn mát rượi đất phù sa, con đường đất nhỏ lượn trên bờ rạch nước đầy ăm ắp soi bóng những cây sầu riêng, măng cụt... Những ngôi nhà mái đỏ thấp thoáng trong các khu vườn xoài... Tất cả những nơi mắt tôi nhìn thấy, chân tôi bước qua đều đã

(1) Thiên Hộ Dương - tên một vị anh hùng nông dân khởi nghĩa chống Pháp thế kỷ trước ở Đồng Tháp Mười.



mất đi sự bình yên phẳng lặng của nó, không khí chiến tranh đã tràn về tận các thôn ỏ xa xôi nhất... Và cũng từ những thôn ỏ xa xôi, bình yên phẳng lặng ấy, những anh thanh niên, những chị phụ nữ, những em bé, những cụ già chất phác hiền lành cũng đã cầm lấy vũ khí thô sơ. Chao ôi! Những người nông dân xưa kia đi vào thành phố thì củ mủ cù mì chẳng thấy nói một câu, bước e dè, sợ sệt từ thằng lính mã tà⁽¹⁾ cho đến con mụ góp tiền chõ, nhân nhục mỉm cười trước những cặp mắt rẻ khinh của bọn người thành phố ăn trắng mặc trơn, thì bây giờ, họ đã vùng lên một cách dũng mãnh, sẵn sàng lao vào cái chết để chặn giặc, sẵn sàng cứu mang giúp đỡ những con người đã rời bỏ đô thị chạy đi trước khi giặc tới! Và dù miệng họ không nói ra được ý nghĩ của mình bằng những danh từ bóng bẩy văn hoa, nhưng hành động của họ lại thiết thực và anh dũng biết bao trước lời kêu gọi của Tổ quốc lâm nguy...

"Tiến lên đường máu, quốc dân Việt Nam!

Non nước nát tan vì quân thù xâm lấn.

Đồng bào mau hiệp sức ra đấu tranh

Đi... đi... nước mất sao ta nỡ đành...

Tiến lên vì nước, thù kia ta đánh lui

Tiến lên đường máu, núi sông sáng ngời..."

Trong tiếng sóng âm âm của dòng sông Cửu Long ngày đêm không ngớt thét gào, tiếng hát

(1) Lính gác đường.

của họ vờn bay như một cơn bão lốc, âm vang khắp mọi nơi, khi thì như thúc giục gọi kêu, khi thì như giận dỗi trách mắng, lúc lại nghe như buồn bã âu sầu, lúc lại cuộn cuộn lên đầy phần nộ... Hay là vì từ trong tấm lòng thơ bé của tôi, từng lúc tâm trạng buồn vui khác nhau làm cho tôi nghe ra như thế, tôi cũng chẳng biết nữa!

Chúng tôi đã vượt sông Tiền Giang và mò mẫm lần hồi, hơn tháng sau đã nghe tiếng sóng vỗ bờ của dòng sông Hậu Giang trước mắt. Đến đây thì sức má tôi đã yếu lắm. Có những đêm không chạy nổi nữa, chúng tôi phải dừng lại ngủ giữa cánh đồng trơ trụi, quần áo ướt đầm sương, có khi phải đội mưa đi suốt ngày, mệt vẫn không dám nghỉ, đói vẫn không kịp ăn... Lo sợ và cực nhọc đã quật má tôi ngã xuống mấy bận ở dọc đường. Tai hại nhất là những cơn sốt liên miên kéo dài, làm cho con người gầy gò như má tôi mỗi ngày một kiệt đi. Nhiều bữa, má tôi không ăn uống gì, nằm thõm một nhọc, bàn tay lạnh ngắt cứ nắm chặt lấy tay tôi. Nhưng đến khi nghe tiếng súng nổ, thì má tôi lại tức khắc ngồi dậy, nhanh nhẹn thu vén đồ đạc, dắt tôi chạy theo đoàn người tản cư.

Hễ có dịp dừng lại một nơi nào yên ổn, là y như một chốc sau, tôi đã lên trốn má tôi, nhập bọn với đám trẻ, con những người tản cư khác và bọn trẻ địa phương chưa hề quen biết bao giờ. Chúng tôi đi thật xa, ra tận giữa đồng,



hoặc chui vào những khu vườn rậm để người lớn không tìm thấy, ở đó chúng tôi mặc sức bày ra đủ các thứ trò chơi mà trước kia ở thành phố tôi chưa hề nghĩ ra. Chỉ cần một cái mo cau rụng và mười cọng sậy là chúng tôi đã làm thành chiếc cộ hai ngựa kéo, đưa viên tướng cưỡi truồng đầu đội mũ tết lá xanh đi "quan sát mặt trận", theo sau có cả tiểu đội trẻ em phơi rốn bông súng theo hầu. Với vài bẹ chuối cắt ngắn, cắm dây que khô thả xuống con mương nhỏ, thế là chúng tôi đã có cả một đội hải thuyền rồi. Còn đạn trái phá thì tha hồ, cứ nhặt quả mù u rụng, ném xuống "uỳnh uỳnh" làm cho bẹ chuối dập dềnh, nước có bắn tung tóe ướt cả áo quần cũng mặc... Chúng tôi bày ra rồi lại phá đi, ngày này qua ngày khác, nhiều trò chơi cứ lặp lại mãi không đứa nào thấy chán.

- An ơi! Ba má chỉ có mỗi mình con. Giặc bắn phá lung tung mà con chẳng biết lo lắng chút gì! Con cứ mê chơi đi lung tung, rủi ro bị lạc, hay có nguy hiểm gì xảy ra thì ba má biết con ở đâu mà tìm! - Má tôi thường rầu rầu nét mặt, bảo tôi như vậy.

Tôi thương má tôi lắm. Những lúc ấy thì giá có trời xuống rủ đi chơi tôi cũng chẳng đi. Tôi rơm rớm nước mắt, cúi mặt xuống, lòng buồn thiu buồn thiu.

Nhưng nước mắt và cái buồn của trẻ thơ mau đến mà cũng mau tan, như những giọt mưa bóng mây thôi. Quẩn quanh bên chân má

tôi được vài buổi, tôi lại lên theo bọn nhỏ, chạy nhảy reo hò như một đám quý ranh, hoặc lại đi chơi xa cùng chúng nó.

Một buổi trưa, tôi lẻo đẻo theo mấy đứa chăn trâu mò vào đầm sen hót cá thia thia. Bỗng có hai chiếc tàu bay khu trục đen sì ầm ầm bay tới. Như hai con ác diệu khổng lồ, chúng gào rú lượn lên sà xuống, quần trên đầu xóm bờ sông, chỗ đám người tản cư vừa dừng lại ban sáng. Bom rơi xuống từng chùm, trông rõ mòn một. Tiếng bom nổ rung rinh cả mặt nước đầm sen. Súng bắn dữ dội. Dường như chỉ có tiếng súng trên trời bắn xuống. Khói cuộn cuộn phủ mất những đầu cây cao nhất mọc dọc theo bờ sông. Bọn chăn trâu mặt xám ngoét, vất rỏ chạy tứ tung. Mãi đến tối, lửa vẫn còn cháy đỏ khắp làng.

Tôi lần về đến nơi thì không thấy ba má tôi đâu nữa. Ngôi nhà chúng tôi vào nghỉ nhờ ban sáng chỉ còn lại một đống tro, và những cây cột than gãy đổ vẫn còn đang ngun ngút cháy.

- Còn ở đây à? Giặc đổ bộ rồi, không biết sao?
- Nó đổ bộ lên... Ở đâu, anh?
- Đóng ở trong đình ấp dưới chứ còn ở đâu!

Một anh thanh niên tự vệ cầm tầm vông đi qua gặp tôi, đã bảo tôi như vậy. Tôi hỏi thăm ba má tôi, anh chẳng biết. Tôi hỏi rất nhiều người khác nhưng cũng chẳng ai biết cả. Họ bảo tôi cứ chạy dọc bờ sông, đi về hướng ấp trên xem, may ra có gặp chăng?



Tôi trượt lên ngã xuống, lần theo vết chân những người chạy trước mà đi mãi. Tôi cũng không biết mình đi đâu. Đến một ngã ba sông thì cùng đường. Tôi ngồi xuống một gốc cây xakê, chờ xem có chiếc xuồng nào tới để xin quá giang sang bên kia bờ.

Đêm tối quá. Trời lại lắc rắc đổ mưa. Tôi quên cả mệt, cả đói, quên cả giặc sau lưng, chỉ lo không tìm được ba má tôi. Vào khoảng nửa đêm thì có một đoàn thuyền vận tải ngang qua... Tôi đã gặp anh học sinh cô-lee và bác tài công già tốt bụng, và họ cho tôi xuống thuyền. Họ bảo tôi cứ đi theo họ, rồi sẽ tìm gặp ba má nay mai thôi... Cho đến bây giờ, rốt lại thì tôi vẫn ngồi một mình ở đây.

6

BƯỚC ĐẦU CUỘC SỐNG PHIÊU LƯU

- Em có biết con panh-goanh không? Biết à? Ừ, loài chim cánh cụt ở Bắc Băng Dương ấy, người ta bảo rằng nó có một bản năng huyền bí để tìm về tổ cũ...

Đó là những lời mở đầu của một câu chuyện mà anh Ba thủy thủ đã kể cho tôi nghe cách

đây hai năm. Giờ đây, giọng nói ấm áp của anh lại như văng vẳng bên tai tôi.

Đã mấy hôm liền, chiều nào tôi cũng thấy trong người gai gai sốt. Để được nghỉ ngơi yên tĩnh một mình, tôi ôm nóp mò vào nằm trong ngôi miếu cô hồn. Tôi chỉ nằm đó từ trưa đến chạng vạng thôi. Ban đầu, cũng có hơi rờn rợn. Nhưng qua ngày thứ hai thì tôi đã quen đi, chẳng những không có gì đáng sợ mà lại còn thấy rất dễ chịu. Trong ngôi miếu vắng vẻ này, tôi không bị ai quấy rầy, tha hồ ngủ, và khi thức dậy, tôi có thể ngồi tự do hàng giờ miên man đắm chìm trong những ý nghĩ và hình ảnh lộn xộn lục ra từ trong mớ hồi ức rối tinh của mình.

Lần này, khi tôi tựa mình ngồi dậy, nhìn ra ngoài thì không thấy bóng mặt trời chiếu đỏ rực hạ xuống bên kia bờ kênh như mọi hôm nữa, mà là một bóng trắng xanh lạnh ngắt thấp thoáng sau cành đa, đang chiếu những tia sáng yếu ớt xuống bên thềm miếu.

Có lẽ đã khuya lắm. Đêm vắng vẻ quá. Con sốt dữ dội ban chiều đã vật tôi nằm mê man đến tận giờ này. Đầu nhức như búa bổ, miệng đắng ngắt, và một cơn khát cháy khô cổ họng lại bắt đầu đến giày vò hành hạ tôi. Giá tôi đang nằm ở nhà thì mở mắt ra đã thấy có má tôi ngồi một bên. Có lẽ má tôi sẽ đỡ tôi ngồi dậy, nâng cốc nước chanh đến tận miệng tôi, và tôi còn chờ xem má tôi lo lắng thế nào, còn chờ



nghe má tôi xuýt xoa an ủi dỗ dành một lúc rồi tôi mới uống cũng nên... Cuộc sống trôi nổi trong mấy tháng gần đây đã dạy khôn cho tôi nhiều rồi. "Mày hãy tự lo lấy cho mày trước đã. Đừng có nghĩ đến việc cậy ai nước rót cơm dâng". Tôi cố sức đứng dậy, lão đảo đi ra bờ kênh. Chao ôi, làn nước lấp loáng ánh trắng lơ lơ trôi nhẹ dưới kênh kia mới trong và mát làm sao! Tôi cúi xuống vốc những giọt vàng vổ vụn vào lòng hai bàn tay, uống lấy uống để, tưởng chừng như mình có thể uống cạn cả con kênh này thì mới hả được cơn khát. Những làn nước mát vả vào mặt, vào gáy làm cho tôi dần dần tỉnh hẳn. Tôi lò dò trở vào ngôi miếu, ngồi tựa lưng vào tường, thở dốc.

"Mau mau tìm cách trở lại nhà thôi!"

"Thành phố quê hương mày giặc đã chiếm rồi, mày còn về làm sao được chứ?"

"Ước gì mình có được đôi cánh như những con chim".

Những câu tự nhủ và tự hỏi mình cứ vẩn lên trong đầu óc tôi. Đột nhiên, tôi bỗng nhớ tới câu chuyện anh Ba thủy thủ đã kể cho tôi nghe về bản năng huyền bí của loài chim cánh cụt:

"Những nhà sinh vật học trên thế giới đã chứng minh điều đó... Họ buộc những mảnh đồng nhỏ, ghi ngày tháng và hòn đảo sinh trưởng của những con chim bắt được. Họ mang nó đi rất xa, xuống tận vùng Nam Băng Dương và thả chúng ra. Thế mà một hai năm sau,

người ta lại bắt được những con chim đó ở đúng trên các hòn đảo cũ...".

Giọng nói ấm áp, đầy hấp dẫn của người thủy thủ vui tính và nhiều mơ mộng xưa kia khiến cho tôi lúc nào cũng hong hóng chờ nghe, lại vắng bên tai. Tôi ngồi nhìn ra ánh trăng soi mờ, thấy dần dần hiện lên quang cảnh nhộn nhịp của các bến vận hà dọc theo đôi bờ sóng trắng của con sông Tiền Giang. Trên cầu tàu lục tỉnh, anh ngồi tựa lưng vào một trụ buộc đò⁽¹⁾, tay cầm tẩu thuốc lá; những làn khói mỏng xanh xanh từ trong tẩu thuốc cháy chưa kịp bay lên đã tan mất ngay theo gió. Tôi ngồi bên anh, từ trên sàn cầu qua những khe ván đóng hỏ, có thể nhìn thấy ngay dưới chỗ mình ngồi những thanh đà sắt bắt chéo vào nhau trong một màu tối âm u, và sâu hơn một chút, dưới kia dòng nước lao nhanh như cắt, lúc nào cũng giận dữ réo ào ào, dường như muốn nhỏ phăng những chiếc cột cầu bằng thép to tướng mà lôi chìm xuống đáy sâu.

- Sướng nhỉ, anh nhỉ! Được như con chim cánh cụt ấy thì bọn trẻ chúng em không bao giờ sợ lạc! - Tôi hươ tay nói như vậy.

- Đó là một con chim đáng thương!

- Vì cánh nó quá ngắn phải không anh?

(1) Xích.



- Ừ, cũng có thể... Nhưng không hẳn vậy đâu. Anh muốn nói với em một vấn đề khác kia...

Người thủy thủ trẻ có khuôn mặt sạm nắng rất đẹp, mái tóc lúc nào cũng bông lên vì sóng gió đại dương, đắm đắm nhìn về chỗ vạch ngang của dòng sông Cửu Long lòa nhòa gần liền mặt nước với chân trời. Anh im lặng một lúc; sau khi đã hít mấy hơi khói thuốc dài, giọng anh bắt đầu trầm hẳn xuống, như nói với mình:

- Cuộc sống của con người phải đâu chỉ thu hẹp trên mảnh đất vùng quê! Đã đành quê hương là nơi gắn bó với cuộc đời mình nhất, nhưng khi người ta còn trẻ tráng, phải bay nhảy hoạt động, đi đây đi đó chứ. Lúc nào cũng chạnh nghĩ về quê hương, đó là báo hiệu của tuổi già... Không phải vì có đôi cánh cụt mà con panh-goanh không đi xa được đâu. Nó là một con chim không có cánh ở tâm hồn. Nó như một ông cụ già lưng mỏi gối chùn, lúc nào cũng muốn tìm về nằm xuống ở quê hương!

Chiều chiều, sau giờ học, thầy giáo tôi thường dắt học trò ra sông Cửu Long tập bơi. Trên cầu tàu lục tỉnh ấy, tôi đã gặp và quen anh. Anh làm thủy thủ trên một chiếc tàu rất lớn, có ba ống khói to tướng sơn màu xanh da trời. Lâu lâu, tàu anh lại cập bến một lần. Gặp anh vài bận, tôi đã thấy gắn bó với anh rồi. Mà anh thì cũng rất mến tôi. Bởi tôi hay hỏi đủ mọi

thứ chuyện trên trời dưới đất, lung tung, mà anh cũng lấy làm thích thú trước một thằng bé tò mò, lúc nào gặp anh cũng đặt ra những câu hỏi, khiến anh có khi phải nhồi rất nhiều thuốc lá vào tẩu mới tìm ra lời giải đáp. Tôi mời anh về nhà tôi chơi. Ba má tôi cũng rất quý anh thủy thủ vui tính, biết nhiều chuyện lạ này. Lần nào anh đến chơi, ba má tôi cũng giữ anh ở lại ăn cơm. Những hôm ấy, nhà tôi rộn lên tiếng nói, tiếng cười, vui như có cỗ. Quan hệ mật thiết giữa anh và tôi đã khiến ba má tôi xem anh như người trong họ hàng.

Cuộc đời anh lênh đênh nhiều năm khắp các mặt biển, trên nhiều chiếc tàu của những công ty hàng hải khác nhau. Anh đã đi qua Ấn Độ Dương, vượt kênh đào Xuy-ê ra Địa Trung Hải, men theo bờ Đại Tây Dương lên tận cảng Lơ Ha-vơ... Gần khắp mặt biển Thái Bình Dương, cảng nào anh cũng có tới. Anh biết rất nhiều thành phố, nhiều giống người... Chỉ có những xứ ở bên kia tây bán cầu là anh chưa đặt chân tới thôi. Trong những mẩu chuyện anh kể, tôi nghe quen nhiều tên giống người, tên vùng đất, hải cảng, tên thủ đô, thành phố quan trọng trên hầu khắp các lục địa mà tôi đã học say mê trong các bài địa dư ở trường...

- Em coi bộ thích phiêu lưu lắm hả? - Có lần anh hỏi tôi như vậy.

- Phiêu lưu là sao, anh?



Anh nhovn miệng cười, bập bập cái tẩu thuốc lá làm cho khói bốc xanh um như một ống khói tàu, hạ thấp giọng:

-Ồ phiêu lưu là nay đây mai đó. Trên rừng, dưới biển, đồng ruộng, núi cao... bất cứ chỗ nào mình cũng đi tới. Càng đi thì càng gặp nhiều chuyện lạ, khiến cho mình say mê... Thôi, bao giờ em lớn lên, em sẽ biết!

Năm ngoái, anh đi đâu bên Thái Lan về, mang cho gia đình tôi nhiều thứ. Quà tặng ba tôi là chiếc hộp thuốc bằng bạc chạm; quà tặng má tôi là một ông Phật bằng đồng to hơn nắm tay, ngồi dim mắt trên tòa sen... Và, "suy đi nghĩ lại chẳng biết gì hơn - anh vỗ vỗ vai tôi - anh mua tặng em một chiếc đĩa bàn!".

Chiếc đĩa bàn bé bằng quả trứng, có cây kim đồng quay quay chỉ về phương bắc, giờ đây lại hiện ra to tướng, lồng vào khung trắng vành vành đang treo lơ lửng giữa trời kia. Nó là "điềm báo trước" (như lời má tôi thường nói) chẳng? Hay cái vật bé nhỏ, xinh xắn mang trong lòng nó mũi tên chỉ đường cho những kẻ viễn du không may lạc lối trong sương mù, bão tố, giữa rừng rậm, đồng hoang... từ khi cầm nó vào tay, "số mệnh" đã khiến cho tôi phải rơi vào cuộc sống lênh đênh này chẳng? Tôi ngoẹo đầu vào vách, nhắm mắt lại, tưởng như nghe lơ mơ giọng hát quen thuộc của người thủy thủ trẻ đang vẳng đến từ một chỗ thẳm xa nào:

*"Xưa kia có một con tàu nhỏ
Nó chưa hề lướt sóng ra khơi...
Này hồi những chàng thủy thủ
Đang xông pha trên ngọn sóng cao vời!"*

Chà, tôi lại khát nữa đây... Tiếng mạch đập trong tai tôi ù ù hay tiếng gió nổi giữa trùng dương? Tôi chóng mặt quá, cứ buồn nôn. Tôi đang nằm đây hay đang đứng trên con tàu lắc lư nhồi theo sóng? Giọng nam trầm của anh Ba thủy thủ cứ đập dềnh đưa tiếng hát bè cao của tôi chồm chồm bay vút ra xa... *"Xưa kia có một con tàu nhỏ... Nó chưa hề lướt sóng ra khơi... ơ... ơ"*. Một lượn sóng thần cao vút như núi hiện lên ở chân trời, băng băng chạy tới trong tốc độ nhanh khủng khiếp, rồi chồm qua phủ mất con tàu và cuốn tôi đi... trôi mãi... trôi mãi... Tôi càng vùng vẫy thì càng thấy bị chìm sâu xuống đáy, mỗi lúc một ngạt thở đến không còn đủ sức chịu đựng được. Rồi tôi không còn biết gì nữa...

- Thăng bé tỉnh dậy rồi! - Giọng mừng rỡ của một chị nào đó dịu dàng nói bên tai tôi.

Tôi từ từ mở mắt ra, thấy mình còn đang nằm trong ngôi miếu. Một chị cứu thương mặc chiếc áo bà ba màu lục đang ngồi bên cạnh, bàn tay mát rượi của chị hãy còn đặt trên vầng trán nóng như lửa đốt của tôi. Chung quanh tôi, la liệt những thương binh. Một anh bị thương ở đầu quần đầy băng trắng, đang tựa lưng vào chân bệ thờ hút thuốc lá, mỉm cười nhìn tôi. Ánh nắng trời chiếu rọi nghiêng bên mặt anh



một quang sáng lóa. Tiếng súng nổ ran xa xa. Lâu lâu, một tràng đạn đại bác không biết từ đâu bắn tới ùng oàng... ùng oàng... nổ dữ dội ngoài Ngã Ba Kênh. Không khí sặc sụa mùi khói cháy nhà và mùi thuốc súng cay nồng.

- Tây đến rồi hả anh? - Tôi hỏi anh thương binh đang mỉm cười nhìn tôi. Tôi cố chống tay ngồi dậy, nhưng lại run run khuyu xuống.

Cả người tôi rã rời mệt mỏi như vừa qua một trận ốm lâu ngày. Qua lời kể của chị cứu thương tôi mới hay rằng giặc Pháp bắt đầu tấn công vào vùng này từ sáng sớm. Chúng cho quân xích hầu⁽¹⁾ ăn mặc giả thường dân mò vào, toan bắt sống mấy anh tự vệ ở đầu trạm canh, nhưng ta đã cảnh giác phát hiện kịp. Tàu bay giặc ném bom đốt cháy xóm chợ từ lúc giữa trưa. Hiện giờ, chúng còn đang ở bên đầu cầu con lộ Cái Chanh.

- Cha chả! Lúc khiêng các anh bị thương vào đây, thấy chú nằm mê man, thỉnh thoảng cứ hét lên, tôi lo quá!... Cay mồm cay miệng mãi mới nhét được mấy viên thuốc cảm cho chú đấy! Lại hát lảm nhảm những gì gì... Này, nhà chú ở đâu?

- Em không có nhà! - Tôi đáp.

- Coi bộ thằng bé này chưa tỉnh hẳn đâu. Xem như nó còn mê đấy! - Anh thương binh ban nãy thông thả nói như vậy và cầm điều

(1) Thảm báo.

thuốc lá hít một hơi dài, thản nhiên như một người nhàn nhã đang ở nhà mình. Rồi anh lại nói: "Chị pha cho nó một cốc sữa đi, nó sẽ tỉnh ngay. Lấy hộp sữa trong ba-lô tôi đây. Tôi chưa cần đến"...

Chị cứu thương loay hoay bơm đèn cồn đun nước. Tôi ngồi dậy, đưa đôi mắt mệt mỏi nhìn các anh thương binh đang nằm thiêm thiếp trên những tấm đệm bê bết máu chưa khô. Một anh bị mảnh đạn đại bác cắt giáp ống chân, những bắp thịt đùi cứ giật giật khiến anh của người nhăn nhó theo, nhưng tuyệt nhiên không hề nghe anh rên một tiếng.

Tôi uống hết cốc sữa. Quả thấy người tỉnh táo lại ngay, nhưng miệng hãy còn khô và đắng lắm, cứ thèm uống nước. Vào lúc gần tối thì giặc Pháp đã vượt được sông Cái Chanh. Đạn súng máy bắn vào khu chợ bay vèo vèo trên nóc miếu. Người ta bắt đầu đưa thương binh xuống xuống chuyển đi từ lúc ngớt tiếng tàu bay.

Tôi ngỏ ý muốn theo xuống đưa các anh thương binh đi. Nhưng các ông cụ già bơi xuống không cho. Và chị cứu thương cũng bảo rằng tôi chưa khỏe hẳn. Chị cho tôi một gói độ mười viên thuốc cảm và một đòn bánh tét, lại ân cần khuyên tôi "nên về nhà mà nghỉ, muốn theo các anh thì còn nhiều dịp, lúc nào chả được".

Rõ ràng là không ai ngờ rằng tôi là một thằng bé sống không nhà. Chả nhẽ mỗi chốc lại đem chuyện mình ra kể lể với mọi người sao?



Nhất là để cầu lấy một lòng thương! Không! Tôi không thể làm như vậy được. Mà người ta đang bận tít tít kia, bao nhiêu chiến sĩ bị thương phải chuyển đi, giặc đã đổ bộ qua sông, xóm chợ cũng cháy rồi... Một thằng bé lưu lạc như tôi, đâu phải là đáng bận tâm đối với họ?

Sự tình đã đến nước này thì tôi cũng mặc, tôi đâu hay đó. Tôi bẻ một số cành cây làm gậy cầm tay, đi dọc theo bờ kênh. Con dao găm còn nằm gọn trong chiếc túi da beo cồm cộm, ló cán ra bên trong túi áo vét-tông của tôi đây.

Hai bờ kênh, nhà nào cũng đóng chặt cửa. Bàn ghế, lu mái⁽¹⁾ nhận lổm ngổm dưới mương. Một con chó đứng giữa đường thấy tôi đi tới, cụp đuôi lủi vào bờ giậu. Khi tôi qua rồi, con vật văng chủ bèn chạy sủa đuổi theo ăng ăng sau lưng tôi một lúc.

Đêm đó, tôi vào nằm trong một chòi rẫy bỏ hoang giữa đồng. Kinh nghiệm đã dạy tôi nên tránh các đường giao thông thủy bộ quan trọng trong khi giặc sắp tấn công đến nơi. Cả ngày hôm sau, tôi cứ nhắm về hướng những chòm cây có nhà ở mà đi tới. Bây giờ, cơn sốt đã lui rồi. Nhờ mấy viên thuốc cảm và đòn bánh tét của chị cứu thương, tôi đã có thể tiếp tục đi được từ sáng đến chiều, cho tới khi gặp một dòng sông nước đặc như màu cà phê chắn ngang trước mắt.

(1) Chum vại.

Tôi không biết mình đang đi tới chốn nào đây? Dọc bờ sông xa xa, người ta bắt đầu đốt lên nhiều đống lửa. Trời không gió. Những ngọn lửa cháy thẳng, trông như màu trắng, rực rỡ giữa cảnh trời tà. Một làn ánh sáng tai tái, lơ mờ phảng phất trên mặt nước. Cây cối ngả dần sang màu đen, biến thành những hình thù kỳ dị, như những con quái vật dưới sông trèo lên, chồm chồm ngồi bên bờ. Trên một doi đất, có đám người xúm xít ngồi dưới chòm cây khô. Ánh lửa chiếu qua vai những cái bóng quay lưng về phía mé sông, vờn qua vờn lại trên những chiếc xuồng ghềch mũi kéo lên bãi bùn bên dưới chỗ họ ngồi khiến cho những chiếc xuồng kia trông như động đây muốn bò lên bãi. Hình như những người ngồi đó đang bàn cãi nhau về chuyện giặc Pháp có dám tiến sâu vào vùng này hay không. Tôi bước đến gần, nhìn vào họ xem họ đang làm gì.

Đột nhiên, hai chân tôi bỗng khựng lại... Kia! Ông cụ già bán rần đang ngồi giăng chân bên đống lửa. Con chó săn nằm sát bên chân chủ, mõm ngóc lên, đuôi vẫy qua vẫy lại. Thằng bé đen trũi cầm sào nhảy lên bờ dạo trước thì ngồi đối diện với bố, đang dùng những đầu ngón chân lật ngửa một con rùa nhỏ. Con rùa bị hất vào lửa, bốn chân bơi bơi trong không khí, cổ vươn ra dài ngoẵng. Mấy người đàn ông cúi trần, vận quần đùi đen, cao to như ông cụ già bán rần, người nào người nấy mặt đỏ



lặng đang ngồi bình thản, ngắm con rùa lắc lư cái mai, cố sức dịch ra xa luồng nóng hừng hực từ trong đồng lửa phả ra. Một người rung rung đôi vai cười hé... hé... hơi rượu từ cái mồm há hốc bay ra nồng nặc. Hai người đàn bà mặc quần áo đen, ngồi xế bên ngoài một chút, như hai cái bóng, mắt âu sầu nhìn ra sông.

Tôi đánh bạo bước tới một bước nữa. Con chó sấn tức thời chồm lên, sủa oang oang. Mọi người chưa kịp ngẩng lên thì con vật tinh khôn đã phóng tới ngoạm vào túi áo vét tông của tôi.

- Luốc! Yên nào! - Ông cụ già quát lên.

Con chó sấn buông túi áo tôi ra, lùi về bên chân chủ nhưng mồm vẫn ngoảnh lên hướng về phía tôi, hai cánh mũi bóng nhẫy luôn luôn động đập.

- Ông ơi! Có phải cái này của ông không? - Tôi móc chiếc túi da beo ra, chìa về phía ông cụ già bán rần.

Ông cụ già ngược nhìn lên, sững sốt. Hai mắt ông dán chặt vào chiếc túi vân hoa trên tay tôi. Thằng bé bỏ con rùa nằm đấy, nhảy đến chộp ngay chiếc túi tưởng đã mất rồi. Nó nhe răng, cười như mèo:

- Biết thế nào cũng có người nhặt được mà! Tía cứ bảo rơi dưới kên!

Tôi đang nhìn ông lão hay nhìn vào ngọn lửa, tôi cũng không biết nữa. Tôi bắt đầu kể:

- Hôm trời nổi dông, khi ông xuống thuyền chèo đi rồi, cháu bắt gặp cái túi này nằm ở chỗ

gốc cây bã đậu. Cháu đoán là của ông. Cháu nhặt lên, chạy theo gọi mãi mà gió to quá, ông không nghe...

Ông cụ già bán rần lạng lẽ đứng lên. Tôi hơi lùi chọn lại một bước. Những người ngồi chung quanh đồng lửa cùng đưa mắt nhìn ông. Không thấy ông nói gì. Đột nhiên ông xốc tới, dang hai cánh tay đại bàng ra, cắp lấy hai chân tôi, nâng bổng cả người tôi đưa lên ngang mặt ông. Đầu lắc qua lắc lại, hàm râu cọ vào bắp vế tôi sào sạo, ông cất tiếng cười ha hả. Con chó săn nhảy cõn chung quanh đồng lửa, sủa ăng ăng mấy tiếng, lại lao tới liếm liếm chiếc túi da beo trên tay thằng bé.

- Tốt lắm, chú em! Qua cảm ơn chú em đa! - Giọng mừng rỡ của ông lão vang âm rất xa trong đêm tối. Ông ôm tôi quay một vòng rồi mới chịu buông tôi ra, đỡ tôi vào ngồi cạnh đồng lửa.

Ông giật chiếc túi da beo trên tay thằng bé, tung lên tung xuống mấy cái trong lòng bàn tay to lớn của mình, đoạn nghiêng người vào gần đồng lửa, tháo miệng túi cầm ra từng món, sẫm soi mãi.

Một người đàn ông vỗ đánh bốp vào vai ông cụ già:

- Bác Hai! Vật đã tìm chủ trở về thì ta phải làm một cái gì chứ?

Ông lão cười khà khà:

- Rồi khắc có ngay! Khắc có ngay mà!



Hai người đàn bà ngồi nhích lại bên tôi. Một bà hỏi:

- Em từ ngoài chợ Thới Bình vô đây à?

- Cháu không biết Thới Bình. Cháu từ trên Chắc Băng xuống đây...

- Ủa, vậy em đi đường nào?

- Cháu cũng không biết... Cháu cứ theo đường mòn lội qua rẫy, lần mò đi mãi vậy thôi!

- Nghe nói Tây vô Chắc Băng rồi phải không? Đằng mình bỏ trống cho nó vô à?

- Có đánh chứ! Đánh nhau suốt ngày...

Tôi lần lượt kể lại chuyện những người thương binh trong miếu và chị cứu thương mặc chiếc áo bà ba màu lục... Những người ngồi xung quanh đồng lửa vừa hút thuốc lá vừa lắng nghe chăm chú. Thỉnh thoảng họ lại "à" lên một tiếng và đưa mắt nhìn nhau, mỉm cười. Không biết họ trao đổi với nhau những ý nghĩ gì.

- Thế ba má chú em đâu rồi? - Ông cụ già gõ cái nõ tẩu vào gót chân để trút tàn thuốc lá ra, chợt hỏi tôi.

- Nhà cháu ở tận bên kia sông Tiền Giang. Cháu lạc mất ba má cháu đã lâu rồi.

- Ở Tiền Giang à? Vùng xã nào? - Ông trở mắt hỏi.

- Dạ, ở Mỹ Tho!

- Ồ! Mỹ Tho! Qua cũng có biết...

Người đàn bà ngồi cạnh tôi chép miệng:

- Khổ thân thằng bé! Bây giờ em tính đi đâu?

Tôi cầm vỏ cây khô ném nhẹ vào đồng lửa. Tôi lúng túng không biết đáp ra sao. Nhưng tự nhiên tôi bỗng ngược lên, nói rần rỏi:

- Đi đâu cũng được. Cháu không sợ gì cả. Cháu còn trẻ tráng... đi được tới đâu, cháu đi tới đó! Ở đâu mà chả thích...

Tôi không biết chính tôi đang nói, hay anh Ba thủy thủ hóa thân vào tôi thốt ra câu ấy. Chắc là bộ mặt nghênh nghênh làm ra vẻ tự hào của tôi có gì buồn cười lắm hay sao, mà khi tôi vừa dứt tiếng, mọi người ngồi chung quanh tôi đều cười rộ lên.

- Đưa tay chú mày cho tao coi nào!

Một người đàn ông chop phăng bàn tay tôi, nắn nắn các ngón tay, và kể vào ánh lửa ngắm nghía lòng bàn tay tôi.

- Chú mày có số lênh... và sẽ chịu khổ nhiều. Nhưng rồi tất sau này sẽ khá. Lần đầu tiên tao mới nghe một thằng nhóc nói y như giọng người lớn đấy! Khá lắm! Khá lắm!

Ông cụ già bán rần hơi ngửa đầu ra, mắt nhìn vào khoảng không trước mặt, miệng ngậm tẩu thở ra những hơi khói thuốc lá đặc sệt. Ông khẽ gật gù, quay lại ngó vào tay tôi. Tôi cảm thấy rần rần, dường như đang bị những tia mắt của ông sờ vào khắp người mình vậy.

Thằng bé đen trũi đã chạy xuống mé sông, mò vào thuyền cầm lên chai rượu tổ bố và cái



bát sành to tướng. Đám đàn ông nhịp nhịp đùi, vung tay lên nhao nhao:

- Nào, chúng ta mừng cho bác Hai!

- Vô tửu bất thành lễ!

- Lễ gì vậy?

- Lễ ra mắt của chú em mày... Chúng ta đều cùng họ "lênh đênh" cả!

Ông cụ già bán rần rót rượu ra bát, đưa mắt hỏi tôi:

- Nhấp môi một tí, được chứ?

Tôi cười và lắc đầu. Ông nâng bát rượu lên, tợp một ngụm nhỏ⁽¹⁾ rồi trao chuyển tay cho những người ngồi quanh đồng lửa.

Thằng Cò - tôi còn nhớ tên nó trong lần gặp trước - cầm tay tôi kéo lại gần nó. Nó rủ rủ nói vào tai tôi:

- Mày ăn gì chưa?

- Ăn rồi! - Tôi đáp.

- Có rùa vàng ngon lắm! Còn mấy con dưới thuyền. Chóc nữa nướng cho mày ăn.

Vừa lúc đó, con chó bỗng chồm lên sủa oang oang. Trong tiếng chó sủa dữ dội bất thành linh, tôi nghe có tiếng con vật gì kêu "ché... ét... ché... ét" ở ngoài bóng tối.

- A ha, Võ Tòng! Cả tháng nay không gặp!

Một người đàn ông búng đầu ngón tay canh cách vào cổ chai rượu, lắc lắc đôi vai, khề khà hát:

(1) Theo tục vùng này, bao giờ chủ mời cũng uống trước, để chứng tỏ rằng rượu không có thuốc độc.

"Võ Tòng mà đả hổ"

Tại Kiến Dương Cang

Gặp anh thời giữa đàn...

Con chó nhe nanh, lông gáy dựng ngược, hai chân trước chồm chồm ra bóng tôi sủa dữ dội.

- Luốc! Yên nào!

Ông cụ già quát một tiếng. Con chó săn tui ngửi lùi lại, ngoan ngoãn nằm xuống bên chân chủ.

Tôi nắm chặt tay thằng Cò, hãi quá. Một người đàn ông cổ lộ hầu, đen như cột nhà cháy, cổ trần, cao lêu nghêu đang hiện ra trong ánh lửa. Hai hố mắt ông ta sâu hoắm, và từ trong đáy hố sâu thâm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua long lại, sắc như dao. Mái tóc hung hung như bờm ngựa phủ dài xuống gáy. Bộ ngực chắc nịch của ông ta ướt đầm mồ hôi. Dưới lớp mồ hôi bóng như mỡ đó, có hình một con rồng cuộn khúc xanh lè thích chầm bằng những nét tinh vi, phập phồng theo hơi thở của ông ta. Con rồng xanh vươn vây ôm chặt một quả tim, giữa có những chữ gì lấp loáng mồ hôi trông không rõ. Chỗ gò má bên phải, năm cái sẹo dài sả xuống từ thái dương vắt đến cổ, như đầu móng cọp cào. Một con gì giống như khỉ, hai tay dài nguều ngoào, sắc lông đen tuyền, chỉ trừ chỗ hai gò má là có mọc hai chòm lông trắng, đang ngồi vắt vẻo trên vai con người kinh dị ấy.



- Lâu nay có làm được con thịt nào khá không, ông chúa sơn lâm? - Một người quay mặt ra, hỏi.

Người đàn ông mới đến thở phào một tiếng, thả con vật xuống đất, tháo cánh nỏ đeo bên lưng ra, ngồi vào bên đống lửa nói trống không:

- Tầm tạm vài con heo rừng. Hơn tháng nay còn phơi cái da beo đóng mốc ở lều. Tây đánh gần tới, thiên hạ chạy tứ tán, bán cho ai?

- Làm một hộp rượu đón gió đi, chú! - Ông cụ già bán rắn nghếch râu lên mời.

- Không bán được da thì ta phơi thịt nhậu. Lo gì!

- Bảo "Tiểu Đồng" hầu rượu xem! Cho nó hầu rượu đi, Võ Tòng!

Võ Tòng búng vào miệng bát một cái, tức thời con vật đưa hai tay dài nguئن ngào ra bưng cái bát nâng lên ngang mặt lắc lư đi đến chĩa ra trước ông cụ già. Ông cụ già cầm chai rót thêm rượu vào đầy bát và hất hàm về phía Võ Tòng.

Tôi hỏi thằng Cò:

- Con gì lạ vậy?

- Con vượn bạc má. Khôn lắm! Nó tên là Tiểu Đồng. Không nói được, nhưng nó biết nghe tiếng người.

Thằng Cò cứ ngó chăm chăm vào con vật, coi bộ thích lắm. Con vượn bạc má đứng thẳng hai chân sau lên như người. Hai tay nó bưng bát

rượu đi thẳng đến chỗ Võ Tòng, đưa lên mời chủ. Tiểu Đồng nghe rằng kêu "ché... ét, ché... ét", rồi bắt đầu đi vòng quanh đồng lửa mời rượu từng người. Con chó sủa gừ gừ mấy tiếng, vì sợ chủ nên phải chịu nằm yên chứ coi bộ như nó chỉ chực nhảy ra cắn một miếng vào đùi con vượn thì mới hả. Đến chỗ hai người đàn bà mặc quần áo đen, Tiểu Đồng nghiêng đầu cúi xuống chào, làm cho những người đàn ông thích chí cười rộ lên. Hai người đàn bà lắc đầu quây quây, xua tay từ chối, nhưng con vượn bạc má không chịu đi, cứ đứng giậm chân kêu "ché... ét, ché... ét". Cho đến khi mỗi bà phải cầm bát rượu lên nhấp môi một ít, Tiểu Đồng mới chịu bưng bát đi mời người khác.

- Chú định đi đâu mà thả ngược lên vùng này vậy? - Ông cụ già bán rần hỏi Võ Tòng.

- Quần áo rách hết rồi. Nghe Tây sắp đến, đi đón kiếm một bộ ka-ki mặc chơi! - Võ Tòng đáp chậm rãi.

Một người đàn ông vỗ tay đánh bốp:

- Này! Lấy được súng về bán cho anh em đi săn kiếm thịt ăn với nhé!

Võ Tòng nhếch môi cười. Những vết sẹo ở gò má bên phải nhăn nhúm lại, thấy rất dễ sợ.

- Súng để bắn giặc chứ có súng đầu thừa mà đi săn! Nhất định là tôi sẽ kiếm được. Chỉ lấy quần áo thôi. Còn súng phải để cho anh em tự vệ chứ!



Chợt thấy tôi gật đầu tỏ ý đồng tình, Võ Tòng dừng lại ngó thẳng vào tôi:

- Chú bé này, xem không phải người cánh ta?

Ông cụ già bán rần gật gù, thò tay cầm một cái que khô còi vào đóng lửa:

- Nhưng nó sẽ là người cánh ta. Chốc nữa, tôi sẽ đưa nó đi theo tôi... Bà nhà tôi hẳn là phải mừng lắm!

Một bầy chim đêm bay vút qua trên đầu chúng tôi. Tiếng đập cánh rào rào mất hút trong vòm trời nhấp nháy những vì sao xanh biếc.

7

GIA ĐÌNH BỐ NUÔI TÔI

- *T*ới nhà rồi. Dậy! Dậy lên nhà. An ơi!

Tôi nghe tiếng thằng Cò gọi, giật mình mở mắt ra. Bàn tay nó hầy còn đập đập mấy cái lên vai tôi, khiến tôi tỉnh hẳn người. Tôi giụi mắt mấy cái, bàng hoàng một lúc mới nhớ ra là mình đã ngủ dưới thuyền từ khuya đêm qua cho tới bây giờ.

Thằng Cò đã bò ra trước mũi, loay hoay cầm sợi thừng buộc thuyền vào gần gốc cây mọc dựa bờ.

Tôi đưa mắt ngó lên. Một mái lều nhỏ, tiêu tụy, nép dưới bóng cây tràm vỏ trắng phản chiếu ánh bình minh như tô phấn. Chung quanh nhà mọc đầy những cây bình bát đại, lá xanh um. Sau những cây bình bát đại là một khoảng rộng trống, và nhìn thẳng vào trong xa, chỉ thấy toàn lau sậy mịt mù. Trên khoảng sân rộng trước nhà, một vài con bướm đất bay đây đó. Bên góc sân, một dọc da trăn và da rắn vắt trên cây sào phơi. Luồng gió ban mai thổi nhẹ qua, đong đưa những tấm da khô trông như một bầy rắn quấn vào cây sào đang cựa quậy.

Con Luốc nhảy phốc lên sân, sửa mấy tiếng mừng rỡ. Một bà già cao lớn, hơi gầy, tóc bới cao hình bánh lái, mặc chiếc áo bà ba vải đen kiểu xưa, từ trong lều bước ra, chạy đến cúi xuống vuốt ve con chó. Khi thấy trong thuyền có thằng bé lạ, bà bèn buông con chó, ngược lên hỏi:

- Chú em nào đây?

Thằng Cò đưa tay cho tôi nắm để bước lên bờ, vừa cười vừa nói:

- Anh em với con đây, má à.

- Con nuôi của tôi đây! Bà nó dắt con lên nhà đi. - Ông lão gác mái chèo lên mũi, đứng sau lái thuyền nói vọng lên.



Bà lão mỉm cười nhìn tôi. Tôi không biết nói gì, chỉ ngượng ngịu cúi đầu chào.

*

* *

... Ở vùng Phong Mỹ, ai cũng khen anh Hai là một thanh niên hiền lành, chịu khó. Anh mồ côi cha mẹ từ lúc mười tuổi, phải ở đợ cố công cho tên địa chủ Khá. Mãi đến năm gần ba mươi tuổi anh vẫn chưa lấy được vợ. Người lực điền ấy giỏi trai, khỏe đến nỗi có thể dùng hai tay nắm hai sừng con trâu ghì xuống đất, con trâu vùng vẫy thế nào cũng không cất đầu lên được.

"Bao giờ mày làm cho tao đúng hai mươi năm, trừ hết số nợ cha mẹ mày còn thiếu tao ngày xưa, tao sẽ cho mày một số tiền cưới vợ. Tao sẽ cho vợ chồng mày một vuông đất làm nền nhà, và cho mượn một ít ruộng, làm ăn riêng với nhau...". Lâu lâu, tên địa chủ già nổi tiếng keo kiệt nhất vùng lại bảo với người đầy tớ trung thành của lão một lần như vậy.

Mỗi lần nghe như vậy, anh Hai lại cố sức làm lụng ngày đêm cho vừa lòng chủ, bao nhiêu nổi vất vả nhọc nhằn trong anh thấy đều tan như mây mù trước ánh mặt trời.

Đến năm anh Hai ba mươi tuổi, không thấy tên địa chủ nói gì, anh bèn nhắc lại lời hứa đó...

- Vậy sao? - Tên địa chủ kêu lên và cười lớn. - Vậy mà tao tưởng mày không tính chuyện lấy

vợ, ra ở riêng nữa chứ! Mà đã có con nào bằng lòng lấy mày chưa?

- Bẩm ông chủ, có rồi ạ! - Anh Hai mừng rỡ đáp.

- Thế con đó có đui què, mề sút gì không?

- Bẩm ông chủ, không ạ!

- Nó cấy gặt, làm lụng được chứ?

- Bẩm ông chủ, được ạ!

Tên địa chủ Khá ngấm nghĩ một lúc rồi nói:

- Thôi được. Nhưng mày phải dắt nó về cho tao xem người ngợm ra sao đã. Không lại vớ phải thứ cá lọt giỏ, gà lọt bội⁽¹⁾, quặt quẹo ốm đau, về phải nuôi báo cô thì khổ cho mày!

Anh Hai bơi xuống suốt đêm, đến nhà người yêu báo tin vui đó. Hai anh chị quen biết nhau đã mấy năm nay. Chị Hai cũng là con nhà cố nông, mồ côi, được người dì mang về nuôi từ bé...

Khi tên địa chủ già trông thấy người con gái xứ Cao Lãnh khỏe mạnh, có hai làn mi phớt cong trên cặp mắt to, đen, có đôi vai nở rộng, đang nghiêng cúi chào hấn, hấn đưa tay lên giụi mắt mấy cái. Hấn ngồi sững sờ hồi lâu, không nói gì cả.

Hai anh chị lo quá, lằng lằng bước ra đứng ngoài thêm, không biết mình đã trót vô ý, sơ xuất điều gì để ông chủ phải phật lòng chẳng? Hồi lâu, tên địa chủ mới dặng hắng một tiếng,

(1) Bội là một thứ giỏ không đáy, dùng để úp nhốt gà vịt.

gọi anh Hai vào, cho ngồi xuống một bên góc phản, thông thả bảo:

- Thôi được! Cứ bảo nó ở lại đây. Mọi việc sẽ lo liệu... Tao, tao sẽ cho người đến bàn với dì nó... Rồi đâu khắc vào đấy thôi!

Anh Hai mừng cuống lên, chấp hai tay vái dài toan lui ra. Nhưng ông chủ anh đã vẫy tay, ra hiệu cho anh ngồi lại đó.

- Việc cưới xin của mày thì... hãy thông thả. Rồi tao sẽ liệu cho...

- Vô cùng đội ơn ông chủ!

- Bây giờ mày vào ngay trong chòi ruộng, coi giữ bấy trâu hai mươi con trong đó thay cho thằng Bé. Bảo thằng Bé về lo việc ngoài này, nghe chưa?

Anh Hai vào coi giữ bấy trâu đã hơn nửa tháng. Chiều chiều anh ngồi trên lưng trâu ngóng hướng nhà chủ, nóng ruột như lửa đốt. Người đầy tớ hầu hạ chủ suốt hai mươi năm không lạ gì tính háo sắc của ông chủ nổi tiếng ấy. Một tay lão đã vùi dập bao nhiêu đời thiếu nữ. Có nhiều người con gái tá điền trẻ, đẹp, bước vào nhà lão rồi không trở về nhà cha mẹ nữa, mà nằm vĩnh viễn dưới nắm mộ giữa đồng...

Một đêm, giữa lúc khuya, anh nghe trâu khua sừng lộp cộp, ngỡ trộm vào dất trâu, anh chụp con dao dựa nháy ra.

- Anh Hai ơi! Nguy rồi, anh Hai ơi! - Thằng Bé kêu lên trong tối.

Tay anh Hai cầm con dao run bắn bật. Linh tính báo cho anh biết đã có điều nguy biến xảy ra cho người yêu anh rồi...

Ngay lúc anh Hai vừa ra khỏi nhà đi vào chòi ruộng, tên địa chủ Khá gọi chị Hai vào ngon ngọt dỗ dành, bảo chị nếu ưng thuận thì hần sẽ cưới chị làm hầu thứ ba. Vợ cả hần còn đau nằm liệt ở nhà thương tình từ năm này qua năm khác. Vợ thứ hần thì đang trông coi một đồn điền xa... "Mày chỉ gạt đầu một cái tức khắc lên bà". Chị Hai sụp lạy hần, xin tha cho chị về. Hần hết dỗ dành rồi dọa nạt. Hần đã dùng gậy, dùng roi mây đánh chị thâm tím khắp mình mẩy, và lôi nhốt chị trong nhà kho bỏ trống với một vò nước lã. Rồi hần lại mò xuống dụ dỗ, đánh đập, nhưng hơn mười ngày vẫn không xoay chuyển được lòng chị. Chị Hai cứ nằm khóc, và hết khóc lại ngóng ra khe vách, trông chờ người yêu một cách tuyệt vọng. Tên địa chủ cấm tiệt bọn tôi trai tớ gái trong nhà không được hé môi với ai. Thằng Bé ngày nào cũng lén đút vào cửa cho chị một nắm cơm.

Ngoài thằng Bé ra, bây giờ chỉ còn có con thần lằn chắt lưỡi trên vách và con cóc nghiến răng ngoài thêm thương cho cảnh ngộ của chị thôi.

Đã khuya mà ai còn chèo thuyền ngoài sông hát hò làm chi cho lòng chị Hai thêm đau như muối xát:



"Một tiếng nhục anh để đó, hai tiếng nhục anh để đó, ba tiếng nhục anh ra đi..."

Con cá xếp vì chờ khi nước chảy,

Cần câu gãy... ời hồi cần câu,

Anh thương em không ngớt đoạn sầu

Biết em có nhớ thuở ban đầu gặp nhau..."

Chị Hai ôm mặt khóc nức lên. Chỉ còn có lấy cái chết để bảo toàn trinh tiết, đền đáp lại mối tình của người yêu thôi. Chị thò tay ra lỗ vách thùng, với lấy sợi thừng ai máng bên ngoài.

Thằng Bé ngủ bên hè vựa lúa gần đó. Tiếng khóc của người thiếu nữ xấu số đã khiến nó nhiều đêm không chợp mắt. Nó thường trở dậy đứng bên ngoài vách nhà kho nghe chị khóc, và lòng nặng trĩu xót thương một cách bất lực, nó chỉ biết lặng lẽ cúi đầu, thất thểu dưới ánh trăng đi về nóp, không sao ngủ được... Tình cờ thằng bé bắt gặp bàn tay run rẩy thò ra níu lấy sợi dây thừng. Nó chạy đến giật phăng sợi thừng ném ra xa, và trong giây phút đứng trước nỗi đau khổ tột cùng của những người nghèo cũng bị áp bức như nhau, nó không còn nghĩ đến cái gậy quất đến quần người và những trận đòn khủng khiếp của tên địa chủ, nó nhắm mắt chạy băng đồng ra chòi ruộng gọi anh Hai...

Khi anh Hai và thằng Bé về đến nhà kho thì trăng đã lặn. Anh sờ soạng vỗ vỗ vào vách gọi mấy tiếng. Không nghe bên trong động cựa gì. Chiếc khóa to tướng nghiêng kèn kẹt trong hai

bàn tay nóng rực lửa của người chồng chưa cưới. Anh không bẻ nổi khóa.

- Cạy mẹ của đi, anh! - Thành Bé trao cho anh một con dao mà anh vừa ném bên vách.

Đêm lặng như tờ. Tiếng dao nạy cửa nghiêng vào ổ khóa nghe rộn người. Mấy con chó chạy ra, gặp người nhà chúng không sủa, nhưng con nào con nấy cứ nhảy chồm chồm, kêu ư ử ngạc nhiên trước một việc kỳ lạ mà chúng chưa hề chứng kiến trong ngôi nhà này. Chiếc khóa bật ra. Anh Hai đập cánh cửa lao vào. Anh vấp phải một thân người mềm nhũn nằm trên nền gạch. Anh run run cúi xuống bế thốc lên tay. Chị Hai hây còn thoi thóp. Con xúc động dữ dội đã làm chị ngất đi.

- Chết rồi, anh Hai ơi! Ông chủ xuống kia! - Thành Bé đứng bên ngoài kêu lên.

Khi anh Hai bế chị Hai ra đến sân thì tên địa chủ Khá đã cầm gậy lưng thững bước tới.

- Bỏ nó xuống! Kia! Tao bảo mày bỏ nó xuống!

- Bẩm ông chủ...

- Cầm mồm ngay!

- Xin ông thương vợ chồng chúng tôi...

- Vợ mày à?

- Bẩm ông chủ...

- Có bỏ xuống không?

- Ông chủ nữ nào...



- Nỡ nào! Nỡ nào! Nỡ nào! - Tên địa chủ nén giọng rít lên, và hấn phang gậy xối xả, đập vào đầu vào mặt anh, đập vào cả cái thân hình người thiếu nữ mềm nhũn trên tay tên đầy tớ dám cưỡng lệnh hấn.

Anh Hai quay lưng ra hứng đòn cho người vợ chưa cưới đang thiêm thiếp trong tay mình. Sức người dù khỏe đến đâu cũng có hạn thôi. Anh lão đảo ngã khuyu xuống. Nhưng anh vẫn còn đủ sức đặt chị Hai nằm đấy, vớ con dao quay lại.

Tên địa chủ Khá thét ầm lên, ba chân bốn cẳng chạy lên nhà. Anh Hai không đuổi theo. Anh ném con dao vào lưng nó và quay lại công chị Hai chạy đi.

Trống mõ chung quanh nổi lên như nhái kêu. Anh Hai chưa ra khỏi nhà hơn trăm thước thì bị bắt.

Con dao không kịp cắm vào lưng tên địa chủ dâm ác. Nó chỉ mới cửa đứt một lần dài hơn gang tay... Và anh Hai bị *đóng trăn*⁽¹⁾ chịu một trận đòn thù đến chết đi sống lại không biết mấy lần, trước khi ra toà đền tội "cướp đoạt và cố ý sát thương nhà chủ" mất hai mươi năm tù khổ sai.

Ở tù được năm năm, anh Hai trốn ra, dắt chị Hai xuống một chiếc xuồng để mặc cho nước cuốn trôi đi.

(1) *Cùm chân.*

Đôi vợ chồng cải tên đổi họ, nổi trôi từ vùng này sang vùng khác. Từ những nghề hạ bạc như đóng đáy, câu cá sấu trên sông Cửu Long mênh mông, đến trèo cau, trèo dừa ở Bến Tre, nơi người đi có thể bước suốt ngày dưới những vườn dừa tàu lá ken nhau, trên đầu không lọt xuống một bóng nắng, đến nghề đi làm ruộng thuê cho những tên đại địa chủ ác bá giàu nứt đổ đổ vách của tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu... hai người đều làm tất. Đứng trên các cánh đồng, nhìn bốn mặt chân trời, chỉ thấy lúa vàng gợn lên mênh mông như sóng biển, mà hai vợ chồng không đủ nổi gạo nấu cháo trong lều. Ban đêm phải bò ra những đồng lúa cao như núi do tay mình làm ra, vốc từng nắm một đem về, rồi lấy cán dao cà lúa cho ra gạo. Không dám xay giã đã đành, thậm chí đến đèn cũng không dám thắp, sợ *tần khạo*⁽¹⁾ thấy chỗ nào có ánh sáng là sẽ mò tới...

Cho đến khi chị Hai sinh thành Cò thì tai họa lại bay đến trong gia đình đôi vợ chồng nghèo. Những tên tề địa chủ⁽²⁾ thấy chị Hai xinh đẹp, liền lập mưu phao vu cho chồng chị làm cộng sản để định bắt anh đầy đi chết rục xương ở Côn Đảo, hòng chiếm đoạt người đàn bà lam lũ nhưng có nhan sắc và duyên dáng kia. May thay, anh Hai đã phát hiện kịp, vội vàng thủ tiêu hết tang vật chúng định gán

(1) Cai điện.

(2) Bọn địa chủ có chức phận cai trị làng xã.



ghép, rồi bồng con dắt vợ xuống thuyền đang đêm trốn đi...

- Vào rừng ở thôi! - Chị Hai lau nước mắt, quả quyết bảo chồng như vậy.

Một chiếc thuyền nát, một con dao rựa, một con chó gầy gò, ngồi bên bếp lửa hun khói đuổi muỗi, đuổi bọ mắt trước mũi thuyền, người nông dân cùng đường này chèo đưa vợ con và mấy gia lúa ăn, lúa giống cuối cùng, mỗi ngày một đi sâu vào rừng rậm.

Hai vợ chồng che một túp lều bên cây tràm độc chiếc, để lấy nơi làm phương hướng tìm về. Và họ ra sức khai phá... Họ làm đủ các thứ nghề rừng để sinh sống qua ngày. Ở giữa chốn mịt mù sương lam chướng khí, chung quanh chỉ còn nghe tiếng vượn hú, tiếng beo gầm, dù phải chịu đựng không biết bao gian nan cơ cực, nhưng cuộc sống họ được thanh thoi dễ chịu hơn lúc còn chung đụng với những con người đã cầm vận mệnh trong tay trước kia.

Như thế đó! Sức khỏe của người đàn ông thật thà chỉ biết nai lưng ra làm lụng, và sắc đẹp của một người đàn bà nghèo chung trình là mối bất hạnh đã dắt tai họa vào cái gia đình cố nông này. Chồng thì bị bóc lột đến cùng kiệt sức lực, vợ thì luôn luôn bị đe dọa cưỡng bức... Còn bọn ăn trắng mặc trơn, không làm gì động đến móng tay, thì vẫn mâm cao cỗ đầy, lên xe xuống ngựa, muốn cho ai sống thì sống, muốn

bất ai chết thì chết! Sao trời nỡ bất công làm vậy?

... Đó là câu chuyện về nguồn gốc gia đình của ông Hai bà Hai - gia đình bố mẹ nuôi tôi - mà tôi được biết qua nhiều lần kể của bà: mỗi lúc bà kể một quãng, có khi không ra đầu ra đũa gì, có khi đoạn trước nói thành đoạn sau. Cả không gian và thời gian lẫn lộn đã chìm vào lớp sương mù ký ức trong những năm cơ cực đầu tắt mặt tối, lần lần được bà khơi dậy, mỗi lúc lại hiện lên rõ nét trước mắt tôi.

Cuộc sống chung quanh tôi giờ đây đã khác xa với những bài học ở nhà trường đế quốc trước kia biết bao nhiêu!

- Con ở đây với tía! Tía má nghèo lắm, chẳng có gì đâu. Nhưng con cứ tin rằng cuộc sống của con không đến nỗi như cuộc đời đau khổ của tía má ngày xưa! - Má nuôi tôi một hôm đã bùi ngùi cầm tay tôi nói như vậy.

Tôi đẩy má tôi ra, nước mắt chảy giàn giụa mà không biết rằng mình đang khóc. Tôi bảo bà:

- Đánh chết cha thằng Tây và bọn chủ điền kia thì hết khổ thôi! Bây giờ không phải như ngày xưa nữa... Bây giờ mình đã độc lập rồi, má không biết à? Má đừng ngồi đấy gọi trời. Trời làm gì có mà gọi.

Má nuôi tôi ngả người ra sau, nhìn tôi bằng cặp mắt vừa ngạc nhiên vừa có phần như lo sợ cho tôi. Nhưng rồi bà cũng mỉm cười, gật gật



đầu. Không biết bà có hiểu ý tôi muốn nói gì không? Mà bà làm sao hiểu được, vì chính tôi cũng chưa nói ra được một cách rành rọt những ý nghĩ sôi sục vừa mới thành hình trong đầu óc thơ bé của tôi kia!

Má nuôi tôi đưa tay lau một giọt nước mắt còn đọng trên má tôi. Lần đầu tiên, tôi nhìn thấy giọt lệ mình long lanh trong suốt, lăn rơi trong bàn tay nhăn nheo của một bà lão nghèo đã cúi đầu gánh chịu không biết bao nhiêu nỗi bất hạnh gần suốt cả đời người. Có phải giọt nước mắt nào cũng là biểu hiện của ủy mị và hèn yếu đâu!

8

ĐI CẦU RẰN

Má nuôi tôi là một người thuộc khá nhiều chuyện cổ tích và biết hầu hết mọi cung cách làm ăn của những người nông dân nghèo ở khắp mọi vùng Nam Bộ. Có điều là trong tất cả những mẩu chuyện bà kể, chuyện nào cũng pha đượm ít nhiều tính chất thần bí, và bà tin tưởng một cách ngây thơ ở "mệnh trời". Dù vậy

tôi cũng thích nghe, thích gọi cho má nuôi tôi kể để tôi nghe say mê...

Thằng Cò thì giống mẹ ở chỗ còn hay mê tin dị đoan. Nó là một đứa chúa sợ ma! Bao giờ nghe kể chuyện trong lúc ban đêm, mặc dù đã lớn tướng như vậy mà lúc nào nó cũng nhẩy vào lòng má, ngồi rụt lại như một đứa trẻ con. Tía nuôi tôi thì hiền lành, ít nói. Ông thường ngồi lặng lẽ đánh những sợi dây gai hoặc giữa lưỡi câu, miệng không rời cái tẩu thuốc lá hình thù kỳ dị làm bằng một gốc ốt hiểm⁽¹⁾ rừng.

Má nuôi tôi kể cho chúng tôi nghe đủ thứ chuyện. Từ những chuyện "cá bống hai hang, cá trê hai ngành, tôm càng hai râu" rất ngây ngô, trẻ con, sang chuyện săn nai, săn khỉ trong rừng, qua chuyện cuộc đời của chú Võ Tòng - con người kỳ dị mà tôi đã được gặp một đêm tối ở bờ sông - đến chuyện ma cá sấu, ma cộp, ma nam... mà người nghe yếu bóng vía, dù là người lớn đi nữa, cũng không dám bước ra xa nhà đi đái. Đường như chuyện nào thằng Cò cũng đã nghe mẹ kể rồi. Nó chẳng chú ý mấy, chỉ hong hóng, chực nghe bà quên mất một đoạn nào đó, thì lập tức chen vào bổ sung ngay, rồi lại nheo mắt nhìn tôi như muốn nói: "Thấy chưa, má tao còn không nhớ bằng tao đấy. Mà ở chợ vô đây, rồi còn phải học tao nhiều!" Cái thằng đen trũi, cổ dài ngoẵng như cổ cò ma, nhiều lúc tỏ ra "ta đây" một cách khinh khỉnh,

(1) Giống ớt trái nhỏ, rất cay, quả từng chùm.



để ghét. Ngoài mặt tôi thường tỏ ra không phục, nhưng trong bụng tôi vẫn chịu là nó khôn ranh, hiểu biết hơn tôi nhiều. Nó dạy tôi cách gài nhiều thứ bẫy, đặc tính của nhiều con thú, và nó đã dắt tôi đi gần thuộc hết các lối ngoắt ngoéo trong rừng.

- Tía ơi! Để con dắt thằng An đi câu rắn một đêm, nghe tía!

Một buổi chiều, đột nhiên thằng Cò hứng lên, đề nghị với bố như vậy. Tía nuôi tôi bị con cá ngát đâm vào bắp chân, hôm nay chân còn sưng tấy, chưa đi được. Ông hỏi:

- Đi không có tao, thằng An thì chưa biết gì, liệu một mình mày có làm nên trò trống gì không đấy? Thôi, để lúc khác con ạ!

Má nuôi tôi liền can thiệp ngay:

- Nó làm được mà! Ông thì lúc nào cũng chê ổng chê eo thằng bé. Để không có ông, coi nó có làm được không!

Thằng Cò nhướng mắt nhìn tôi. Thế là hai đứa chúng tôi bắt tay ngay vào việc chuẩn bị cho buổi câu đêm.

Chúng tôi dắt con Luốc đi dọc theo mé nước rình rập những con cá thòi lòi biển. Những con cá thòi lòi to bằng ngón chân cái, cặp mắt ốc nhồi mọc trên đầu giống như hai hột mồng tơi, hễ nghe bước chân chúng tôi đến gần là y như chúng giương cái kỳ ngũ sắc trên lưng thành một cánh bướm, phóng bay trên mặt nước. Giống cá gì mà tinh như quỷ! Bay trên mặt

nước như cá thia lia, lặn cũng giỏi, bơi cũng giỏi còn nhảy trên bờ thì thật không thua gì một con ếch. Vậy mà rốt cuộc hai đứa cũng đập được gần mười con. Riêng phần con Luốc, nó cũng rình chớp được thêm năm sáu con. Vậy là tạm tạm đủ khoản mỗi câu rồi.

Tía nuôi tôi đi cà nhắc đến ngồi trên một gốc cây cắt ngang giống như cái đòn sù sì đặt bên cạnh bếp lửa, xem chúng tôi chuẩn bị mỗi câu. Thằng Cò muốn chứng minh lời khen của má, hay cô "biểu diễn" cho tôi phục nó thì không biết, mà nó làm coi thạo lăm. Nó dùng hai ngón tay banh họng con cá, nhét vào họng mỗi con một quả ớt hiểm chín.

- Ê, nướng đi mậy, An! - Nó bảo tôi.

- Làm sao nướng đây?

- Lấy cái que xiên bụng nó, kê lên than nướng chứ còn làm sao? Nướng mỗi mà cũng không biết!

Nó vót nhọn đầu cái que, xóc ngang con cá mỗi, trao cho tôi. Tôi đặt lên than hồng một chốc, con thoi lòi ngậm quả ớt bèn nhe mồm ra, lưng vênh cong; từ trong họng con cá vàng rộp đỏ mỡ bắt đầu chảy ra, nhều xuống than cháy nghe xèo xèo. Tôi nuốt nước miếng đánh ực một cái:

- Eo ôi! Thơm quá!

Thằng Cò cười lớn:

- Mình ngửi mùi cá nướng còn phát thêm, hưởng gì con răn!



- Ừ, thứ mỗi này nhay lắm! Đêm nay, hai đứa bay ít ra cũng kiếm được năm bảy con cõ bấp chân... Cái thứ mỗi nhái sống gặp nước bơi lom xom thì chỉ tổ quên cá lóc tới phá mất! - Tía nuôi tôi cười hà hà. Khói thuốc lá vờn quanh đôi mắt to, sáng lóng lánh. Ông vui vẻ nói tiếp: - Thằng An mới ra nghề đêm đầu tiên, đừng có xách giỏ về không đấy con ạ!

Ông kéo thúng gai đến bên chân, cầm lên vuốt từng sợi gai, sau đó lại rút cái giữa giắt bên vách ra giữa lại những chiếc lưới câu lựt⁽¹⁾. Tôi hỏi:

- Tía không đánh gai lại cho sẵn à, tía?

Thằng Cò cười hì hì:

- Vậy mà mày cái gì cũng khoe giỏi! Tưởng cái gì trong sách của mày cũng có! Hứ! Tía ơi, đừng bày cho nó nghe tía!

Tía nuôi tôi vỗ vỗ đầu thằng Cò:

- Nó không biết thì phải bảo cho nó chứ. Có ai mẹ đẻ ra không học mà biết được!

Ông cầm một cuộn gai ước chừng bốn năm mươi sợi, to như cổ tay tôi, toàn là những sợi gai rời nhau, dài hơn thước, thông thả buộc chùm hai đầu lại, một đầu buộc vào chiếc lưới câu có ngạnh rất sắc. Ông vừa cuốn chùm gai vòng quanh cổ tay làm như bộ con rắn quấn, vừa giảng giải:

(1) Nhut, cùn.

- Rắn không có tay có chân. Nhưng nó khỏe nhờ ở sức quắn của xương sống. Con trăn bắt nai, quắn con mồi siết chặt mãi, bao giờ mềm, giập hết xương, nó mới nuốt. Thứ rắn rắn ri cóc, có con to cỡ bắp vế, ở dưới nước nó còn khỏe hơn con trăn! Khi mắc câu, nó quắn dây câu và vặn mình xoay vòng siết lại mãi, dây to đến mấy cũng phải đứt... Nhưng loài vật làm sao khôn hơn người được! Dây An, con xem đây! Toàn là những sợi gai rời. Hễ bắt đầu quắn thì gai mới bắt đầu sấn. Càng quắn càng sấn. Một lúc, thấy chưa đứt, nó bèn xoay ngược lại. Tức thời cuộn gai lại tháo ra. Cứ thế mà quắn vào tháo ra suốt đêm, chùm gai câu vẫn trở nguyên, không đứt một sợi!

Khi tia nuôi tôi kiểm tra tất cả những cuộn gai và ướm xong từng lưỡi câu rồi, ông bèn bảo chúng tôi đi dần bụng cho no, kéo thức khuya mau đói lắm. Chúng tôi ăn cơm xong thì má nuôi tôi đã ôm nóp, đèn soi, mác và một cái giỏ tre to tướng bỏ xuống xuống rồi.

Tôi chạy ra, hỏi:

- Cần câu đâu, má?

- Ối! Cần kéo gì, con!

Thằng Cò vụt cười lớn:

- Cần câu gởi bà Thủy⁽¹⁾ ở ngoài sông. Ra ngoài lấy.

(1) Nữ thần cai quản các sông ngòi, theo mê tín của nông dân



Thằng Cò giục tôi đi, nhưng tôi chưa muốn đi. Tôi cứ luẩn quẩn theo má nuôi tôi hỏi đủ thứ, như: khi rấn mắc câu rồi thì làm sao bắt, rủi bị nó cắn có làm sao không?

Tía nuôi tôi bảo:

- Cứ đi đi. Có thằng Cò, đừng ngại. Nó sẽ bảo cho...

Và ông bưng cái mẻ hun⁽¹⁾ đặt xuống trước mũi xuống ngược mắt lên trông ánh chiều sắp lặn:

- Đi bây giờ, ra đến chỗ câu thì vừa!

Tôi ngồi bơi mũi, thằng Cò ngồi bơi lái. Nước từ trong rừng U Minh theo các con lạch nhỏ đổ ra kênh, chảy ào ào như một thác nước màu cà phê đặc, cuộn cuộn thoát ra sông.

Bấy giờ, mặt trời đã lặn vào những đám mây đỏ thẫm ở cuối dải rừng xa. Xuống chúng tôi lướt qua một quãng kênh, hai bên bờ lau sậy mọc rậm rịt. Trước mắt tôi dần dần mở ra một mảng trời vàng rực. Ánh sáng lấp lánh màu bụi vàng kim loại tỏa thành những đường dài rẽ quạt chạy thẳng lên không. Một bầy cò nối đuôi nhau bay theo hình mũi tên, trông mẹt mội vội vàng, những đầu cánh trắng nặng nề nhún lên nhún xuống quạt gió lướt đi, cứ như vương vướng những tia vàng hấp hối khiến chúng không bay mau được. Xuống vẫn trôi băng băng. Một lúc lâu, qua khỏi cánh đồng

(1) Mảnh nồi vỡ để đốt củi, ủ trấu vào cho thành khói, xua muỗi và bọ mắt.

ngập tím một màu hoa lục bình, chúng tôi bắt đầu chui vòm cây đen thẫm như một cái hang. Trời đã tối. Trên đầu tôi, những cành lá đại đan nhau thành một tấm trần kín mít, không để một tia sáng nhỏ lơ mờ của một bóng sao nào lọt xuống được. Tối như bưng mắt. Cái mẻ hun đặt trước mũi xuống cứ phả khói mù mịt khiến tôi gần như ngạt thở. Tôi khom người chồm tới, thổi phù phù mấy cái vào những đầu củi ngón⁽¹⁾ lem nhem. Lửa phụt cháy lên những ngọn mỏng như lụa đỏ, chao qua chao lại. Ánh lửa soi sáng hai bên cành lá rậm rịt, vụt kéo trở về những mảng màu xanh lục, đỏ, vàng, lốm đốm của những hình hoa lá bị nhấn chìm trong bóng tối đen ngòm. Tôi vừa thấy mình đỡ hãi hơn một chút, bỗng kêu lên:

- Ý hì! Cái gì như rấn... Nhiều quá, Cò ơi!

- Rấn đâu mà rấn, mậy? Bộ rấn tới nạp mạng cho tụi mình hả?

- Ờ... ờ... không phải!

Tôi đã kịp nhận ra. Rễ cây mọc thếch quăn vào nhau trông như những nùi rấn đang chen nhau lặn xuống nước, đầu khuất dưới nước rồi mà khúc mình còn mắc trên bờ. Một tiếng "u... u... ụt" nổi lên đột ngột, vang dội cả khu rừng. Con chim ụt to tướng, lông rần rục, từ trong bóng tối chập chờn lao vèo ngang qua đầu chúng tôi, luồng gió từ đôi cánh rộng quạt ra

(1) Cháy ngấm, vừa bén cháy.

một mùi tanh tanh, lờm lờm, người thấy phát buồn nôn. Tiếng "u... u... ụt" của con chim đêm kinh tởm vọng rên trên mặt nước như đuổi theo sau lưng chúng tôi, càng làm cho chiếc xuồng như sợ hãi trôi nhanh.

- Chắc con chim ụt đánh hơi mùi nường của mình, hấn ta muốn nhào vô xuồng kiểm chác hở mậy, Cò? - Tôi nói vu vơ cho đỡ tẻ.

- Tao biết đâu được!

- "Cò" mà không biết được "chim" à?

- Không bõn đâu nhá! Đừng có nói lảng. Tại mày nên bây giờ mới chỉ đi tới đây. Không thì xuồng đã ra tới sông lâu rồi.

Tôi lặng thinh, không đáp. Ừ, cũng tại mình cứ luẩn quẩn theo bên bà má nuôi tôi hồi linh tinh, chứ như đi sớm hơn, có lẽ bây giờ đỡ phải sợ rừng tối. Bụng tôi cứ hồi hộp thế nào ấy. Sợ không ra sợ, lo không ra lo.

Vì tôi ngồi bơi mũi cạnh mẹ hun, xông hơi lửa nóng một lúc, nên mồ hôi vã ra ướt cả trán. Muốn thò tay ra ngoài be xuồng vốc nước lên rửa mặt mà không dám. Tay tôi cứ thò xuống lại rút lên mấy lần.

- Cái gì lóc bóc như cá ăn tía vậy, Cò?

- Tôm tít búng đấy, chứ có rấn đâu mà sợ mậy? Thành nhát quá!

Tôi nghe nó nói, có phần vững bụng hơn, bèn thò tay xuống khoát nước lên rửa mặt. Ừ, cá ăn tía thì nghe phải giống như nổi cơm sôi kia. Má

nuôi tôi kể rồi, bà còn dặn tôi phải chú ý đề phòng. Cá trê đi từng đàn, bơi đặc cả nước, quẫy móng lách tách lục ục như nước cơm sôi, lăm tăm một quãng dài trên sông. Đi chài mà gặp cá ăn tía, quăng chài xuống, khi kéo lên nếu gặp loại chài cũ bỏ bỏ, có thể đứt tung chài. "Nhưng nguy hiểm nhất là rắn. Rắn hổ đất cứ bơi theo trên mặt nước để ăn bọt nhớt cá. Đó là những con rắn đang luyện nọc, mình gầy đét, chỉ còn xương bọc da. Nó nhịn ăn khoảng ba tháng mười ngày, chỉ lội nuốt nhớt cá trê. Rắn đang luyện nọc, cắn ai thì chỉ có trời xuống cứu...". Má nuôi tôi nói như vậy.

Chúng tôi đã ra khỏi vòm cây tối đen ban nãy. Vài ngôi sao le lói mọc thưa. Bờ tràm khô đứng im lìm dưới ánh sao xanh biếc. Cành cây trắng ngoằn ngoèo như đám bạch xà ngọc cổ lên trời hừng uổng mù sương trong chuyện đời xưa. Dòng sông đen ngòm, ghê rợn. Cây cối hiện hình ma quái, ần ần hiện hiện trong lớp sương giăng bàng bạc. Cây đọt chiếc⁽¹⁾ tròn tròn như ngôi mộ. Cây tràm quấn dây tơ hồng như người đàn bà bông con đứng xòa tóc, tay vẫy vẫy. Cây dừa nước, lá nhọn hoắt như hai hàng gươm giắt dài theo sông lá tua tua, chia mũi nhọn lên đe dọa trời. Ban ngày trông chẳng ra làm sao. Đêm tối, nhìn cái gì cũng đậm ra sờ sợ.

(1) Cây thấp thường mọc ở bờ sông, lá có vị chát, ăn như rau sống.